BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ văn 8

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN KHẮC PHI (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN HOÀNH KHUNG (Chủ biên phần Văn)
NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên phần Tiếng Việt) – TRẦN ĐÌNH SỬ (Chủ biên phần Tập làm văn)
LÊ A – DIỆP QUANG BAN – HỒNG DÂN – BÙI MẠNH HÙNG – LÊ QUANG HƯNG
LÊ XUÂN THẠI – ĐỖ NGỌC THỐNG – TRỊNH THỊ THU TIẾT – PHÙNG VĂN TỬU

Ngữ văn 8

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ bảy)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

01 - 2011/CXB/78 - 1235/GD Mã số : 2H811T1

LỜI NÓI ĐẦU

Theo nguyên tắc *đồng tâm*, chương trình Ngữ văn THCS được cấu tạo thành hai vòng : vòng I gồm lớp 6 và lớp 7, vòng II gồm lớp 8 và lớp 9. Trừ phần *Văn học dân gian* chỉ học ở vòng I và *Văn bản thuyết minh* chỉ học ở vòng II, hầu hết các nội dung lớn ở lớp 8, lớp đầu của vòng II, đều đã được đề cập ở những mức độ và phạm vi khác nhau ở vòng I. Tuy nhiên, đây không phải là một sự lặp lại giản đơn mà là một sự tiếp nối và phát triển hợp lô-gíc.

Về phần Tập làm văn, sau khi củng cố, nâng cao một số kiến thức về văn bản, tiếp tục rèn luyện một số kĩ năng cơ bản trong quá trình tạo lập văn bản như *xây dựng bố cục, xây dựng đoạn văn, liên kết đoạn,* các em sẽ tập trung học ba kiểu văn bản : *tự sự, thuyết minh, nghị luận*. Tự sự đã học ở lớp 6, nghị luận đã học ở lớp 7 song ở lớp 8 sẽ được nâng cấp trên một vài phương diện, đặc biệt là việc kết hợp hai phương thức biểu đạt này với các phương thức biểu đạt khác như miêu tả, biểu cảm. Sự kết hợp các phương thức biểu đạt là hiện tượng phổ biến ở các tác phẩm văn chương, bởi vậy, nội dung học tập của phần Tập làm văn sẽ tạo khá nhiều điều kiện thuận lợi cho các em đọc – hiểu văn bản, đặc biệt là với 8 truyện (hoặc đoạn trích) ở phần đầu tập một và 6 văn bản nghị luận ở phần giữa tập hai. Thuyết minh, kiểu văn bản lần đầu được dạy trong nhà trường ở Việt Nam, tuy không xuất hiện nhiều trong lĩnh vực văn chương nhưng lại hết sức thông dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống, và có lẽ vì vậy, được dùng nhiều trong văn bản giáo khoa, khoa học, nhật dụng. Tuy không tiếp tục dạy – học biểu cảm như một kiểu văn bản riêng, song chương trình Ngữ văn 8 vẫn có đến 11 văn bản thơ trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 (thơ yêu nước đầu thế kỉ, Thơ mới, thơ Hồ Chí Minh, thơ Tố Hữu). Những bài thơ này không chỉ có ý nghĩa giáo dục to lớn mà còn cho các em thấy thêm những vẻ đẹp khác nhau của tác phẩm trữ tình. Đó cũng là những chất liệu quan trọng để các em làm tốt các bài văn thuyết minh và nghị luận. Tiếp theo văn tự sự trung đại (lớp 6), thơ trữ tình trung đại (lớp 7),

các em sẽ học 4 văn bản nghị luận trung đại tiêu biểu của Việt Nam viết về các đề tài khác nhau và bằng các thể văn khác nhau *(chiếu, hịch, cáo, tấu)*. Để nắm được di sản quý báu này của dân tộc, các em cần vận dụng một cách linh hoạt các kiến thức đã học về văn nghị luận, cần đọc kĩ các chú thích đánh dấu (★), các chú thích về điển cố và từ cổ. Về phần Tiếng Việt, có khá nhiều vấn đề mới, trong đó một số nội dung có khả năng áp dụng hết sức rộng rãi, dù là trong khâu đọc – hiểu văn bản, tập làm văn (viết và nói) hoặc giao tiếp thường ngày như *hội thoại, hành động nói, lựa chọn trật tự từ trong câu, trường từ vựng, các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh,...*

Nội dung SGK *Ngữ văn 8* khá phong phú, một số điểm được nhấn mạnh trên đây chỉ là để các em lưu ý hơn trong quá trình học tập.

TM. Nhóm biên soạn
Tổng Chủ biên
NGUYỄN KHẮC PHI

BÀI 1

Kết quả cần đạt

- *Hiểu được tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật "tôi" trong buổi tựu trường đầu tiên qua ngòi bút giàu chất trữ tình của Thanh Tịnh.*
- *Phân biệt được các cấp độ khái quát khác nhau của nghĩa từ ngữ.*
- *Bước đầu biết cách viết một văn bản bảo đảm tính thống nhất về chủ đề.*

VĂN BẢN

TÔI ĐI HỌC

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường(1).

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn. Dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở

trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi bặm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi :

– Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm :

– Thôi để mẹ cầm cũng được.

Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này : chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

Trước sân trường làng Mĩ Lí dày đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang qua làng Hoà An bẫy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần. Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng nào khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mắt tôi trường Mĩ Lí trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hoà Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp. Cảm thấy mình chơ vơ là lúc này. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dìu các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đúng hơn nữa, hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại duỗi

mạnh như đá một quả ban tưởng tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

Ông đốc[2] trường Mĩ Lí cho gọi mấy cậu học trò mới đến đứng trước lớp ba[3]. Trường làng nhỏ nên không có phòng riêng của ông đốc. Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng.

Sau khi đọc xong mấy mươi tên đã viết sẵn trên mảnh giấy lớn, ông đốc nhìn chúng tôi nói sẽ :

– Thế là các em được vào lớp năm[4]. Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng và để thầy dạy các em được sung sướng. Các em đã nghe chưa ? (Các em đều nghe nhưng không em nào dám trả lời. Cũng may đã có một tiếng dạ ran của phụ huynh đáp lại.)

Ông đốc nhìn chúng tôi với cặp mắt hiền từ và cảm động. Mấy cậu học trò trong lớp ba cũng đua nhau quay đầu nhìn ra. Và ngoài đường cũng có mấy người đứng dừng lại để nhìn vào. Trong những phút này chúng tôi được người ta ngắm nhìn nhiều hơn hết. Vì vậy đã lúng túng chúng tôi càng lúng túng hơn.

Ông đốc lấy cặp kính trắng xuống rồi nói :

– Thôi, các em lên đứng đây sắp hàng để vào lớp.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lưng lẻo nhìn[5] ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác[6] quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Ông đốc tươi cười nhẫn nại chờ chúng tôi.

– Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.

Sau khi thấy hai mươi tám cậu học trò sắp hàng đều đặn dưới hiên trường, ông đốc liền ra dấu cho chúng tôi đi vào lớp năm. Một thầy trẻ tuổi, gương mặt tươi cười, đang đón chúng tôi trước cửa lớp. Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này. Tôi cũng lấy làm lạ.

Vì có những hôm đi chơi suốt cả ngày với chúng bạn ở đồng làng Lê Xá, lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.

Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên lạm nhận[7] là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề quen biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật.

Một con chim con liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vỗ cánh bay cao.

Tôi đưa mắt thèm thuồng nhìn theo cánh chim. Một kỉ niệm cũ đi bẫy chim giữa cánh đồng lúa hay bên bờ sông Viêm sống lại đầy rẫy trong trí tôi. Nhưng tiếng phấn của thầy tôi gạch mạnh trên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật.

Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm nhẩm đánh vần đọc :

*Bài viết tập : **Tôi đi học**.*

(Thanh Tịnh[★], trong *Tổng tập văn học Việt Nam*,
tập 29B, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981)

Chú thích

(★) Thanh Tịnh (1911 – 1988) tên khai sinh là Trần Văn Ninh, quê ở xóm Gia Lạc, ven sông Hương, ngoại ô thành phố Huế. Từ năm 1933, ông đi làm ở các sở tư rồi vào nghề dạy học và bắt đầu viết văn, làm thơ. Sáng tác của Thanh Tịnh nhìn chung đều toát lên vẻ đẹp đằm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo. Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (năm 2007). Tác phẩm chính : *Hận chiến trường* (tập thơ, 1937), *Quê mẹ* (tập truyện ngắn, 1941), *Ngậm ngải tìm trầm* (tập truyện ngắn, 1943), *Sức mồ hôi* (ca dao, 1954), *Những giọt nước biển* (tập truyện ngắn, 1956),...

Truyện ngắn *Tôi đi học* in trong tập *Quê mẹ*, xuất bản năm 1941.

(1) *Tựu trường* : đến trường ngày khai giảng năm học.

(2) *Ông đốc* : ở đây là ông hiệu trưởng.

(3), (4) *Lớp ba, lớp năm* : các lớp bậc Tiểu học. Theo hệ thống giáo dục thời trước Cách mạng, lớp năm là lớp thấp nhất.

(5) *Lưng lẻo nhìn* (ít dùng) : có thể hiểu là nhìn lại với tâm trạng lưu luyến, dùng dằng.

(6) *Bất giác* : chợt, bỗng chợt.

(7) *Lạm nhận* : nhận quá đi, nhận vào mình những phần, những điều không phải của mình.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Những gì đã gợi lên trong lòng nhân vật "tôi" kỉ niệm về buổi tựu trường đầu tiên ? Đọc toàn bộ truyện ngắn, em thấy những kỉ niệm này được nhà văn diễn tả theo trình tự như thế nào ?

2. Tìm những hình ảnh, chi tiết chứng tỏ tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật "tôi" khi cùng mẹ đi trên đường tới trường, khi nghe gọi tên và phải rời bàn tay mẹ cùng các bạn đi vào lớp, khi ngồi trong lớp đón giờ học đầu tiên.

3. Em có cảm nhận gì về thái độ, cử chỉ của những người lớn (ông đốc, thầy giáo đón nhận học trò mới, các phụ huynh) đối với các em bé lần đầu đi học ?

4. Hãy tìm và phân tích các hình ảnh so sánh được nhà văn sử dụng trong truyện ngắn.

5. Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn này. Sức cuốn hút của tác phẩm, theo em, được tạo nên từ đâu ?

Ghi nhớ

*Trong cuộc đời mỗi con người, kỉ niệm trong sáng của tuổi học trò, nhất là buổi tựu trường đầu tiên, thường được ghi nhớ mãi. Thanh Tịnh đã diễn tả dòng cảm nghĩ này bằng nghệ thuật tự sự xen miêu tả và biểu cảm, với những rung động tinh tế qua truyện ngắn **Tôi đi học**.*

LUYỆN TẬP

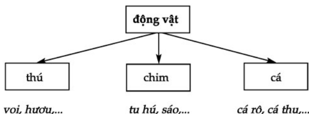
1. Phát biểu cảm nghĩ của em về dòng cảm xúc của nhân vật "tôi" trong truyện ngắn *Tôi đi học*.

2. Viết bài văn ngắn ghi lại ấn tượng của em trong buổi đến trường khai giảng lần đầu tiên.

CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ

I – TỪ NGỮ NGHĨA RỘNG, TỪ NGỮ NGHĨA HẸP

Quan sát sơ đồ dưới đây và trả lời câu hỏi.



voi, hươu,... *tu hú, sáo,...* *cá rô, cá thu,...*

a) Nghĩa của từ *động vật* rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ *thú, chim, cá* ? Vì sao ?

b) Nghĩa của từ *thú* rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ *voi, hươu* ? Nghĩa của từ *chim* rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ *tu hú, sáo* ? Nghĩa của từ *cá* rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ *cá rô, cá thu* ? Vì sao ?

c) Nghĩa của các từ *thú, chim, cá* rộng hơn nghĩa của những từ nào, đồng thời hẹp hơn nghĩa của từ nào ?

Ghi nhớ

Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn (khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn) nghĩa của từ ngữ khác :

– Một từ ngữ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.

– Một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.

– Một từ ngữ có nghĩa rộng đối với những từ ngữ này, đồng thời có thể có nghĩa hẹp đối với một từ ngữ khác.

II – LUYỆN TẬP

1. Lập sơ đồ thể hiện cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ trong mỗi nhóm từ ngữ sau đây (theo mẫu sơ đồ trong bài học) :

a) *y phục, quần, áo, quần đùi, quần dài, áo dài, sơ mi.*

b) *vũ khí, súng, bom, súng trường, đại bác, bom ba càng, bom bi.*

2. Tìm từ ngữ có nghĩa rộng so với nghĩa của các từ ngữ ở mỗi nhóm sau đây :

a) *xăng, dầu hoả,* (khí) *ga, ma dút, củi, than.*

b) *hội hoạ, âm nhạc, văn học, điêu khắc.*

c) *canh, nem, rau xào, thịt luộc, tôm rang, cá rán.*

d) *liếc, ngắm, nhòm, ngó.*

e) *đấm, đá, thụi, bịch, tát.*

3. Tìm các từ ngữ có nghĩa được bao hàm trong phạm vi nghĩa của mỗi từ ngữ sau đây :

a) *xe cộ*

b) *kim loại*

c) *hoa quả*

d) (người) *họ hàng*

e) *mang*

4. Chỉ ra những từ ngữ không thuộc phạm vi nghĩa của mỗi nhóm từ ngữ sau đây :

a) *thuốc chữa bệnh : át-xpi-rin, ăm-pi-xi-lin, pê-ni-xi-lin, thuốc giun, thuốc lào.*

b) *giáo viên : thầy giáo, cô giáo, thủ quỹ.*

c) *bút : bút bi, bút máy, bút chì, bút điện, bút lông.*

d) *hoa : hoa hồng, hoa lay-ơn, hoa tai, hoa thược dược.*

5*. Đọc đoạn trích sau và tìm ba động từ cùng thuộc một phạm vi nghĩa, trong đó một từ có nghĩa rộng và hai từ có nghĩa hẹp hơn.

Xe chạy chầm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo [...].

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

I – CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

Hãy đọc lại văn bản *Tôi đi học* của Thanh Tịnh và trả lời các câu hỏi :

1. Tác giả nhớ lại những kỉ niệm sâu sắc nào trong thời thơ ấu của mình ? Sự hồi tưởng ấy gợi lên những ấn tượng gì trong lòng tác giả ?

2. Nội dung trả lời các câu hỏi trên chính là chủ đề của văn bản *Tôi đi học.* Hãy phát biểu chủ đề của văn bản này.

3. Từ các nhận thức trên, em hãy cho biết : Chủ đề của văn bản là gì ?

II – TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

1. Căn cứ vào đâu em biết văn bản *Tôi đi học* nói lên những kỉ niệm của tác giả về buổi tựu trường đầu tiên ? (Chú ý nhan đề, các từ ngữ và các câu trong văn bản viết về những kỉ niệm buổi tựu trường đầu tiên.)

2. Văn bản *Tôi đi học* tập trung hồi tưởng lại tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật "tôi" trong buổi tựu trường đầu tiên.

a) Hãy tìm các từ ngữ chứng tỏ tâm trạng đó in sâu trong lòng nhân vật "tôi" suốt cuộc đời.

b) Tìm các từ ngữ, các chi tiết nêu bật cảm giác mới lạ xen lẫn bỡ ngỡ của nhân vật "tôi" khi cùng mẹ đi đến trường, khi cùng các bạn đi vào lớp. (Chú ý phân tích những cảm giác khác biệt về cùng một sự vật, sự việc trước và trong buổi tựu trường đầu tiên.)

3. Từ việc phân tích trên, hãy cho biết : Thế nào là tính thống nhất về chủ đề của văn bản ? Làm thế nào để bảo đảm tính thống nhất đó ?

Ghi nhớ

- *Chủ đề là đối tượng và vấn đề chính mà văn bản biểu đạt.*
- *Văn bản có tính thống nhất về chủ đề khi chỉ biểu đạt chủ đề đã xác định, không xa rời hay lạc sang chủ đề khác.*
- *Để viết hoặc hiểu một văn bản, cần xác định chủ đề được thể hiện ở nhan đề, đề mục, trong quan hệ giữa các phần của văn bản và các từ ngữ then chốt thường lặp đi lặp lại.*

III – LUYỆN TẬP

1. Phân tích tính thống nhất về chủ đề của văn bản sau theo những yêu cầu nêu ở dưới.

RỪNG CỌ QUÊ TÔI

Chẳng có nơi nào đẹp như sông Thao quê tôi, rừng cọ trập trùng.

Thân cọ vút thẳng trời hai ba chục mét cao, gió bão không thể quật ngã. Búp cọ vuốt dài như thanh kiếm sắc vung lên. Cây non vừa trồi, lá đã xoà sát mặt đất. Lá cọ tròn xoè ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy, trưa hè lấp loá nắng như rừng mặt trời mới mọc. Mùa xuân, chim chóc kéo về từng đàn. Chỉ nghe tiếng hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.

Căn nhà tôi ở núp dưới rừng cọ. Ngôi trường tôi học cũng khuất trong rừng cọ. Ngày ngày đến lớp, tôi đi trong rừng cọ. Không đếm được có bao nhiêu tàu lá cọ xoè ô lợp kín trên đầu. Ngày nắng, bóng râm mát rượi. Ngày mưa, cũng chẳng ướt đầu.

Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây cọ. Cha làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân. Mẹ đựng hạt giống đầy móm lá cọ, treo lên gác bếp để gieo cấy mùa sau. Chị tôi đan nón lá cọ, lại biết đan cả mành cọ và làn cọ xuất khẩu. Chiều chiều chăn trâu, chúng tôi rủ nhau đi nhặt những trái cọ rơi đầy quanh gốc về om, ăn vừa béo vừa bùi.

Quê tôi có câu hát :

Dù ai đi ngược về xuôi
Cơm nắm lá cọ là người sông Thao.

Người sông Thao đi đâu rồi cũng nhớ về rừng cọ quê mình.

(Nguyễn Thái Vận)

Yêu cầu :

a) Cho biết văn bản trên viết về đối tượng nào và về vấn đề gì. Các đoạn văn đã trình bày đối tượng và vấn đề theo trình tự nào ? Theo em, có thể thay đổi trình tự sắp xếp này được không ? Vì sao ?

b) Nêu chủ đề của văn bản trên.

c) Chủ đề ấy được thể hiện trong toàn văn bản, từ việc miêu tả rừng cọ đến cuộc sống của người dân. Hãy chứng minh điều đó.

d) Tìm các từ ngữ, các câu tiêu biểu thể hiện chủ đề của văn bản.

2. Một bạn dự định viết những ý sau trong bài văn chứng minh luận điểm "Văn chương làm cho tình yêu quê hương đất nước trong ta thêm phong phú và sâu sắc" :

a) Văn chương làm cho những hiểu biết của ta về quê hương đất nước thêm phong phú, sâu sắc.

b) Văn chương lấy ngôn từ làm phương tiện biểu hiện.

c) Văn chương làm ta thêm tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, về truyền thống tốt đẹp của ông cha ta.

d) Văn chương giúp ta yêu cuộc sống, yêu cái đẹp.

e) Văn chương nung nấu trong ta lòng căm thù bọn giặc cướp nước, bọn bán nước và hun đúc ý chí quyết tâm hi sinh để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

Hãy trao đổi theo nhóm xem ý nào sẽ làm cho bài viết lạc đề.

3. Để phân tích dòng cảm xúc thiết tha, trong trẻo của nhân vật "tôi" trong văn bản *Tôi đi học*, có bạn dự định triển khai những ý sau :

a) Cứ mùa thu về, mỗi lần thấy các em nhỏ núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng lại náo nức, rộn rã, xốn xang.

b) Con đường đến trường trở nên lạ.

c) Mẹ nắm tay dẫn đến trường.

d) Muốn thử cố gắng tự mang sách vở như một cậu học trò thực sự.

e) Sân trường rộng, ngôi trường cao hơn.

g) Sợ hãi, chơ vơ trong hàng người bước vào lớp.

h) Ông đốc và thầy giáo trẻ trìu mến đón tiếp học trò.

Hãy thảo luận cùng bạn để bổ sung, lựa chọn, điều chỉnh lại các từ, các ý cho thật sát với yêu cầu của đề bài.

BÀI 2

Kết quả cần đạt

- *Hiểu nỗi đau của chú bé mồ côi cha phải sống xa mẹ và tình yêu thương vô bờ của chú đối với người mẹ bất hạnh được thể hiện cảm động trong đoạn trích hồi kí **Những ngày thơ ấu** của Nguyên Hồng.*
- *Nắm được thế nào là trường từ vựng ; bước đầu biết vận dụng kiến thức về trường từ vựng để nâng cao hiệu quả diễn đạt.*
- *Biết cách sắp xếp các nội dung trong phần Thân bài của văn bản.*

VĂN BẢN

TRONG LÒNG MẸ
(Trích *Những ngày thơ ấu*)

(Chú bé Hồng ra đời là kết quả của cuộc hôn nhân miễn cưỡng không tình yêu ; chú lớn lên trong không khí giả dối, lạnh lẽo của một gia đình không hạnh phúc. Người bố sống lặng lẽ, u uất với bàn đèn thuốc phiện. Người mẹ trẻ trung có trái tim khao khát yêu đương song đành chôn tuổi thanh xuân bên người chồng nghiện ngập. Gia đình ngày càng sa sút rồi cuối cùng sụp đổ hẳn. Bố chết, người mẹ vì "cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực", để lại đứa trẻ sống bơ vơ giữa sự ghẻ lạnh cay nghiệt của họ hàng...)

Tôi đã bỏ cái khăn tang bằng vải màn ở trên đầu đi rồi. Không phải đoạn tang(1) thầy(2) tôi mà vì tôi mới mua được cái mũ trắng và quấn băng đen.

Gần đến ngày giỗ đầu(3) thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về. Trong đó nghe đâu mẹ tôi đi bán bóng đèn và những phiên chợ chính còn bán cả vàng hương nữa. Tôi nói "nghe đâu" vì tôi thấy người ta bắn tin(4) rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi :

– Hồng ! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không ?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ủ ấp từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch[5] của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi[6] để tôi khinh miệt và ruồng rẫy[7] mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực[8]. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

Tôi cũng cười đáp lại cô tôi :

– Không ! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ[9] cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt :

– Sao lại không vào ? Mợ mày phát tài[10] lắm, có như dạo trước đâu !

Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chằm chặp đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất : lòng tôi càng thắt lại, khoé mắt tôi đã cay cay. Cô tôi liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng :

– Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

Nước mắt tôi ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng "em bé" mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên[11] đã xoắn chặt lấy tâm can[12] tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mợ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chửa đẻ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến[13] tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm... Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi :

– Sao cô biết mợ con có con ?

Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe. Có một bà họ nội xa vào trong ấy cân gạo về bán. Bà ta một hôm đi qua chợ thấy mẹ tôi ngồi cho con bú ở bên rổ bóng đèn. Mẹ tôi ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi, thấy thế bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che...

Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục[14] đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.



Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai, nhìn vào mặt tôi, nghiêm nghị :

– Vậy mày hỏi cô Thông – tên người đàn bà họ nội xa kia – chỗ ở của mợ mày, rồi đánh giấy[15] cho mợ mày, bảo dù sao cũng phải về. Trước sau cũng một lần xấu, chả nhẽ bán xới[16] mãi được sao ?

Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chừng nói tiếp :

– Mấy lại rằm tháng tám này là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng còn phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ ?

Nhưng đến ngày giỗ đầu thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về. Mẹ tôi về một mình đem rất nhiều quà bánh cho tôi và em Quế tôi. Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bối rối :

– Mợ ơi ! Mợ ơi ! Mợ ơi !...

Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không

những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh[17] của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Xe chạy chầm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo :

– Con nín đi ! Mợ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc[18] ? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng. Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì. Trong phút rạo rực ấy, cái câu nói của cô tôi lại nhắc lại :

– Mày dại quá ! Vào Thanh Hoá đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào bắt mợ mày may vá, sắm sửa cho và bế em bé chứ.

Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa...

(Nguyên Hồng[★], *Những ngày thơ ấu*,
NXB Đời nay, Hà Nội, 1940)

Chú thích

(★) Nguyên Hồng (1918 – 1982) tên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Trước Cách mạng, ông sống chủ yếu ở thành phố cảng

Hải Phòng, trong một xóm lao động nghèo. Ngay từ tác phẩm đầu tay, Nguyên Hồng đã hướng ngòi bút về những người cùng khổ gần gũi mà ông yêu thương thắm thiết. Sau Cách mạng, Nguyên Hồng tiếp tục bền bỉ sáng tác, ông viết cả tiểu thuyết, kí, thơ, nổi bật hơn cả là các bộ tiểu thuyết sử thi nhiều tập. Nguyên Hồng được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996). Tác phẩm chính : *Bỉ vỏ* (tiểu thuyết, 1938), *Những ngày thơ ấu* (hồi kí, 1938), *Trời xanh* (tập thơ, 1960), *Cửa biển* (bộ tiểu thuyết gồm 4 tập : *Sóng gầm* – 1961, *Cơn bão đã đến* – 1967, *Thời kì đen tối* – 1973, *Khi đứa con ra đời* – 1976), *Núi rừng Yên Thế* (bộ tiểu thuyết lịch sử gồm nhiều tập, đang viết dở), *Bước đường viết văn* (hồi kí, 1970),...

Những ngày thơ ấu là tập hồi kí kể về tuổi thơ cay đắng của tác giả. Tác phẩm gồm 9 chương, đăng báo năm 1938, in thành sách lần đầu năm 1940. Đoạn trích *Trong lòng mẹ* là chương IV của tác phẩm.

(1) *Đoạn tang* : hết thời gian để tang.

(2) *Thầy* (từ dùng để xưng gọi ở một số địa phương) : bố.

(3) *Giỗ đầu* : giỗ sau ngày chết một năm.

(4) *Bắn tin* : đưa ra một tin nhằm gián tiếp đến được người nào đó.

(5) *Rất kịch* : rất giống như đóng kịch ; ở đây có nghĩa là rất giả dối.

(6) *Hoài nghi* : nghi ngờ.

(7) *Ruồng rẫy* : hắt hủi, ghét bỏ, không nhìn gì đến.

(8) *Tha hương cầu thực* (hoặc *tha phương cầu thực*) : đi xa quê kiếm ăn.

(9) *Mợ* (từ dùng để xưng gọi trong gia đình trung lưu, trí thức ngày trước) : mẹ.

(10) *Phát tài* : (làm ăn, buôn bán) kiếm được nhiều tiền.

(11) *Quả nhiên* : đúng như thế, đúng như đã đoán biết trước.

(12) *Tâm can* : tim gan, gan ruột ; ý nói chỗ sâu kín nhất, tha thiết nhất trong lòng.

(13) *Thành kiến* : cách nhìn nhận có phần thiên lệch từ trước, khó thay đổi.

(14) *Cổ tục* : tục lệ xưa cũ.

(15) *Đánh giấy* (khẩu ngữ, cũ) : viết thư.

(16) *Bán xới* (hoặc *bán sới*, khẩu ngữ) : bỏ quê hương xứ sở mà đi.

(17) *Ảo ảnh* : hình ảnh của cái không có thật nhưng giống như thật ; ở đây nói đến một hiện tượng đặc biệt chỉ thấy ở sa mạc : người đi trên sa mạc thấy phía xa có hình ảnh cây cối soi bóng trên mặt nước, tưởng ở đó có hồ nước, nhưng thực ra, đó chỉ là ảo ảnh được tạo ra bởi lớp không khí nóng trên sa mạc mà thôi.

(18) *Sung túc* : đầy đủ (về đời sống vật chất).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phân tích nhân vật người cô trong cuộc đối thoại giữa bà ta với chú bé Hồng.

(*Gợi ý* : Chú ý vẻ mặt "tươi cười", giọng nói "ngọt ngào", cử chỉ thân mật của người cô đối với chú bé Hồng mà tác giả gọi là "rất kịch". Bà ta muốn gì khi nói rằng mẹ chú đang "phát tài" và nhất là cố ý phát âm hai tiếng "em bé" ngân dài thật ngọt ? Vì sao những lời lẽ của bà ta đã khiến lòng chú bé "thắt lại", "nước mắt ròng ròng"... ? Qua cuộc đối thoại, em thấy nhân vật bà cô là người như thế nào ?)

2. Tình yêu thương mãnh liệt của chú bé Hồng đối với người mẹ bất hạnh được thể hiện như thế nào ?

(*Gợi ý* : Cần chú ý phân tích :

– Phản ứng tâm lí của chú bé khi nghe những lời giả dối, thâm độc xúc phạm sâu sắc tới mẹ chú.

– Cảm giác sung sướng cực điểm của chú khi gặp lại và nằm trong lòng người mẹ mà chú mong chờ mỏi mắt.)

3*. Qua đoạn trích *Trong lòng mẹ*, hãy chứng minh rằng văn Nguyên Hồng giàu chất trữ tình.

4. Qua đoạn trích, em hiểu thế nào là hồi kí ?

5*. Có nhà nghiên cứu nhận định Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng. Nên hiểu như thế nào về nhận định đó ? Qua đoạn trích *Trong lòng mẹ*, em hãy chứng minh nhận định trên.

Ghi nhớ

*Đoạn trích **Trong lòng mẹ**, trích hồi kí **Những ngày thơ ấu** của Nguyên Hồng, đã kể lại một cách chân thực và cảm động những cay đắng, tủi cực cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh.*

TRƯỜNG TỪ VỰNG

I – THẾ NÀO LÀ TRƯỜNG TỪ VỰNG ?

1. Các từ in đậm trong đoạn trích sau có nét chung nào về nghĩa ?

*Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương **mặt** mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi **mắt** trong và nước **da** mịn, làm nổi bật màu hồng của hai **gò má**. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc ? Tôi ngồi trên đệm xe, **đùi** áp đùi mẹ tôi, **đầu** ngả vào **cánh tay** mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn **miệng** xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

Ghi nhớ

Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

2. Lưu ý

a) Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.

Ví dụ, trường từ vựng "mắt" có những trường nhỏ sau đây :

– Bộ phận của mắt : *lòng đen, lòng trắng, con ngươi, lông mày, lông mi,...*

– Đặc điểm của mắt : *đờ đẫn, sắc, lờ đờ, tinh anh, toét, mù, loà,...*

– Cảm giác của mắt : *chói, quáng, hoa, cộm,...*

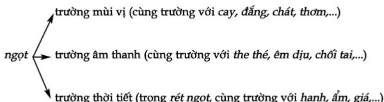
– Bệnh về mắt : *quáng gà, thong manh, cận thị, viễn thị,...*

– Hoạt động của mắt : *nhìn, trông, thấy, liếc, nhòm,...*

b) Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại (Xem các ví dụ ở mục (a) : thuộc trường "mắt" có các danh từ như *con ngươi, lông mày,...* các động từ như *nhìn, trông,...* các tính từ như *lờ đờ, toét,...*).

c) Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau.

Ví dụ :



d) Trong thơ văn cũng như trong cuộc sống hằng ngày, người ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ và khả năng diễn đạt (phép nhân hoá, ẩn dụ, so sánh,...).

Ví dụ :

*Con chó **tưởng** chủ mắng, vẫy đuôi **mừng** để lấy lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa :*

*– **Mừng** à ? Vẫy đuôi à ? Vẫy đuôi thì cũng giết ! Cho **cậu** chết !*

*Thấy lão sừng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi vừa **chực** lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhè nhẹ vào lưng nó và dấu dí :*

*– À không ! À không ! Không giết **cậu Vàng** đâu nhỉ !... **Cậu Vàng** của ông **ngoan** lắm ! Ông không cho giết... Ông để **cậu Vàng** ông nuôi...*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

Trong đoạn văn này, tác giả đã chuyển các từ (in đậm) từ trường từ vựng "người" sang trường từ vựng "thú vật" để nhân hoá.

II – LUYỆN TẬP

1. Đọc văn bản *Trong lòng mẹ* của Nguyên Hồng, tìm các từ thuộc trường từ vựng "người ruột thịt".

2. Hãy đặt tên trường từ vựng cho mỗi dãy từ dưới đây :

a) *lưới, nơm, câu, vó.*

b) *tủ, rương, hòm, va li, chai, lọ.*

c) *đá, đạp, giẫm, xéo.*

d) *buồn, vui, phấn khởi, sợ hãi.*

e) *hiền lành, độc ác, cởi mở.*

g) *bút máy, bút bi, phấn, bút chì.*

3. Các từ in đậm trong đoạn văn sau đây thuộc trường từ vựng nào ?

Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những ***hoài nghi*** *để tôi* ***khinh miệt*** *và* ***ruồng rẫy*** *mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình* ***thương yêu*** *và lòng* ***kính mến*** *mẹ tôi lại bị những* ***rắp tâm*** *tanh bẩn xâm phạm đến...*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

4. Xếp các từ *mũi, nghe, tai, thính, điếc, thơm, rõ* vào đúng trường từ vựng của nó theo bảng sau (một từ có thể xếp ở cả hai trường) :

Khứu giác	**Thính giác**

5*. Tìm các trường từ vựng của mỗi từ sau đây : *lưới, lạnh, tấn công* (xem ví dụ phân tích từ *ngọt* ở mục I.2).

6. Trong đoạn thơ sau, tác giả đã chuyển các từ in đậm từ trường từ vựng nào sang trường từ vựng nào ?

*Ruộng rẫy là **chiến trường,***
*Cuốc cày là **vũ khí,***
*Nhà nông là **chiến sĩ,***
Hậu phương thi đua với tiền phương.

(Hồ Chí Minh)

7. Viết một đoạn văn có ít nhất năm từ cùng trường từ vựng "trường học" hoặc trường từ vựng "môn bóng đá".

BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN

I – BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.

NGƯỜI THẦY ĐẠO CAO ĐỨC TRỌNG

Ông Chu Văn An đời Trần nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi.

Học trò theo ông rất đông. Nhiều người đỗ cao và sau này giữ những trọng trách trong triều đình như các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát, vì thế vua Trần Minh Tông vời ông ra dạy thái tử học. Đến đời Dụ Tông, vua thích vui chơi, không coi sóc tới việc triều đình, lại tin dùng bọn nịnh thần. Ông nhiều lần can ngăn nhưng vua không nghe. Cuối cùng ông trả lại mũ áo cho triều đình, từ quan về làng.

Học trò của ông, từ người làm quan to tới những người bình thường, khi có dịp thăm thầy cũ, ai cũng giữ lễ. Nếu họ có điều gì không phải, ông trách mắng ngay, có khi không cho vào thăm.

Khi ông mất, mọi người đều thương tiếc. Ông được thờ tại Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long.

(*Theo* Phan Huy Chú)

Câu hỏi :

1. Văn bản trên có thể chia làm mấy phần ? Chỉ ra các phần đó.

2. Hãy cho biết nhiệm vụ của từng phần trong văn bản trên.

3. Phân tích mối quan hệ giữa các phần trong văn bản trên.

4. Từ việc phân tích trên, hãy cho biết một cách khái quát : Bố cục của văn bản gồm mấy phần ? Nhiệm vụ của từng phần là gì ? Các phần của văn bản quan hệ với nhau như thế nào ?

II – CÁCH BỐ TRÍ, SẮP XẾP NỘI DUNG PHẦN THÂN BÀI CỦA VĂN BẢN

Trong ba phần của văn bản, phần Mở bài, Kết bài thường ngắn gọn, được tổ chức tương đối ổn định. Thân bài là phần phức tạp nhất, được tổ chức theo nhiều kiểu khác nhau. Chúng ta sẽ tìm hiểu một số cách thức sắp xếp nội dung phần Thân bài.

Trả lời các câu hỏi sau :

1. Phần Thân bài văn bản *Tôi đi học* của Thanh Tịnh kể về những sự kiện nào ? Các sự kiện ấy được sắp xếp theo trình tự nào ?

2. Văn bản *Trong lòng mẹ* của Nguyên Hồng chủ yếu trình bày diễn biến tâm trạng của cậu bé Hồng. Hãy chỉ ra những diễn biến của tâm trạng cậu bé trong phần Thân bài.

3. Khi tả người, vật, con vật, phong cảnh,... em sẽ lần lượt miêu tả theo trình tự nào ? Hãy kể một số trình tự thường gặp mà em biết.

4. Phần Thân bài văn bản *Người thầy đạo cao đức trọng* nêu các sự việc để thể hiện chủ đề "người thầy đạo cao đức trọng". Hãy cho biết cách sắp xếp các sự việc ấy.

5. Từ các bài tập trên và bằng những hiểu biết của mình, hãy cho biết cách sắp xếp nội dung phần Thân bài của văn bản.

Ghi nhớ

- *Bố cục của văn bản là sự tổ chức các đoạn văn để thể hiện chủ đề. Văn bản thường có bố cục ba phần : Mở bài, Thân bài, Kết bài.*
- *Phần Mở bài có nhiệm vụ nêu ra chủ đề của văn bản. Phần Thân bài thường có một số đoạn nhỏ trình bày các khía cạnh của chủ đề. Phần Kết bài tổng kết chủ đề của văn bản.*
- *Nội dung phần Thân bài được trình bày theo trình tự tuỳ thuộc vào kiểu văn bản, chủ đề, ý đồ giao tiếp của người viết. Nhìn chung, nội dung ấy thường được sắp xếp theo trình tự thời gian và không gian, theo sự phát triển của sự việc hay theo mạch suy luận, sao cho phù hợp với sự triển khai chủ đề và sự tiếp nhận của người đọc.*

III – LUYỆN TẬP

1. Phân tích cách trình bày ý trong các đoạn trích sau :

a) *Tôi vội ra khoang trước nhìn. Xa xa từ vệt rừng đen, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ lòng đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời.*

Càng đến gần, những đàn chim đen bay kín trời, cuốn theo sau những luồng gió vút làm tôi rối lên, hoa cả mắt. Mỗi lúc, tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Chim đậu chen nhau trắng xoá trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. Cồng cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa. Chim già đẫy, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám, trầm tư rụt cổ nhìn xuống chân. Nhiều con chim rất lạ to như con ngỗng đậu đến quằn nhánh cây.

Chim tập trung về đây nhiều không thể nói được. Chúng đậu và làm tổ thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng. Xa xa thấp thoáng có người quẩy giỏ, cầm sào trúc để bắt chim, coi bộ dễ hơn bắt gà trong chuồng.

Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe nhau được nữa. Thuyền chúng tôi tiếp tục chèo, đi tới ba nghìn thước rồi mà vẫn thấy chim đậu trắng xoá trên những cành cây gie sát ra sông.

(Theo Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)

b) *Vẻ đẹp của Ba Vì biến ảo lạ lùng từng mùa trong năm, từng giờ trong ngày. Thời tiết thanh tịnh, trời trong trẻo, ngồi phóng tầm mắt qua những thung lũng xanh biếc, Ba Vì hiện lên như hòn ngọc bích. Về chiều, sương mù toả biếc, Ba Vì nổi bồng bềnh như vị thần bất tử ngự trên sóng. Những đám mây nhuộm màu biến hoá muôn hình, nghìn dạng tựa như nhà ảo thuật có phép tạo ra một chân trời rực rỡ. Khi vầng sáng nan quạt khép lại dần, trăng vàng mịn như một nốt nhạc bay lên bầu trời, ru ngủ muôn đời thần thoại.*

(Võ Văn Trực, *Vời vợi Ba Vì*)

c) *Lịch sử thường sẵn những trang đau thương, mà hiếm những trang vui vẻ : bậc anh hùng hay gặp bước gian nguy, kẻ trung nghĩa thường lâm cảnh khốn đốn. Những khi ấy, trí tưởng tượng dân chúng tìm cách chữa lại sự thật, để khỏi phải công nhận những tình thế đáng ưu uất.*

Ta thử lấy truyện Hai Bà Trưng mà xét. Tuy trong lịch sử có chép rõ ràng Hai Bà phải tự vẫn sau khi đã thất trận, nhưng ngay ở làng Đồng Nhân nơi thờ Hai Bà vẫn chép rằng Hai Bà đều hoá đi, chứ không phải tử trận. Đối với các nữ tướng của Hai Bà cũng vậy, ta chỉ thấy các vị anh hùng đó hoá lên trời.

Nghe truyện Phù Đổng Thiên Vương, tôi thường tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, với tâm hồn chất phác và giản dị, như tâm hồn người thuở xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc nước nhà lâm nguy đã xông pha ra trận, đem sức khoẻ mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế người trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn một bữa cơm (chỗ ấy nay lập đền thờ ở làng Xuân Tảo) rồi nhảy xuống Hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm u nào, ngồi dựa một gốc cây to, giấu kín nỗi đau đớn của mình mà chết.

(Nguyễn Đình Thi, *Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích*)

(*Gợi ý* : Trước hết tìm các từ ngữ hoặc câu văn thể hiện chủ đề, sau đó phân tích cách triển khai chủ đề ấy trong đoạn trích.)

2. Nếu phải trình bày về lòng thương mẹ của chú bé Hồng ở văn bản *Trong lòng mẹ*, em sẽ trình bày những ý gì và sắp xếp chúng ra sao ?

3. Để chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*, có bạn dự định sắp xếp trong phần Thân bài các ý sau :

a) Chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ :

– Các vị lãnh tụ bôn ba tìm đường cứu nước.

– Những người thường xuyên chịu khó hoà mình vào đời sống sẽ nắm chắc tình hình, học hỏi được nhiều điều bổ ích.

– Trong thời kì đổi mới, nhờ giao lưu với nước ngoài, ta học tập được công nghệ tiên tiến của thế giới.

b) Giải thích câu tục ngữ :

– Nghĩa đen và nghĩa bóng của vế *đi một ngày đàng*.

– Nghĩa đen và nghĩa bóng của vế *học một sàng khôn*.

Theo em, cách sắp xếp trên đã hợp lí chưa ? Nếu chưa hợp lí thì nên sửa lại như thế nào ?

BÀI 3

Kết quả cần đạt

- *Thấy được sự tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến, nỗi cực khổ của người nông dân bị áp bức và những phẩm chất cao đẹp của họ được thể hiện trong đoạn trích **Tức nước vỡ bờ**. Thấy được tài năng nghệ thuật của Ngô Tất Tố qua đoạn trích này.*
- *Nắm và biết cách triển khai ý trong một đoạn văn. Vận dụng kiến thức và kĩ năng xây dựng đoạn văn để làm tốt bài tập làm văn số 1.*

VĂN BẢN

TỨC NƯỚC VỠ BỜ
(Trích *Tắt đèn*)

(Mở đầu tác phẩm là không khí căng thẳng, ngột ngạt của một làng quê trong những ngày sưu thuế. Tiếng trống mõ, tù và inh ỏi, tiếng thét lác, đánh đập, tiếng kêu khóc vang lên như trong một cuộc săn người. Gia đình chị Dậu thuộc loại "nhất nhì trong hạng cùng đinh" nên mấy hôm nay chị phải chạy vạy ngược xuôi để có tiền nộp suất sưu cho anh Dậu. Anh Dậu đang ốm cũng bị bọn tay sai xông đến đánh trói, lôi ra đình cùm kẹp. Chị đành phải rứt ruột đem cái Tí, đứa con gái đầu lòng 7 tuổi, bán cho lão Nghị Quế bên thôn Đoài. Ngờ đâu chị lại còn buộc phải nộp cả suất sưu của người em chồng đã chết từ năm ngoái ! Thật là cùng đường. Giữa đình làng, tiếng kêu uất ức của chị vang lên thảm thiết. Đêm hôm ấy, người ta cõng anh Dậu rũ rượi như một xác chết ở ngoài đình về trả cho chị. Gọi mãi anh không tỉnh, chị vô cùng hoảng sợ, đau đớn. May sao, nhờ bà con xung quanh xúm đến cứu giúp, anh Dậu đã từ từ mở mắt. Một bà lão hàng xóm ái ngại cảnh cả nhà chị nhịn đói suốt từ hôm qua, mang đến cho chị bát gạo để nấu cháo...)

Cháo chín, chị Dậu bắc mang ra giữa nhà, ngả mâm bát múc ra la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chóng nguội.

Tiếng trống và tiếng tù và[1] đã thủng thẳng đua nhau từ phía đầu làng đến đình.

Tiếng chó sủa vang các xóm.

Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang :

– Bác trai đã khá rồi chứ ?

– Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bề lệt bệt[2] chừng như vẫn mỏi mệt lắm.

– Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu[3], không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.

– Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã. Nhịn suông từ sáng hôm qua tới giờ còn gì.

– Thế thì phải giục anh ấy ăn mau đi, kẻo nữa người ta sắp sửa kéo vào rồi đấy !

Rồi bà lão lật đật trở về với vẻ mặt băn khoăn.

Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm :

– Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tỉu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng, cai lệ[4] và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước[5] và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái[6] cũ :

– Thằng kia ! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à ? Nộp tiền sưu ! Mau !

Hoảng quá, anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì. Người nhà lí trưởng cười một cách mỉa mai :

– Anh ta lại sắp phải gió[7] như đêm qua đấy !

Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu :

– Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không ? Đấy ! Chị hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho ! Chứ ông lí tôi thì không có quyền dám cho chị khất một giờ nào nữa !

Chị Dậu run run :

– Nhà cháu đã túng lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa, nên mới lôi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bễ[8] tiền sưu của nhà nước đâu ? Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất...

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát :

– Mày định nói cho cha mày nghe đấy à ? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất !

Chị Dậu vẫn thiết tha :

– Khốn nạn ! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại !

Cai lệ vẫn giọng hầm hè :

– Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à !

Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà lí trưởng :

– Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia !

Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn :

– Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho !

– Tha này ! Tha này !

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại :

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ !

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiến hai hàm răng :

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem !

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền[9], hắn ngã chỏng quèo[10] trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng "hầu cận[11] ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt lắm, ngồi lên lại nằm xuống vừa run vừa kêu :

– U nó không được thế ! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi cơn giận :

– Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội[12] mãi thế, tôi không chịu được...

(Ngô Tất Tố[★], *Tắt đèn*, trong *Ngô Tất Tố – Tác phẩm*, NXB Văn học, Hà Nội, 1977)

Chú thích

(★) Ngô Tất Tố (1893 – 1954) quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội), xuất thân là một nhà nho gốc nông dân. Ông là một học giả có nhiều công trình khảo cứu về triết học, văn học cổ có giá trị ; một nhà báo nổi tiếng với rất nhiều bài báo mang khuynh hướng dân chủ tiến bộ và giàu tính chiến đấu ; một nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn trước Cách mạng. Sau Cách mạng, nhà văn tận tuỵ trong công tác tuyên truyền văn nghệ phục vụ kháng chiến chống Pháp. Ngô Tất Tố được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996). Tác phẩm chính :

các tiểu thuyết *Tắt đèn* (1939), *Lều chõng* (1940) ; các phóng sự *Tập án cái đình* (1939), *Việc làng* (1940),...

Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố. Đoạn *Tức nước vỡ bờ* trích trong chương XVIII của tác phẩm, nhan đề do người biên soạn SGK trước đây đặt.

(1) *Tù và* : dụng cụ làm bằng sừng trâu hoặc vỏ ốc to, khi thổi phát ra âm thanh vang xa, dùng để báo hiệu.

(2) *Lề bề lệt bệt* (từ gốc : *lệt bệt*) : (trạng thái) đuối sức, mệt mỏi, vận động khó khăn.

(3) *Sưu* : khoản tiền mà người đàn ông là dân thường từ 18 đến 60 tuổi (gọi là dân đinh) hằng năm phải nộp cho nhà nước thực dân phong kiến ; *sưu* còn có nghĩa là công việc lao động nặng nhọc mà dân đinh phải làm cho nhà nước thời đó.

(4) *Cai lệ* : viên cai chỉ huy một tốp lính lệ (*cai* : viên chỉ huy cấp thấp nhất trong quân đội chế độ thực dân phong kiến ; *lệ* : lính phục vụ hầu hạ nơi quan nha).

(5) *Tay thước* : thanh gỗ cứng, vuông cạnh, giống như cái thước to, có khi được dùng làm công cụ trấn áp.

(6) *Xái* : phần bã thuốc phiện (hoặc thuốc lào) còn lại sau khi hút, có thể hút lại nếu không có thuốc mới.

(7) *Phải gió* (còn gọi là *trúng gió*) : gặp cơn gió độc mà bị bệnh.

(8) *Bỏ bễ* : bỏ không quan tâm đến việc cần làm.

(9) *Lực điền* : người làm ruộng khoẻ mạnh (*lực* : sức, sức mạnh ; *điền* : ruộng).

(10) *Chỏng quèo* : ngã ngửa, chân tay co quắp.

(11) *Hầu cận* : kẻ hầu hạ gần gũi, thân cận.

(12) *Làm tình làm tội* : làm đủ mọi điều khiến người khác phải khổ sở.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Khi bọn tay sai xông vào nhà chị Dậu, tình thế của chị như thế nào ?

2. Phân tích nhân vật cai lệ. Em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật này và sự miêu tả của tác giả ?

(*Gợi ý* : "Cai lệ" là chức danh gì ? Tên cai lệ có mặt ở làng Đông Xá với vai trò gì ? Hắn và tên người nhà lí trưởng xông vào nhà anh Dậu với ý định gì ? Vì sao hắn chỉ là một tên tay sai mạt hạng lại có quyền đánh trói người vô tội vạ như vậy ? Qua đó, em hiểu như thế nào về chế độ xã hội đương thời ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật của tác giả ? Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ của nhân vật được thể hiện như thế nào ?)

3. Phân tích diễn biến tâm lí của chị Dậu trong đoạn trích. Theo em, sự thay đổi thái độ của chị Dậu có được miêu tả chân thực, hợp lí không ? Qua đoạn trích này, em có nhận xét gì về tính cách của chị ?

4. Em hiểu như thế nào về nhan đề *Tức nước vỡ bờ* đặt cho đoạn trích ? Theo em, đặt tên như vậy có thoả đáng không ? Vì sao ?

5. Hãy chứng minh nhận xét của nhà nghiên cứu phê bình văn học Vũ Ngọc Phan : "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo". (*Gợi ý* : tìm hiểu việc tạo dựng tình huống, việc miêu tả ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm lí nhân vật, nghệ thuật kể chuyện, ngôn ngữ tác giả và ngôn ngữ đối thoại... ; chú ý nêu rõ những gì khiến cho đoạn văn được coi là "tuyệt khéo".)

6*. Nhà văn Nguyễn Tuân cho rằng, với tác phẩm *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố đã "xui người nông dân nổi loạn". Em hiểu thế nào về nhận xét đó ? Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*, hãy làm sáng rõ ý kiến của Nguyễn Tuân.

Ghi nhớ

Bằng ngòi bút hiện thực sinh động, đoạn văn ***Tức nước vỡ bờ*** *(trích tiểu thuyết* ***Tắt đèn*** *của Ngô Tất Tố) đã vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời ; xã hội ấy đã đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng cực khổ, khiến họ phải liều mạng chống lại. Đoạn trích còn cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình yêu thương vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.*

LUYỆN TẬP

Một nhóm bốn em với sự giúp đỡ của thầy, cô giáo, hãy đọc diễn cảm văn bản có phân vai (bốn vai : chị Dậu, anh Dậu, cai lệ, người nhà lí trưởng).

XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I – THẾ NÀO LÀ ĐOẠN VĂN ?

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.

NGÔ TẤT TỐ VÀ TÁC PHẨM "TẮT ĐÈN"

Ngô Tất Tố (1893 – 1954) quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh, ngoại thành Hà Nội) ; xuất thân là một nhà nho gốc nông dân. Ông là một học giả có nhiều công trình khảo cứu về triết học, văn học cổ có giá trị ; một nhà báo nổi tiếng với rất nhiều bài báo mang khuynh hướng dân chủ tiến bộ và giàu tính chiến đấu ; một nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn trước Cách mạng. Sau Cách mạng, nhà văn tận tuỵ trong công tác tuyên truyền văn nghệ phục vụ kháng chiến chống Pháp. Ngô Tất Tố được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996). Tác phẩm chính của ông : các tiểu thuyết *Tắt đèn* (1939), *Lều chõng* (1940) ; các phóng sự *Tập án cái đình* (1939), *Việc làng* (1940),...

Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố. Qua vụ thuế ở một làng quê, nhà văn đã dựng lên một bức tranh xã hội có giá trị hiện thực sâu sắc về nông thôn Việt Nam đương thời. *Tắt đèn* đã làm nổi bật mối xung đột giai cấp hết sức gay gắt giữa bọn thống trị và người nông dân lao động trong xã hội ấy. Trong tác phẩm, nhà văn đã phơi trần bộ mặt tàn ác, xấu xa của bọn phong kiến thống trị ở nông thôn, từ bọn địa chủ keo kiệt độc ác, bọn hào lí tham lam hống hách, bọn quan lại dâm ô bỉ ổi đến bọn tay sai hung hãn, đểu cáng. Chúng mỗi tên mỗi vẻ nhưng tất cả đều không có tính người. Đặc biệt, qua nhân vật chị Dậu, tác giả đã thành công xuất sắc trong việc xây dựng hình tượng một người phụ nữ nông dân sống trong hoàn cảnh tối tăm cực khổ nhưng có những phẩm chất cao đẹp. Tài năng tiểu thuyết của Ngô Tất Tố được thể hiện rất rõ trong việc khắc hoạ nổi bật các nhân vật tiêu biểu cho các hạng người khác nhau ở nông thôn, tất cả đều chân thực, sinh động.

(*Theo* Nguyễn Hoành Khung)

Câu hỏi :

1. Văn bản trên gồm mấy ý ? Mỗi ý được viết thành mấy đoạn văn ?

2. Em thường dựa vào dấu hiệu hình thức nào để nhận biết đoạn văn ?

3. Hãy khái quát các đặc điểm cơ bản của đoạn văn và cho biết thế nào là đoạn văn.

II – TỪ NGỮ VÀ CÂU TRONG ĐOẠN VĂN

1. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề của đoạn văn

a) Đọc đoạn thứ nhất của văn bản trên và tìm các từ ngữ có tác dụng duy trì đối tượng trong đoạn văn (từ ngữ chủ đề).

b) Đọc đoạn thứ hai của văn bản và tìm câu then chốt của đoạn văn (câu chủ đề). Vì sao em biết đó là câu chủ đề của đoạn ?

c) Từ các nhận thức trên, em hiểu từ ngữ chủ đề và câu chủ đề là gì ? Chúng đóng vai trò gì trong văn bản ?

2. Cách trình bày nội dung đoạn văn

a) Nội dung đoạn văn có thể được trình bày bằng nhiều cách khác nhau. Hãy phân tích và so sánh cách trình bày ý của hai đoạn văn trong văn bản nêu trên. (*Gợi ý* : Đoạn thứ nhất có câu chủ đề không ? Yếu tố nào duy trì đối tượng trong đoạn văn ? Quan hệ ý nghĩa giữa các câu trong đoạn văn như thế nào ? Nội dung của đoạn văn được triển khai theo trình tự nào ? Câu chủ đề của đoạn thứ hai đặt ở vị trí nào ? Ý của đoạn văn này được triển khai theo trình tự nào ?)

b) Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

Các tế bào của lá cây có chứa nhiều lục lạp. Trong các lục lạp này có chứa một chất gọi là diệp lục, tức là chất xanh của lá. Sở dĩ chất diệp lục có màu xanh lục vì nó hút các tia sáng có màu khác, nhất là màu đỏ và màu lam, nhưng không thu nhận màu xanh lục mà lại phản chiếu màu này và do đó mắt ta mới nhìn thấy màu xanh lục. Như vậy, lá cây có màu xanh là do chất diệp lục chứa trong thành phần tế bào.

– Đoạn văn có câu chủ đề không ? Nếu có thì nó ở vị trí nào ?

– Nội dung của đoạn văn được trình bày theo trình tự nào ?

Ghi nhớ

- *Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành.*
- *Đoạn văn thường có từ ngữ chủ đề và câu chủ đề. Từ ngữ chủ đề là các từ ngữ được dùng làm đề mục hoặc các từ ngữ được lặp lại nhiều lần (thường là chỉ từ, đại từ, các từ đồng nghĩa) nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt. Câu chủ đề mang nội dung khái quát, lời lẽ ngắn gọn, thường đủ hai thành phần chính và đứng ở đầu hoặc cuối đoạn văn.*
- *Các câu trong đoạn văn có nhiệm vụ triển khai và làm sáng tỏ chủ đề của đoạn bằng các phép diễn dịch, quy nạp, song hành,...*

III – LUYỆN TẬP

1. Văn bản sau đây có thể chia thành mấy ý ? Mỗi ý được diễn đạt bằng mấy đoạn văn ?

AI NHẦM

Xưa có một ông thầy đồ dạy học ở một gia đình nọ. Chẳng may bà chủ nhà ốm chết, ông chồng bèn nhờ thầy làm cho bài văn tế. Vốn lười, thầy liền lấy bài văn tế ông thân sinh ra chép lại đưa cho chủ nhà.

Lúc vào lễ, bài văn tế được đọc lên, khách khứa ai cũng bụm miệng cười. Bực mình, ông chủ nhà gọi thầy đồ đến trách : "Sao thầy lại có thể nhầm đến thế ?". Thầy đồ trợn mắt lên cãi : "Văn tế của tôi chẳng bao giờ nhầm, hoạ chăng người nhà ông chết nhầm thì có".

(Truyện dân gian Việt Nam)

2. Hãy phân tích cách trình bày nội dung trong các đoạn văn sau :

a) *Trần Đăng Khoa rất biết yêu thương. Em thương bác đẩy xe bò "mồ hôi ướt lưng, căng sợi dây thừng" chở vôi cát về xây trường học, và mời bác về nhà mình... Em thương thầy giáo một hôm trời mưa đường trơn bị ngã, cho nên dân làng bèn đắp lại đường.*

(*Theo* Xuân Diệu)

b) *Mưa đã ngớt. Trời rạng dần. Mấy con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra hót râm ran. Mưa tạnh, phía đông một mảng trời trong vắt. Mặt trời ló ra, chói lọi trên những vòm lá bưởi lấp lánh.*

(Tô Hoài, *O chuột*)

c) *Nguyên Hồng (1918 – 1982) tên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Trước Cách mạng, ông sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng, trong một xóm lao động nghèo. Ngay từ tác phẩm đầu tay, Nguyên Hồng đã hướng ngòi bút về những người cùng khổ gần gũi mà ông yêu thương thắm thiết. Sau Cách mạng, Nguyên Hồng tiếp tục bền bỉ sáng tác, ông viết cả tiểu thuyết, kí, thơ, nổi bật hơn cả là các bộ tiểu thuyết sử thi nhiều tập. Nguyên Hồng được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996).*

(*Ngữ văn 8*, tập một)

3. Với câu chủ đề "Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta", hãy viết một đoạn văn theo cách diễn dịch, sau đó biến đổi đoạn văn diễn dịch thành đoạn văn quy nạp.

4. Để giải thích câu tục ngữ *Thất bại là mẹ thành công*, một bạn đã đưa ra các ý sau :

a) Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ.

b) Giải thích tại sao người xưa lại nói *Thất bại là mẹ thành công*.

c) Nêu bài học vận dụng câu tục ngữ ấy trong cuộc sống.

Hãy chọn một trong ba ý trên để viết thành một đoạn văn, sau đó phân tích cách trình bày nội dung trong đoạn văn đó.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1 – VĂN TỰ SỰ (làm tại lớp)

I – ĐỀ BÀI THAM KHẢO

Đề 1. Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.

Đề 2. Người ấy (bạn, thầy, người thân,...) sống mãi trong lòng tôi.

Đề 3. Tôi thấy mình đã khôn lớn.

II – YÊU CẦU

1. Ôn lại cách viết bài văn tự sự ; chú ý tả người, kể việc, kể những cảm xúc trong tâm hồn mình.

2. Luyện tập viết đoạn văn, bài văn.

BÀI 4

Kết quả cần đạt

- *Thấy được tình cảnh khốn cùng và nhân cách cao quý của nhân vật lão Hạc ; đồng thời hiểu được niềm thương cảm, sự trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật của nhà văn Nam Cao.*
- *Hiểu được thế nào là từ tượng hình, từ tượng thanh.*
- *Biết cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.*

VĂN BẢN

LÃO HẠC

Lão Hạc thổi cái mồi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc(1) rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

– Ông giáo hút trước đi.

Lão đưa đóm cho tôi...

– Tôi xin cụ.

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo :

– Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ !

Lão đặt xe điếu(2), hút. Tôi vừa thở khói vừa gà gà(3) đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đó thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhàm rồi. Tôi lại biết rằng : lão nói là nói để đó đấy thôi, chẳng bao giờ lão bán đâu. Vả lại, có bán thật nữa thì đã sao ? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế !...

Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói. Sau một điếu thuốc lào, óc người ta tê dại đi trong một nỗi đê mê nhẹ nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hưởng chút khoái lạc con con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi về quê, hành lí(4) chỉ vẻn vẹn có một cái va-li đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu ! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỉ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao

vọng[5] ; mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai[6] và bán hết mọi thức rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán ! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lị gần kiệt sức... Không ! Lão Hạc ơi ! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu ? Lão quý con chó vàng của lão đã thấm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi...

Tôi nghĩ thầm trong bụng thế. Còn lão Hạc, lão nghĩ gì ? Đột nhiên[7] lão bảo tôi :

– Này ! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má[8] gì đấy, ông giáo ạ !

À ! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su[9] năm sáu năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết một hạn công-ta[10]. Lão Hạc đem thư của nó sang, mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng[11] thêm một hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó lại nhảy vọt sang chuyện thằng con như vậy :

– Con chó là của cháu nó mua đấy chứ !... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy ! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách[12] nặng quá : nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. Ý thằng con lão thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ, về ở đâu ? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đằng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xẵng[13]. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dằn lòng[14] bỏ đám này để dùi giắng[15] lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu ; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác ; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ ?... Lạy trời lạy đất ! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nói thế thì thôi ngay, nó không đả động đến việc cưới xin gì nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm. Nhưng biết làm sao được ?... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng ; nó lấy con trai một ông phó lí[16], nhà có của. Thằng con lão sinh phẫn chí[17]. Ngay mấy hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu[18], đưa thẻ[19], kí giấy xin đi làm đồn điền cao su...

Lão rân rấn nước mắt, bảo tôi :

– Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ. Chả biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng và bảo : "Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà ; xưa nay con ở nhà mãi

cũng chẳng nuôi thầy được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo ; thầy bòn vườn[20] đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn ; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về ; không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm !...". Tôi chỉ còn biết khóc chứ còn biết làm sao được nữa ? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu có còn là con tôi ?...



Lão Hạc ơi ! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bặt. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thủi một mình thì ai mà chả phải buồn ? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự[21]. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì lão cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này :

– Cậu có nhớ bố cậu không, hả cậu Vàng ? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không ? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy !

Con chó vẫn hếch mõm lên nhìn, chẳng lộ một vẻ gì ; lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng doạ :

– Nó giết mày đấy ! Mày có biết không ? Ông cho thì bỏ bố !

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng để lấy lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa :

– Mừng à ? Vẫy đuôi à ? Vẫy đuôi thì cũng giết ! Cho cậu chết !

Thấy lão sừng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhè nhẹ vào lưng nó và dấu dí :

– À không ! À không ! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ !... Cậu Vàng của ông ngoan lắm ! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...

Lão buông nó ra để nhấc chén, ghé lên môi uống. Lão ngẩn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thở dài. Rồi lão lẩm bẩm tính. Đấy là lão tính tiền bòn vườn của con...

Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng : "Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma[22] mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng[23], dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu[24]. Hồi ấy, mọi thức còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu thì nó hưởng. Lớp[25] trước nó đòi bán, ta không cho bán là ta có ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để

ta ăn đâu ! Nó không có tiền cưới vợ, phẫn chí bước ra đi, thì đến lúc có tiền để lấy vợ, mới chịu về. Ta bòn vườn của nó, cũng nên để ra cho nó ; đến lúc nó về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào với nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn...". Lão tự bảo lão như thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi[26] của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẩm[27] thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc...

Lão lắc đầu chán nản, bảo tôi :

– Ấy thế mà bây giờ hết nhẵn, ông giáo ạ ! Tôi chỉ ốm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông giáo ạ ! Hai tháng mười tám ngày đã không làm ra được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... Ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy ?...

Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất vé sợi[28], nghề vải đành phải bỏ. Đàn bà rỗi rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa màu[29] bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ kém[30] mãi đi. Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà ra sự[31] vẫn còn đói deo đói dắt[32]...

– Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khoẻ hơn cả tôi, ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thế, bỏ rẻ[33] cũng mất hào rưỡi, hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được ? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy gầy đi, bán hụt tiền, có phải hoài không ? Bây giờ cậu ấy béo trùng trục, mua đắt, người ta cũng thích...

Lão ngắt lại một phút, rồi tặc lưỡi :

– Thôi thì bán phắt đi ! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu !



Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay :

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

– Cụ bán rồi ?

– Bán rồi ! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện :

– Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông giáo ơi !... Nó có biết gì đâu ! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết !... Này ! Ông giáo ạ ! Cái giống nó cũng khôn ! Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng : "A ! Lão già tệ lắm ! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?". Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó !

Tôi an ủi lão :

– Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu gì đâu ! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt ! Ta giết nó chính là hoá kiếp[34] cho nó đấy, hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo :

– Ông giáo nói phải ! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn !...

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo :

– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng ?

– Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :

– Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc ; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

– Vâng ! Ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà[35]. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo :

– Thế là được, chứ gì ? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

– Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác...

– Việc gì còn phải chờ khi khác ?... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây ! Tôi làm nhanh lắm...

– Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại...

– Việc gì thế, cụ ?

– Ông giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

– Vâng, cụ nói.

– Nó thế này, ông giáo ạ !...

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẻ và dài dòng thật. Nhưng đại khái[36] có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất : lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này ; tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão ; lão viết văn tự[37] nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng[38] dòm ngó đến ; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai : lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào, con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được ; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt ; lão còn được hăm nhăm đồng bạc với năm đồng bạc vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi, để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả...

Tôi bật cười bảo lão :

– Sao cụ lo xa quá thế ? Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay ! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại ?

– Không, ông giáo ạ ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu ?

(*)

– Đã đành rằng thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao ?... Tôi cắn rơm, cắn cỏ[39] tôi lạy ông giáo ! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi :

– Có đồng nào, cụ nhặt nhạnh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn ?

(*) Văn bản gốc in sót lời của nhân vật "tôi" (NBS).

Lão cười nhạt bảo :

– Được ạ ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy[40] hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi :

– Cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão ? Chính con mình cũng đói...

Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu ? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận. Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch[41]. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng[42]. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo :

– Lão làm bộ đấy ! Thật ra thì lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu : lão vừa xin tôi một ít bả[43] chó...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm :

– Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy !... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó !... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên luỵ đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư ? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...

*

* *

Không ! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa ! Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn : "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn ; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...".

1943

(Nam Cao(★), *Nam Cao – Tác phẩm*, tập 1,
NXB Văn học, Hà Nội, 1975)

Chú thích

(★) Nam Cao (1917[a] – 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân (nay là xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam. Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ. Sau Cách mạng, Nam Cao chân thành, tận tuỵ sáng tác phục vụ kháng chiến. Ông đã hi sinh trên đường công tác ở vùng sau lưng địch. Nam Cao được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996). Tác phẩm chính : các truyện ngắn *Chí Phèo* (1941), *Giăng sáng* (1942), *Đời thừa* (1943), *Lão Hạc* (1943), *Một đám cưới* (1944),... tiểu thuyết *Sống mòn* (1944), truyện ngắn *Đôi mắt* (1948), tập nhật kí *Ở rừng* (1948), kí sự *Chuyện biên giới* (1951),...

Lão Hạc là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về người nông dân của Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943.

(a) Có tài liệu ghi năm sinh của Nam Cao là 1915.

(1) *Thông điếu và bỏ thuốc* : lấy que nhỏ thông nõ điếu rồi bỏ thuốc lào đã vê thành viên vào đó, chuẩn bị hút.

(2) *Xe điếu* : ống nhỏ và dài, cắm vào điếu bát (loại điếu làm bằng cái bát to) để hút thuốc lào.

(3) *Gà gà* : trạng thái lơ mơ của con người khi buồn ngủ hoặc khi hơi say thuốc, say rượu.

(4) *Hành lí* : đồ dùng mang theo khi đi xa.

(5) *Cao vọng* : ước vọng cao xa.

(6) *Sinh nhai* : kiếm sống ; làm ăn để sinh sống.

(7) *Đột nhiên* : một cách đột ngột.

(8) *Giấy má* : giấy tờ nói chung ; ở đây là thư từ.

(9) *Đi cao su* : đi làm ở đồn điền cao su.

(10) *Công-ta* (tiếng Pháp : *contrat*, đọc là *công-tơ-ra*) : hợp đồng, giao kèo.

(11) *Đăng* (khẩu ngữ, cũ) : đăng kí, ghi tên để nhận một trách nhiệm nào đó *(đăng lính, đăng phu).*

(12) *Thách* : ở đây được dùng với nghĩa là *thách cưới* – nhà gái nêu yêu cầu với nhà trai về đồ sính lễ cưới con gái.

(13) *Xẵng* : giọng nói gay gắt, khó chịu.

(14) *Dằn lòng* : nén lòng.

(15) *Dùi giắng* (khẩu ngữ, địa phương) : nán đợi.

(16) *Phó lí* : chức phó cho lí trưởng (người đứng đầu bộ máy hành chính trong làng).

(17) *Phẫn chí* : uất hận vì không đạt được ước muốn, trở nên bi quan, có thể làm liều.

(18) *Sở mộ phu* : nơi tuyển mộ, thu nhận người đi làm phu trong các đồn điền, hầm mỏ thời Pháp thuộc.

(19) *Thẻ* : giấy chứng nhận một tư cách nào đó, thường nhỏ, gọn *(thẻ đoàn viên, thẻ đọc sách,...).* Ở đây là thẻ căn cước thời thuộc Pháp cấp cho người dân từ 18 đến 60 tuổi để kiểm tra khi đi lại, lúc sưu thuế, tương tự như chứng minh thư ngày nay.

(20) *Bòn vườn* (khẩu ngữ, địa phương) : tìm kiếm, góp nhặt từng ít một từ mảnh vườn.

(21) *Cầu tự* : cầu trời lễ Phật ở các đền chùa để được sinh con, thường là con trai (theo quan niệm cũ).

(22) *Mồ ma* (khẩu ngữ) : thời còn sống của người nào đó đã chết khá lâu.

(23) *Thắt lưng buộc bụng* (thành ngữ) : (nghĩa đen : thắt bụng chặt lại để cố chịu đựng cái đói) hạn chế hết sức những nhu cầu tiêu dùng để tiết kiệm trong hoàn cảnh khó khăn.

(24) *Tậu* : mua thứ có giá trị quan trọng đối với đời sống gia đình (*tậu ruộng, tậu nhà, tậu trâu,...*).

(25) *Lớp* (khẩu ngữ) : khoảng thời gian (không xác định) nào đó ; *lớp trước* : dạo trước, hồi trước, ngày trước.

(26) *Hoa lợi* : những thứ thu hoạch được do trồng trọt.

(27) *Chắc mẩm* : tin chắc như vậy.

(28) *Vé sợi* : vé được cấp để mua sợi dệt vải.

(29) *Hoa màu* : cây trồng để làm lương thực, thực phẩm ngoài lúa (như ngô, đỗ,...), nói khái quát.

(30) *Kém* (trong *gạo kém*, hoặc *thóc cao gạo kém*) : (thóc gạo) đắt đỏ, giá cao so với bình thường do khan hiếm.

(31) *Ra sự* (khẩu ngữ) : có vẻ như là, dường như là.

(32) *Đói deo đói dắt* (khẩu ngữ) : đói dai dẳng không dứt.

(33) *Bỏ rẻ* (khẩu ngữ) : tính (giá tiền) ít nhất, ít ra.

(34) *Hoá kiếp* : chuyển hoá sang kiếp khác (tín ngưỡng dân gian cho rằng một sinh vật chết đi chính là sẽ chuyển hoá sang một kiếp sống khác).

(35) *Đưa đà* (trong *cười đưa đà, nói đưa đà*) : (cười, nói) cốt để phụ hoạ, đưa đẩy câu chuyện.

(36) *Đại khái* : nhìn chung trên nét lớn.

(37) *Văn tự* : giấy tờ do hai bên mua bán cùng thoả thuận kí kết.

(38) *Tơ tưởng* (khẩu ngữ) : nghĩ ngợi, mơ tưởng, để ý đến.

(39) *Cắn rơm cắn cỏ* (tổ hợp từ cũ) : (lời) tỏ ý hạ mình hết mức để van xin một cách khẩn thiết.

(40) *Ráy* : loại cây thân cỏ, lá to, củ có bột ăn được nhưng ngứa.

(41) *Hách dịch* : cậy oai, hống hách với người khác.

(42) *Chạnh lòng* : thoáng có cảm xúc nào đó (như buồn, tủi, xấu hổ,...) do bị chạm đến một điều riêng tư.

(43) *Bả* : thức ăn trộn thuốc độc dùng làm mồi để lừa bắt giết thú nhỏ ; *bả chó* : bả dùng để giết chó.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phân tích diễn biến tâm trạng của lão Hạc xung quanh việc bán chó. Qua đó, em thấy lão Hạc là người như thế nào ?

2. Em hiểu như thế nào về nguyên nhân cái chết của lão Hạc ? Qua những điều lão Hạc thu xếp nhờ cậy "ông giáo" rồi sau đó tìm đến cái chết, em suy nghĩ gì về tình cảnh và tính cách của lão ?

3. Em thấy thái độ, tình cảm của nhân vật "tôi" đối với lão Hạc như thế nào ?

4. Khi nghe Binh Tư cho biết lão Hạc xin hắn bả chó để bắt một con chó hàng xóm thì nhân vật "tôi" cảm thấy "cuộc đời quả thật... đáng buồn", nhưng khi chứng kiến cái chết đau đớn của lão Hạc, "tôi" lại nghĩ : "Không ! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác". Em hiểu ý nghĩ đó của nhân vật "tôi" như thế nào ?

5. Theo em, cái hay của truyện thể hiện rõ nhất ở những điểm nào ? Việc tạo dựng tình huống truyện bất ngờ có tác dụng như thế nào ? Cách xây dựng nhân vật có gì đặc sắc ? Việc truyện được kể bằng lời của nhân vật "tôi" (ngôi thứ nhất) có hiệu quả nghệ thuật gì ?

6*. Em hiểu thế nào về ý nghĩ của nhân vật "tôi" (có thể coi là tác giả) qua đoạn văn sau :

"Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương [...]. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất".

7*. Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* và truyện ngắn *Lão Hạc*, em hiểu gì về cuộc sống và phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Truyện ngắn **Lão Hạc** đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đặc biệt trong việc miêu tả tâm lí nhân vật và cách kể chuyện.*

TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH

I – ĐẶC ĐIỂM, CÔNG DỤNG

Đọc các đoạn trích sau (trong *Lão Hạc* của Nam Cao) và trả lời câu hỏi.

*– Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng **móm mém** của lão mếu như con nít. Lão **hu hu** khóc...*

*– Này ! Ông giáo ạ ! Cái giống nó cũng khôn ! Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu **ư ử**, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng : "A ! Lão già tệ lắm ! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?".*

*– Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi **xồng xộc** chạy vào. Lão Hạc đang **vật vã** ở trên giường, đầu tóc **rũ rượi**, quần áo **xộc xệch**, hai mắt long **sòng sọc**.*

Câu hỏi :

a) Trong các từ in đậm trên, những từ nào gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật ; những từ nào mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người ?

b) Những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái hoặc mô phỏng âm thanh như trên có tác dụng gì trong văn miêu tả và tự sự ?

Ghi nhớ

- *Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.*
- *Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao ; thường được dùng trong văn miêu tả và tự sự.*

II – LUYỆN TẬP

1. Tìm từ tượng hình, từ tượng thanh trong những câu sau (trích từ *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố) :

– Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm.

– Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

– Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

– Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

2. Tìm ít nhất năm từ tượng hình gợi tả dáng đi của người.

Mẫu : ***đi lò dò.***

3. Phân biệt ý nghĩa của các từ tượng thanh tả tiếng cười : *cười* ***ha hả****, cười* ***hì hì****, cười* ***hô hố****, cười* ***hơ hớ****.*

4. Đặt câu với các từ tượng hình, tượng thanh sau đây : *lắc rắc, lã chã, lấm tấm, khúc khuỷu, lập loè, tích tắc, lộp bộp, lạch bạch, ồm ồm, ào ào.*

5*. Sưu tầm một bài thơ có sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh mà em cho là hay.

LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I – TÁC DỤNG CỦA VIỆC LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

1. Hai đoạn văn sau đây có mối liên hệ gì không ? Tại sao ?

Trước sân trường làng Mĩ Lí dày đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa.

Lúc đi ngang qua làng Hoà An bẫy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần. Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng nào khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

2. Đọc lại hai đoạn văn của Thanh Tịnh và trả lời câu hỏi.

Trước sân trường làng Mĩ Lí dày đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang qua làng Hoà An bẫy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần. Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng nào khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

(*Tôi đi học*)

Câu hỏi :

a) Cụm từ *trước đó mấy hôm* bổ sung ý nghĩa gì cho đoạn văn thứ hai ?

b) Theo em, với cụm từ trên, hai đoạn văn đã liên hệ với nhau như thế nào ?

c) Cụm từ *trước đó mấy hôm* là phương tiện liên kết đoạn. Hãy cho biết tác dụng của việc liên kết đoạn trong văn bản.

II – CÁCH LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

1. Dùng từ ngữ để liên kết các đoạn văn

a) Đọc hai đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Bắt đầu là tìm hiểu. Tìm hiểu phải đặt bài văn vào hoàn cảnh lịch sử của nó. Thế là cần đến khoa học lịch sử, lịch sử dân tộc, có khi cả lịch sử thế giới.

Sau khâu tìm hiểu là khâu cảm thụ. Hiểu đúng bài văn đã tốt. Hiểu đúng cũng bắt đầu thấy nó hay, nhưng chưa đủ.

(*Theo* Lê Trí Viễn)

– Hai đoạn văn trên liệt kê hai khâu của quá trình lĩnh hội và cảm thụ tác phẩm văn học. Đó là những khâu nào ?

– Tìm các từ ngữ liên kết trong hai đoạn văn trên.

– Để liên kết các đoạn có quan hệ liệt kê, ta thường dùng các từ ngữ có tác dụng liệt kê. Hãy kể tiếp các phương tiện liên kết có quan hệ liệt kê (*trước hết, đầu tiên,...*).

b) Đọc hai đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang qua làng Hoà An bẫy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần. Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ.

Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng nào khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mắt tôi trường Mĩ Lí trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hoà Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.

(Thanh Tịnh, *Tôi đi học*)

– Phân tích quan hệ ý nghĩa giữa hai đoạn văn trên.

– Tìm từ ngữ liên kết trong hai đoạn văn đó.

– Để liên kết hai đoạn văn có ý nghĩa đối lập, ta thường dùng từ ngữ biểu thị ý nghĩa đối lập. Hãy kể tiếp các phương tiện liên kết đoạn có ý nghĩa đối lập (*nhưng, trái lại*,...).

c) Đọc lại hai đoạn văn ở mục I.2. trang 50 – 51 và cho biết *đó* thuộc từ loại nào. *Trước đó* là khi nào ?

Chỉ từ, đại từ cũng được dùng làm phương tiện liên kết đoạn. Hãy kể tiếp các từ có tác dụng này (*đó, này*,...).

d) Đọc hai đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

Bây giờ, khi Bác viết gì cũng đưa cho một số đồng chí xem lại, chỗ nào khó hiểu thì các đồng chí bảo cho mình sửa chữa.

Nói tóm lại, viết cũng như mọi việc khác, phải có chí, chớ giấu dốt, nhờ tự phê bình và phê bình mà tiến bộ.

(Hồ Chí Minh, *Cách viết*)

– Phân tích mối quan hệ ý nghĩa giữa hai đoạn văn trên.

– Tìm từ ngữ liên kết trong hai đoạn văn đó.

– Để liên kết đoạn có ý nghĩa cụ thể với đoạn có ý nghĩa tổng kết, khái quát, ta thường dùng các từ ngữ có ý nghĩa tổng kết, khái quát sự việc. Hãy kể tiếp các phương tiện liên kết mang ý nghĩa tổng kết, khái quát (*tóm lại, nhìn chung*,...).

2. Dùng câu nối để liên kết các đoạn văn

Tìm câu liên kết giữa hai đoạn văn sau. Tại sao câu đó lại có tác dụng liên kết ?

U lại nói tiếp :

– Chăn cho giỏi, rồi hôm nào phiên chợ u mua giấy về bố đóng sách cho mà đi học bên anh Thận.

Ái dà, lại còn chuyện đi học nữa cơ đấy ! Học thích hơn hay đi chăn nghé thích hơn nhỉ ? Thôi, cái gì làm một cái thôi. Thế thằng Các nó vừa chăn trâu vừa đi học đấy thì sao.

(Bùi Hiển, *Ngày công đầu tiên của cu Tí*)

Ghi nhớ

• Khi chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác, cần sử dụng các phương tiện liên kết để thể hiện quan hệ ý nghĩa của chúng.

• Có thể sử dụng các phương tiện liên kết chủ yếu sau đây để thể hiện quan hệ giữa các đoạn văn :

– Dùng từ ngữ có tác dụng liên kết : quan hệ từ, đại từ, chỉ từ, các cụm từ thể hiện ý liệt kê, so sánh, đối lập, tổng kết, khái quát,...

– Dùng câu nối.

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm các từ ngữ có tác dụng liên kết đoạn văn trong những đoạn trích sau và cho biết chúng thể hiện quan hệ ý nghĩa gì.

a) *Giảng văn rõ ràng là khó.*

Nói như vậy để nêu ra một sự thật. Không phải nhằm hù doạ, càng không phải để làm ngã lòng.

(Lê Trí Viễn)

b) *Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua trời hãy còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối*

tháng mười làm nứt nẻ đồng ruộng, và làm giòn khô những chiếc lá rơi ; Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi ra gió bấc rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

(Thạch Lam, *Gió lạnh đầu mùa*)

c) *Muốn đánh giá đầy đủ vị trí văn học sử của Nguyễn Công Hoan, cần nhớ lại nền văn xuôi nước ta trong buổi đầu xây dựng khoảng trước sau năm 1930. Lúc bấy giờ trên sách báo còn đầy rẫy thứ văn biền ngẫu, ước lệ sáo rỗng, dài dòng luộm thuộm. Chính lúc ấy Nguyễn Công Hoan xuất hiện, đã tìm được cho mình hướng đi đúng đắn : hướng đi của chủ nghĩa hiện thực, của tiếng nói giàu có và đầy sức sống của nhân dân.*

Cũng cần đánh giá cao vai trò của Nguyễn Công Hoan trong việc xây dựng và phát triển thể loại truyện ngắn hiện đại ở nước ta. Mấy năm sau này sẽ xuất hiện hàng loạt cây bút truyện ngắn xuất sắc. Nhưng lịch sử văn học vẫn mãi mãi ghi đậm nét tên tuổi của những người có công phá lối, mở đường, tiêu biểu là Nguyễn Công Hoan.

Tuy nhiên nếu như thể loại truyện ngắn nói chung đã được nhiều nhà văn có tài năng nối tiếp nhau phát triển và hoàn thiện mãi, thì riêng lối truyện ngắn trào phúng của Nguyễn Công Hoan, chưa thấy có cây bút kế thừa.

(*Theo* Nguyễn Đăng Mạnh, *Truyện ngắn trào phúng của Nguyễn Công Hoan*)

2. Chép các đoạn văn sau vào vở bài tập rồi chọn các từ ngữ hoặc câu thích hợp (cho trong ngoặc đơn) điền vào chỗ trống /.../ để làm phương tiện liên kết đoạn văn.

a) *Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thuỷ Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.*

/.../ oán nặng, thù sâu, hằng năm Thuỷ Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh.

(Theo *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*)

(từ đó, từ nãy, từ đấy)

b) *Trong thời kì quá độ, bên những thành tích tốt đẹp là chính, vẫn còn sót lại những cái xấu xa của xã hội cũ như : tham ô, lãng phí, lười biếng, quan liêu, đánh con, đập vợ,... Đối với những thói xấu đó, văn nghệ cũng cần phải phê bình rất nghiêm khắc, nhằm làm cho xã hội ta ngày càng lành mạnh tốt đẹp hơn.*

/.../ : phải có khen, cũng phải có chê. Nhưng khen hay là chê đều phải đúng mức. Khen quá lời thì người được khen cũng hổ ngươi. Mà chê quá đáng thì người bị chê cũng khó tiếp thụ.

(Theo Hồ Chí Minh, *Bài nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III*)

(nói tóm lại, như vậy, nhìn chung)

c) *Tháp Ép-phen không những được coi là biểu tượng của Pa-ri, mà còn là biểu tượng của nước Pháp. Nó được dùng để trang trí những trang đầu của sách hướng dẫn du lịch trên nước Pháp, được làm biểu tượng trong phim ảnh, được in trong các văn kiện chính thức, những tem thư và bưu ảnh,...*

/.../ điều đáng kể là việc xây dựng tháp đã là một bài học có giá trị về óc sáng tạo và tổ chức trong công tác xây dựng.

(Theo *Bàn tay và khối óc*)

(nhưng, song, tuy nhiên)

d) *Gần cuối bữa ăn, Nguyên bảo tôi :*

Chị ơi, em... em – Nó bỏ lửng không nói tiếp. Tôi bỏ bát bún đang ăn dở nhìn nó khó hiểu. Thảo nào trong lúc nói chuyện, tôi có cảm giác như nó định nói chuyện gì đó nhưng còn ngần ngại.

– Chị tính xem em nên đi học hay đi bộ đội ? – Nó nhìn tôi không chớp mắt.

/.../ Lâu nay tôi vẫn là người chị khuyên bảo lời hay lẽ phải. Bây giờ phải nói với nó ra sao ? Đi bộ đội hay đi học ?

(Theo Thuỳ Linh, *Mặt trời bé con của tôi*)

(Đi bộ đội hay đi học ?, Thật khó trả lời.)

3. Hãy viết một số đoạn văn ngắn chứng minh ý kiến của Vũ Ngọc Phan : "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo". Sau đó, phân tích các phương tiện liên kết đoạn văn em sử dụng.

BÀI 5

> ***Kết quả cần đạt***
>
> • *Hiểu rõ thế nào là từ ngữ địa phương, thế nào là biệt ngữ xã hội. Có ý thức sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội phù hợp với tình huống giao tiếp, tránh lạm dụng các lớp từ ngữ này.*
>
> • *Nắm được mục đích, cách thức và có kĩ năng tóm tắt văn bản tự sự.*

TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

I – TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG

Quan sát những từ in đậm trong các ví dụ sau và trả lời câu hỏi.

– *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*
Cháo ***bẹ*** *rau măng vẫn sẵn sàng.*

(Hồ Chí Minh, *Tức cảnh Pác Bó*)

– *Khi con tu hú gọi bầy*
Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp *rây vàng hạt, đầy sân nắng đào.*

(Tố Hữu, *Khi con tu hú*)

Bắp và *bẹ* ở đây đều có nghĩa là "ngô". Trong ba từ *bắp, bẹ* và *ngô,* từ nào là từ địa phương, từ nào được sử dụng phổ biến trong toàn dân ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.*

II – BIỆT NGỮ XÃ HỘI

Đọc các ví dụ sau và trả lời câu hỏi.

a) *Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến* ***mẹ*** *tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng* ***mẹ*** *tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.*

Tôi cũng cười đáp lại cô tôi :

– Không ! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào ***mợ*** *cháu cũng về.*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

Tại sao trong đoạn văn này, có chỗ tác giả dùng từ *mẹ*, có chỗ lại dùng từ *mợ* ? Trước Cách mạng tháng Tám 1945, trong tầng lớp xã hội nào ở nước ta, mẹ được gọi bằng *mợ*, cha được gọi bằng *cậu* ?

b)

– Chán quá, hôm nay mình phải nhận con ***ngỗng*** *cho bài tập làm văn.*

– ***Trúng tủ****, hắn nghiễm nhiên đạt điểm cao nhất lớp.*

Các từ ngữ *ngỗng*, *trúng tủ* có nghĩa là gì ? Tầng lớp xã hội nào thường dùng các từ ngữ này ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Khác với từ ngữ toàn dân, biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.*

III – SỬ DỤNG TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG, BIỆT NGỮ XÃ HỘI

1. Khi sử dụng từ ngữ địa phương hoặc biệt ngữ xã hội, cần chú ý điều gì ? Tại sao không nên lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội ?

2. Tại sao trong các đoạn văn, thơ sau đây, tác giả vẫn dùng một số từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội ?

– *Đồng chí **mô** nhớ nữa,*
Kể chuyện Bình Trị Thiên,
*Cho **bầy tui** nghe **ví***
Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí
*– Thưa trong **nớ hiện chừ** vô cùng gian khổ,*
*Đồng bào ta phải kháng chiến **ra ri*** [(a)].

(*Theo* Hồng Nguyên, *Nhớ*)

– ***Cá*** *nó để ở **dằm thượng** áo ba đờ suy, khó **mõi** lắm*[(b)].

(Nguyên Hồng, *Bỉ vỏ*)

Ghi nhớ

• *Việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội phải phù hợp với tình huống giao tiếp. Trong thơ văn, tác giả có thể sử dụng một số từ ngữ thuộc hai lớp từ này để tô đậm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ, tính cách nhân vật.*

• *Muốn tránh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội, cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết.*

IV – LUYỆN TẬP

1. Tìm một số từ ngữ địa phương nơi em ở hoặc ở vùng khác mà em biết. Nêu từ ngữ toàn dân tương ứng.

Mẫu :

Từ ngữ địa phương	**Từ ngữ toàn dân**
má, u, bầm *heo* *bông*	*mẹ* *lợn* *hoa*

(a) Các từ ngữ in đậm là từ ngữ địa phương Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế (*mô* : nào, đâu ; *bầy tui* : chúng tôi ; *ví* : với ; *nớ* : ấy, đó, đấy ; *hiện chừ* : bây giờ ; *ra ri* : như thế này).

(b) Các từ ngữ in đậm là biệt ngữ xã hội (*cá* : ví tiền ; *dằm thượng* : túi áo trên ; *mõi* : lấy cắp).

2. Tìm một số từ ngữ của tầng lớp học sinh hoặc của tầng lớp xã hội khác mà em biết và giải thích nghĩa của các từ ngữ đó (cho ví dụ minh hoạ).

3. Trong những trường hợp giao tiếp sau đây, trường hợp nào nên dùng từ ngữ địa phương, trường hợp nào không nên dùng từ ngữ địa phương ?

a) Người nói chuyện với mình là người cùng địa phương.

b) Người nói chuyện với mình là người ở địa phương khác.

c) Khi phát biểu ý kiến ở lớp.

d) Khi làm bài tập làm văn.

e) Khi viết đơn từ, báo cáo gửi thầy giáo, cô giáo.

g) Khi nói chuyện với người nước ngoài biết tiếng Việt.

4*. Sưu tầm một số câu thơ, ca dao, hò, vè của địa phương em (hoặc của địa phương khác) có sử dụng từ ngữ địa phương.

5. Trao đổi trong nhóm các bài tập làm văn. Đọc và sửa giúp nhau các lỗi lạm dụng từ ngữ địa phương trong mỗi bài tập làm văn.

ĐỌC THÊM

CHÚ GIỐNG CON BỌ HUNG[(a)]

Một đơn vị bộ đội trên đường hành quân, đến Quảng Bình, vào nghỉ tại nhà một ông cụ. Cụ già thăm hỏi từng chiến sĩ và chăm chú nhìn vào một chiến sĩ da ngăm đen, rồi nói một cách rất tự nhiên :

– Chú này giống con bọ hung.

Người chiến sĩ là dân Bắc Bộ, không hiểu tiếng địa phương, lấy làm bối rối. Sau đó mới hiểu ý nghĩa của câu nói ấy là : "Chú này rất giống con của bố.".

(Nguyễn Văn Tứ, *Chuyện vui ngữ nghĩa*)

(a) Từ địa phương Quảng Bình (*bọ* : cha, *hung* : ghê).

TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

I – THẾ NÀO LÀ TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ ?

1. Trong cuộc sống hằng ngày, có những văn bản tự sự chúng ta đã đọc nhưng nếu muốn ghi lại nội dung chính của chúng để sử dụng hoặc thông báo cho người khác biết thì phải tóm tắt văn bản tự sự.

2. Từ gợi ý trên, theo em, thế nào là tóm tắt văn bản tự sự ? Suy nghĩ và lựa chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau :

a) Ghi lại đầy đủ mọi chi tiết của văn bản tự sự.

b) Ghi lại một cách ngắn gọn, trung thành những nội dung chính của văn bản tự sự.

c) Kể lại một cách sáng tạo nội dung của văn bản tự sự.

d) Phân tích nội dung, ý nghĩa và giá trị của văn bản tự sự.

II – CÁCH TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Những yêu cầu đối với văn bản tóm tắt

Đọc văn bản tóm tắt sau và trả lời các câu hỏi.

Vua Hùng thứ mười tám có người con gái đẹp tên là Mị Nương. Nhà vua muốn kén một chàng rể xứng đáng. Sơn Tinh và Thuỷ Tinh cùng một lúc đến cầu hôn. Cả hai người đều có tài, vua Hùng không biết gả con cho ai, bèn ra điều kiện thách đố để dễ bề lựa chọn. Sơn Tinh thắng cuộc, cưới Mị Nương rồi đưa về núi. Thuỷ Tinh tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng bị thua. Từ đó hằng năm Thuỷ Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thất bại.

a) Văn bản tóm tắt trên kể lại nội dung của văn bản nào ? Dựa vào đâu mà em nhận ra được điều đó ? Văn bản tóm tắt trên có nêu được nội dung chính của văn bản được tóm tắt không ?

b) Văn bản tóm tắt trên có gì khác so với văn bản được tóm tắt (về độ dài, về lời văn, về số lượng nhân vật, sự việc,...) ?

c) Từ việc tìm hiểu trên, hãy cho biết các yêu cầu đối với một văn bản tóm tắt.

2. Các bước tóm tắt văn bản

Muốn tóm tắt được một văn bản, theo em phải làm những việc gì ? Những việc ấy phải thực hiện theo trình tự nào ?

Ghi nhớ

- *Tóm tắt văn bản tự sự là dùng lời văn của mình trình bày một cách ngắn gọn nội dung chính (bao gồm sự việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng) của văn bản đó.*
- *Văn bản tóm tắt cần phản ánh trung thành nội dung của văn bản được tóm tắt.*
- *Muốn tóm tắt văn bản tự sự, cần đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề văn bản, xác định nội dung chính cần tóm tắt, sắp xếp các nội dung ấy theo một trình tự hợp lí, sau đó viết thành văn bản tóm tắt.*

LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Để tóm tắt truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, một bạn nêu lên những sự việc tiêu biểu và các nhân vật quan trọng sau đây. Hãy theo dõi để thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

a) Con trai lão Hạc đi phu đồn điền cao su, lão chỉ còn lại "cậu Vàng".

b) Lão Hạc có một người con trai, một mảnh vườn và một con chó vàng.

c) Lão mang tiền dành dụm được gửi ông giáo và nhờ ông trông coi mảnh vườn.

d) Vì muốn để lại mảnh vườn cho con, lão phải bán con chó.

e) Một hôm lão xin Binh Tư ít bả chó.

g) Cuộc sống mỗi ngày một khó khăn, lão kiếm được gì ăn nấy và bị ốm một trận khủng khiếp.

h) Lão bỗng nhiên chết – cái chết thật dữ dội.

i) Ông giáo rất buồn khi nghe Binh Tư kể chuyện ấy.

k) Cả làng không hiểu vì sao lão chết, trừ Binh Tư và ông giáo.

Yêu cầu :

– Bản liệt kê trên đã nêu được những sự việc tiêu biểu và các nhân vật quan trọng của truyện *Lão Hạc* chưa ? Nếu phải bổ sung thì em nêu thêm những gì ?

– Hãy sắp xếp các sự việc đã nêu ở trên theo một thứ tự hợp lí.

– Sau khi sắp xếp hợp lí, hãy viết tóm tắt truyện *Lão Hạc* bằng một văn bản ngắn gọn (khoảng 10 dòng).

2. Hãy nêu lên những sự việc tiêu biểu và các nhân vật quan trọng trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*, sau đó viết một văn bản tóm tắt đoạn trích (khoảng 10 dòng).

3*. Có ý kiến cho rằng các văn bản *Tôi đi học* của Thanh Tịnh và *Trong lòng mẹ* của Nguyên Hồng rất khó tóm tắt. Em thấy có đúng không ? Hãy thử tóm tắt các văn bản ấy.

ĐỌC THÊM

1. Tóm tắt truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài :

Truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* gồm 10 chương, viết về những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn qua thế giới những loài vật bé nhỏ. Dế Mèn vốn quen sống độc lập từ thuở bé, khi thành một chàng dế thanh niên cường tráng lại có tính hung hăng, kiêu ngạo, gây ra những chuyện ngỗ nghịch để rồi phải ân hận. Chán cảnh sống quẩn quanh bên bờ ruộng, Dế Mèn đi phiêu lưu để mở rộng tầm mắt và tìm ý nghĩa cho cuộc sống của mình. Dế Mèn đã gặp Dế Trũi, kết làm anh em sát cánh bên nhau trong các chuyến đi. Đã đi qua nhiều nơi, gặp gỡ nhiều loài, thấy nhiều cảnh sống và cũng nhiều phen gặp gian nan, nguy hiểm, nhưng Dế Mèn không nản chí lùi bước. Cuối cùng Dế Mèn cùng các bạn hiểu ra rằng : "Ai cũng có

lòng tốt, ai cũng muốn làm ăn yên ổn". Họ nhờ các bạn Kiến truyền đi lời hịch kêu gọi muôn loài kết làm anh em, được các loài hưởng ứng nhiệt liệt.

(Tô Hoài, *Lời nói đầu* truyện
Dế Mèn phiêu lưu kí, NXB Hải Phòng, 1986)

2. Tóm tắt truyện *Quan Âm Thị Kính* (Quan Âm tân truyện) :

Ở kiếp thứ mười Quan Âm sinh ra tại nhà Mãng Ông, được đặt tên là Thị Kính, tư dung khác người. Đến tuổi lấy chồng, cha mẹ gả cho chàng Thiện Sĩ họ Sùng. Một hôm, trong lúc chồng ngủ, Thị Kính thấy có chiếc râu mọc ngược, mới lấy dao định cắt đi. Thiện Sĩ giật mình, tỉnh dậy tưởng vợ hại mình, kêu la ầm ĩ. Gia đình nhà chồng chạy vào thấy vậy cho là Thị Kính có ý giết chồng. Họ lăng mạ và đuổi nàng về nhà cha mẹ đẻ. Buồn cảnh đời, Thị Kính cải dạng nam nhi trốn nhà theo cửa thiền. Ở chùa Vân, bị Thị Màu say đắm, Thị Kính lại rơi vào nỗi oan nghiệt mới, phải chịu đòn theo lệ làng, phải âm thầm nuôi con hoang của Thị Màu và tên Nô (người ở của nhà Thị Màu). Chỉ đến lúc thân tàn lực kiệt, trả xác cho đời, Thị Kính mới được minh oan và được trở về cõi Phật.

(*Theo* Trần Lâm Biền, *Người mẹ và phái đẹp,*
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1990)

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

Gợi ý đánh giá bài làm :

1. Câu chuyện trong bài văn được kể theo chủ đề gì ? (Điều gì được kể xuyên suốt, được nhấn mạnh, được láy đi láy lại trong mạch kể ?)

2. Bài văn đã dùng sự việc, chi tiết, ý gì để thể hiện sự thống nhất của bài làm (xét từ mối quan hệ giữa các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài) ?

3. Mỗi đoạn văn đã viết hoàn chỉnh một ý chưa ? Có đoạn văn nào lẽ ra phải tách ra, hay có những đoạn văn lẽ ra phải nhập lại cho trọn một ý không ?

4. Sửa chữa những lỗi chính tả, ngữ pháp, dùng từ và diễn đạt trong bài viết (nếu có).

BÀI 6

Kết quả cần đạt

- *Hiểu được nội dung xúc động và nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn của tác phẩm* ***Cô bé bán diêm****.*
- *Hiểu được thế nào là trợ từ, thán từ ; biết cách dùng trợ từ, thán từ trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.*
- *Thấy được sự kết hợp và tác động qua lại giữa các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm của người viết trong văn bản tự sự.*

VĂN BẢN

CÔ BÉ BÁN DIÊM
(Trích)

(Đêm giao thừa, trời rét mướt. Một cô bé bán diêm nhà nghèo, mồ côi mẹ, đầu trần, chân đất, bụng đói, đang dò dẫm trong bóng tối. Suốt cả ngày em không bán được bao diêm nào...)

Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà ! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu(1) của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản(2) tiêu tán(3), và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân(4) bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa.

Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùi vào chút ít.

Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn.

Tuy nhiên, em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về ; nhất định là cha em sẽ đánh em.

Vả lại ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà. Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra.

Chà ! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường(5) mà hơ ngón tay nhỉ ? Cuối cùng em đánh

liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà ! Ánh sáng kì dị làm sao ! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và toả ra hơi nóng dịu dàng.

Thật là dễ chịu ! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa ; bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên. Chà ! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bấc[(6)] thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi, thì khoái biết bao !

Em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất. Em ngồi đó, tay cầm que diêm đã tàn hẳn. Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm. Đêm nay về nhà thế nào cũng bị cha mắng.



Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên. Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màu. Em nhìn thấu vào tận trong nhà. Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ quý giá, và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phuốc-sét[7] cắm trên lưng, tiến về phía em bé.

Rồi... que diêm vụt tắt ; trước mặt em chỉ còn là những bức tường dày đặc và lạnh lẽo.

Thực tế đã thay thế cho mộng tưởng ; chẳng có bàn ăn thịnh soạn[8] nào cả, mà chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xoá, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm[9] với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm.

Em quẹt que diêm thứ ba. Bỗng em thấy hiện ra một cây thông Nô-en[10]. Cây này lớn và trang trí lộng lẫy hơn cây mà em đã được thấy năm ngoái qua cửa kính một nhà buôn giàu có. Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng, hiện ra trước mắt em bé. Em với đôi tay về phía cây... nhưng diêm tắt. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.

– Chắc hẳn có ai vừa chết, em bé tự nhủ, vì bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu, trước đây thường nói rằng : "Khi có một vì sao đổi ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế".

Em quẹt que diêm nữa vào tường, một ánh sáng xanh toả ra xung quanh và em bé nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em.

– Bà ơi ! Em bé reo lên, cho cháu đi với ! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây Nô-en ban nãy, nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi này ; trước kia khi bà chưa về với Thượng đế chí nhân[11], bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao ! Dạo ấy bà đã từng nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà, bà ơi ! Cháu van bà, bà xin Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

Que diêm tắt phụt, và ảo ảnh[12] rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.

Thế là em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại ! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em

to lớn và đẹp lão[13] như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe doạ họ nữa. Họ đã về chầu Thượng đế.

Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mồng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau : "Chắc nó muốn sưởi cho ấm !", nhưng chẳng ai biết những cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.

(An-đéc-xen[★], *Truyện An-đéc-xen*,
Nguyễn Văn Hải – Vũ Minh Toàn *dịch*,
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

Chú thích

(★) An-đéc-xen (1805 – 1875) là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với loại truyện kể cho trẻ em. Nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích, nhưng cũng có những truyện do ông hoàn toàn sáng tạo ra. Bạn đọc khắp năm châu quen thuộc với nhiều truyện của ông như *Cô bé bán diêm, Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Bộ quần áo mới của hoàng đế, Nàng công chúa và hạt đậu*,...

Văn bản này trích gần hết truyện ngắn *Cô bé bán diêm*.

(1) *Hiền hậu* : hiền lành và tốt bụng.

(2) *Gia sản* : tài sản của gia đình.

(3) *Tiêu tán* : mất đi hoàn toàn, tan biến hết, không còn gì.

(4) *Trường xuân* (cũng có khi gọi là *thường xuân*) : một loại cây leo, bám vào tường gạch, lá rụng dần về mùa đông.

(5) Đây là loại diêm cứ quẹt vào tường hoặc vào vật gì cứng là cháy.

(6) *Gió bấc* : gió lạnh, thổi từ hướng bắc.

(7) *Phuốc-sét* : dụng cụ ăn có những cái xiên nhọn dùng để lấy thức ăn.

(8) *Thịnh soạn* : có nhiều món ăn ngon, sang, được bày tươm tất.

(9) *Lãnh đạm* : lạnh lùng, thờ ơ.

(10) *Cây thông Nô-en* : cây thông nhỏ được kết đèn, hoa, dùng để trang trí trong dịp lễ Nô-en và tết dương lịch ở nhiều nước trên thế giới.

(11) *Chí nhân* : hết sức nhân từ, hiền hậu.

(12) *Ảo ảnh* : (xem chú thích 17, tr. 20) ở đây là những hình ảnh hiện ra trong mộng tưởng của em bé.

(13) *Đẹp lão* : đẹp (nói về người già).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hãy xác định ba phần của văn bản này nếu lấy việc em bé quẹt những que diêm làm phần trọng tâm. Căn cứ vào đâu để có thể chia phần thứ hai (phần trọng tâm) thành những đoạn nhỏ hơn ?

2. Qua phần đầu, chúng ta được biết gì về gia cảnh của nhân vật cô bé bán diêm và thời gian, không gian xảy ra câu chuyện ? Liệt kê những hình ảnh tương phản (đối lập, đặt gần nhau, làm nổi bật lẫn nhau) được nhà văn sử dụng trong phần này nhằm khắc hoạ nỗi khổ cực của cô bé.

3. Chứng minh rằng những mộng tưởng của cô bé qua các lần quẹt diêm (lò sưởi, bàn ăn, cây thông Nô-en, người bà, hai bà cháu bay đi) diễn ra theo thứ tự hợp lí. Trong số các mộng tưởng ấy, điều nào gắn với thực tế, điều nào thuần tuý chỉ là mộng tưởng ?

4. Phát biểu những cảm nghĩ của em về truyện *Cô bé bán diêm* nói chung và về đoạn kết của truyện nói riêng.

Ghi nhớ

*Bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các tình tiết diễn biến hợp lí, tác phẩm **Cô bé bán diêm** của An-đéc-xen truyền cho chúng ta lòng thương cảm sâu sắc đối với một em bé bất hạnh.*

TRỢ TỪ, THÁN TỪ

I – TRỢ TỪ

1. Nghĩa của các câu dưới đây có gì khác nhau ? Vì sao có sự khác nhau đó ?

– *Nó ăn hai bát cơm.*

– *Nó ăn những hai bát cơm.*

– *Nó ăn có hai bát cơm.*

2. Các từ *những* và *có* trong các câu ở mục 1 đi kèm từ ngữ nào trong câu và biểu thị thái độ gì của người nói đối với sự việc ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Trợ từ là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. Ví dụ :* ***những, có, chính, đích, ngay,...***

II – THÁN TỪ

1. Các từ *này, a* và *vâng* trong những đoạn trích sau đây biểu thị điều gì ?

a) ***Này*** *! Ông giáo ạ ! Cái giống nó cũng khôn ! Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng : "**A** ! Lão già tệ lắm ! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?".*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

b) – ***Này****, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.*

– ***Vâng****, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

2. Nhận xét về cách dùng các từ *này, a* và *vâng* bằng cách lựa chọn những câu trả lời đúng :

a) Các từ ấy có thể làm thành một câu độc lập.

b) Các từ ấy không thể làm thành một câu độc lập.

c) Các từ ấy không thể làm một bộ phận của câu.

d) Các từ ấy có thể cùng những từ khác làm thành một câu và thường đứng đầu câu.

> ***Ghi nhớ***
>
> • *Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi nó được tách ra thành một câu đặc biệt.*
>
> • *Thán từ gồm hai loại chính :*
>
> *– Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc :* ***a, ái, ơ, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi,...***
>
> *– Thán từ gọi đáp :* ***này, ơi, vâng, dạ, ừ,...***

III – LUYỆN TẬP

1. Trong các câu dưới đây, từ nào (trong các từ in đậm) là trợ từ, từ nào không phải là trợ từ ?

a) ***Chính*** *thầy hiệu trưởng đã tặng tôi quyển sách này.*

b) *Chị Dậu là nhân vật* ***chính*** *của tác phẩm "Tắt đèn".*

c) ***Ngay*** *tôi cũng không biết đến việc này.*

d) *Anh phải nói* ***ngay*** *điều này cho cô giáo biết.*

e) *Cha tôi* ***là*** *công nhân.*

g) *Cô ấy đẹp ơi* ***là*** *đẹp.*

h) *Tôi nhớ mãi* ***những*** *kỉ niệm thời niên thiếu.*

i) *Tôi nhắc anh* ***những*** *ba bốn lần mà anh vẫn quên.*

2. Giải thích nghĩa của các trợ từ in đậm trong những câu sau :

a) *Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho*

tôi ***lấy*** *một lá thư, nhắn người thăm tôi* ***lấy*** *một lời và gửi cho tôi* ***lấy*** *một đồng quà.*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

b) *Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá :* ***nguyên*** *tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất* ***đến*** *cứng hai trăm bạc.*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

c) *Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khoẻ hơn* ***cả*** *tôi, ông giáo ạ !*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

d) *Rồi* ***cứ*** *mỗi năm rằm tháng tám*
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.

(Tản Đà, *Muốn làm thằng Cuội*)

3. Chỉ ra thán từ trong các câu dưới đây (trích từ tác phẩm *Lão Hạc* của Nam Cao) :

a) *Đột nhiên lão bảo tôi :*

– Này ! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ !

À ! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão.

b) *– Con chó là của cháu nó mua đấy chứ !... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...*

Ấy ! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta định rồi chẳng bao giờ người ta làm được.

c) *– Vâng ! Ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.*

d) *Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn* [...].

e) *Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết...*

4. Các thán từ in đậm trong những câu sau đây bộc lộ những cảm xúc gì ?

a) *Chuột Cống chùi bộ râu và gọi đám bộ hạ : "Kìa chúng bay đâu, xem thằng Nồi Đồng hôm nay có gì chén được không ?".*

*Lũ chuột bò lên chạn, leo lên bác Nồi Đồng. Năm sáu thằng xúm lại húc mõm vào, cố mãi mới lật được cái vung nồi ra. "**Ha ha** ! Cơm nguội ! Lại có một bát cá kho ! Cá rô kho khế : vừa dừ vừa thơm. Chít chít, anh em ơi, lại đánh chén đi thôi !".*

*Bác Nồi Đồng run như cầy sấy : "Bùng boong. **Ái ái** ! Lạy các cậu, các ông, ăn thì ăn, nhưng đừng đánh đổ tôi xuống đất. Cái chạn cao thế này, tôi ngã xuống không vỡ cũng bẹp, chết mất !".*

(Nguyễn Đình Thi, *Cái tết của Mèo Con*)

b) ***Than ôi** ! Thời oanh liệt nay còn đâu ?*

(Thế Lữ, *Nhớ rừng*)

5. Đặt năm câu với năm thán từ khác nhau.

6. Hãy giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ *Gọi dạ bảo vâng.*

MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I – SỰ KẾT HỢP CÁC YẾU TỐ KỂ, TẢ VÀ BIỂU LỘ TÌNH CẢM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Xe chạy chầm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo :

– Con nín đi ! Mợ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc ? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng. Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì.

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

Yêu cầu :

1. Tìm và chỉ ra các yếu tố miêu tả và các yếu tố biểu cảm trong đoạn văn trên. (Chú ý chỉ ra các từ ngữ, câu văn, hình ảnh, chi tiết thể hiện các yếu tố miêu tả và biểu cảm.) Các yếu tố này đứng riêng hay đan xen với yếu tố tự sự ?

2. Bỏ hết các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn trên, sau đó chép lại các câu văn kể người và việc thành một đoạn. Đối chiếu đoạn văn đó với đoạn văn trên để rút ra nhận xét : Nếu không có các yếu tố miêu tả và biểu cảm thì việc kể chuyện trong đoạn văn trên sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ? Từ đó rút ra kết luận về vai trò, tác dụng của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong việc kể chuyện.

3. Bỏ hết các yếu tố kể trong đoạn văn trên, chỉ để lại các câu văn miêu tả và biểu cảm thì đoạn văn sẽ bị ảnh hưởng ra sao ? (Nó có thành "chuyện" không ? Vì sao ?) Tự rút ra nhận xét về vai trò của yếu tố kể người và việc trong văn bản tự sự.

Ghi nhớ

- *Trong văn bản tự sự, rất ít khi các tác giả chỉ thuần kể người, kể việc (kể chuyện) mà khi kể thường đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm.*
- *Các yếu tố miêu tả và biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn.*

II – LUYỆN TẬP

1. Tìm một số đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong các văn bản đã học như *Tôi đi học* (Thanh Tịnh), *Tức nước vỡ bờ* (Ngô Tất Tố), *Lão Hạc* (Nam Cao),... Phân tích giá trị của các yếu tố đó.

2. Hãy viết một đoạn văn kể về những giây phút đầu tiên khi em gặp lại một người thân (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,...) sau một thời gian xa cách (chú ý sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong khi kể).

ĐỌC THÊM

1. Muốn chia văn miêu tả riêng, văn kể chuyện riêng, nhưng không thể làm được. Vì chỉ có một đôi đoạn văn thuần là miêu tả, hoặc thuần là kể chuyện, còn phần lớn, cả hai thể loại đều xen lẫn vào nhau.

(Phạm Hổ, *Văn miêu tả và kể chuyện*,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996)

2. Nói miêu tả, dễ tưởng miêu tả chỉ là tô vẽ phong cảnh trời nắng trời mưa, chớp bể mưa nguồn và thiên nhiên : cây vườn, bãi cỏ, con sông,... Không, hàng đầu miêu tả là chú trọng sự việc, con người.

(Tô Hoài, *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997)

BÀI 7

Kết quả cần đạt

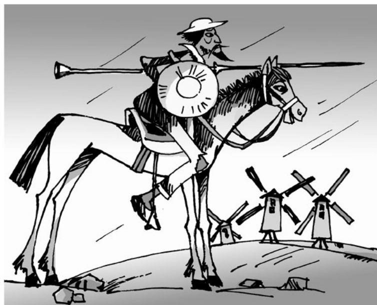
- *Nhận rõ Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa được xây dựng thành một cặp nhân vật tương phản và đánh giá đúng những mặt hay, mặt dở trong tính cách của từng người.*
- *Hiểu được thế nào là tình thái từ ; biết sử dụng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp.*
- *Biết cách viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.*

VĂN BẢN

ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ
(Trích *Đôn Ki-hô-tê*)

Chợt hai thầy trò phát hiện có ba bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng, và Đôn Ki-hô-tê vừa nhìn thấy liền nói với giám mã(1) : "Vận may run rủi khiến cho sự nghiệp của chúng ta tốt đẹp quá sự mong muốn, vì kia kìa, anh bạn Xan-chô Pan-xa ơi, có đến ba bốn chục tên khổng lồ ghê gớm, ta quyết giao chiến giết hết bọn chúng ; và với những chiến lợi phẩm(2) thu được, chúng ta sẽ bắt đầu giàu có : bởi đây là một cuộc chiến đấu chính đáng, và quét sạch cái giống xấu xa này khỏi mặt đất là phụng sự(3) Chúa đấy". "Những tên khổng lồ nào cơ ?" Xan-chô Pan-xa hỏi. "Những đứa mà anh nhìn thấy kia kìa", Đôn Ki-hô-tê đáp, "cánh tay chúng dài ngoẵng, có đứa, cánh tay dài tới hai dặm(4)". "Thưa ngài", Xan-chô nói, "xuất hiện ở kia chẳng phải là các tên khổng lồ đâu mà chỉ là những cối xay gió, và cái vật trông giống cánh tay là những cánh quạt, khi có gió thổi, chúng sẽ quay tròn làm chuyển động cối đá bên trong". "Xem ra anh chẳng thành thạo gì về những chuyện phiêu lưu", Đôn Ki-hô-tê đáp, "đấy chính là những tên khổng lồ, và nếu anh sợ thì hãy lánh ra xa mà cầu kinh trong lúc ta sẽ đương đầu với chúng trong một cuộc giao tranh điên cuồng và không cân sức". Nói rồi, Đôn Ki-hô-tê thúc con ngựa Rô-xi-nan-tê xông lên, chẳng thèm để ý đến giám mã Xan-chô đang hét bảo là rõ ràng lão đang xông vào đánh những cối xay gió chứ không phải là bọn khổng lồ.

Nhưng trong bụng vốn đinh ninh phía trước là những tên khổng lồ nên Đôn Ki-hô-tê chẳng những không nghe lời can của giám mã Xan-chô, mà khi đã tới gần cũng không nhận ra đấy là những chiếc cối xay ; đã thế, lão còn thét lớn : "Chớ có chạy trốn, lũ hèn mạt nhát gan kia, bởi duy nhất chỉ có một hiệp sĩ(5) tấn công bọn mi đây". Vừa lúc đó nổi lên một làn gió nhẹ và các cánh quạt lớn của những chiếc cối xay gió bắt đầu chuyển động ; thấy thế, Đôn Ki-hô-tê liền nói : "Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả gã khổng lồ Bri-a-rê-ô(6), các ngươi cũng sắp phải đền tội". Nói xong, lão nhiệt thành tâm niệm cầu mong nàng Đuyn-xi-nê-a của mình cứu giúp cho trong lúc nguy nan này ; rồi lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, lão thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất ở trước mặt, và đâm mũi giáo vào cánh quạt : gió làm cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, kéo theo cả ngựa và người ngã văng ra xa.



Xan-chô Pan-xa vội thúc lừa chạy đến cứu, và khi tới nơi thì thấy chủ nằm không cựa quậy : đó là kết quả cái ngã như trời giáng của lão và con Rô-xi-nan-tê. "Giúp tôi với, lạy Chúa !", Xan-chô nói, "Tôi đã chẳng bảo ngài rằng phải coi chừng cẩn thận đấy ư, rằng đó chỉ là những chiếc cối xay gió, ai mà chẳng biết thế,

trừ kẻ nào đầu óc cũng quay cuồng như cối xay !". "Thôi im đi, anh bạn Xan-chô", Đôn Ki-hô-tê đáp, "chuyện chinh chiến thường biến hoá khôn lường chứ không như các chuyện khác ; bởi lẽ, ta cho rằng, và đúng là như thế, chính lão pháp sư[7] Phơ-re-xtôn trước đây đã đánh cắp thư phòng và sách vở của ta, bây giờ lại biến những tên khổng lồ kia thành cối xay gió để tước đi của ta niềm vinh quang đánh bại chúng, vì lão thâm thù[8] ta lắm cơ ; nhưng rồi các pháp thuật xấu xa của lão cũng sẽ không thể nào đối chọi được với thanh kiếm lợi hại của ta". "Cầu Chúa hết sức phù hộ cho !" Xan-chô Pan-xa đáp và nâng Đôn Ki-hô-tê dậy, đỡ lão ngồi lại trên lưng con Rô-xi-nan-tê cũng bị toạc nửa vai.

Vừa bàn tán về cuộc phiêu lưu mới xảy ra, hai thầy trò vừa đi về phía cảng La-pi-xê, vì theo Đôn Ki-hô-tê, con đường này có lắm người qua lại chẳng thể nào không gặp nhiều chuyện phiêu lưu khác nhau [...]. "Nhưng kìa", Xan-chô nói, "ngài ngồi thẳng lại một chút chứ, vì tôi thấy hình như ngài hơi vẹo sang một bên, chắc là do bị ngã lúc nãy". "Đúng thế", Đôn Ki-hô-tê đáp, "và ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ[9] có bị thương thế nào cũng không được rên rỉ, dù xổ cả gan ruột ra ngoài". "Nếu vậy, tôi chẳng biết trả lời ra sao", Xan-chô đáp, "nhưng Chúa thấu hiểu cho là tôi có yên lòng không nếu thấy ngài rên la khi bị cái gì làm cho đau đớn. Còn tôi, có thể xin thưa với ngài rằng chỉ cần hơi đau một chút là tôi rên rỉ ngay, trừ phi cả đến giám mã của hiệp sĩ giang hồ cũng bị cấm không được rên rỉ". Tính chất phác của giám mã làm Đôn Ki-hô-tê không nhịn được cười và lão bảo Xan-chô cứ việc rên la lúc nào và thế nào cũng được, dù muốn hay không, vì cho tới nay lão chưa đọc thấy có chuyện cấm đoán như thế bao giờ. Xan-chô nhắc chủ đã đến giờ ăn. Đôn Ki-hô-tê đáp là lúc này chưa cần ăn, còn nếu Xan-chô đói thì cứ tự nhiên. Được phép, Xan-chô ngồi lại cho thật thoải mái trên lưng lừa, lôi các thứ ở trong cái túi hai ngăn ra, vừa đi theo chủ vừa ung dung đánh chén, thỉnh thoảng lại tu bầu rượu một cách ngon lành khiến tay chủ quán rượu dễ thương nhất ở Ma-la-ga cũng phải phát ghen. Vừa đi vừa chè chén như thế, Xan-chô chẳng còn nhớ gì đến những lời hứa hẹn của chủ[10] và cảm thấy cái nghề đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu này dù có nguy hiểm đến đâu cũng chẳng vất vả gì mà lại thoải mái nữa là khác.

Đêm hôm ấy, hai người ở dưới các vòm cây, và Đôn Ki-hô-tê bẻ một cành khô, rút cái mũi sắt ở chiếc cán gãy lắp vào làm thành ngọn giáo. Đôn Ki-hô-tê suốt đêm không ngủ để nghĩ tới nàng Đuyn-xi-nê-a của lão, bắt chước những hiệp sĩ lão từng đọc trong sách thức trắng nhiều đêm ròng ở trong rừng hoặc nơi hoang

mạc liên tưởng[11] nhớ tới tình nương[12]. Xan-chô Pan-xa thì không thế, bởi vì dạ dày no căng toàn là rượu thịt, bác ngủ một mạch, và nếu như chủ không gọi, thì dù ánh nắng chiếu thẳng vào mặt, và vô số tiếng chim hót líu lo đón mừng một ngày mới có lẽ cũng không đủ để đánh thức bác. Vừa ngủ dậy, bác vớ ngay lấy bầu rượu, thấy nó nhẹ hơn tối hôm trước, nên buồn rầu vì xem chừng trên quãng đường này khó đào đâu ra ngay rượu để đổ vào cho đầy. Đôn Ki-hô-tê không muốn ăn sáng vì, như ta thường nói, chàng nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi.

(Xéc-van-tét[★], *Đôn Ki-hô-tê*,
Phùng Văn Tửu dịch theo bản tiếng Pháp.
Có tham khảo bản dịch *Đôn Ki-hô-tê* của Trương Đắc Vị,
NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

Chú thích

(★) Xéc-van-tét (1547 – 1616) là nhà văn Tây Ban Nha. Ông vốn là binh sĩ, bị thương năm 1571 trong một cuộc thuỷ chiến và bị bắt giam ở An-giê từ năm 1575 đến năm 1580. Trở về Tây Ban Nha, ông sống một cuộc đời cực nhọc, âm thầm mãi cho đến lúc công bố tiểu thuyết *Đôn Ki-hô-tê*.

Văn bản *Đánh nhau với cối xay gió* trích trong tiểu thuyết ấy. Tác phẩm kể chuyện Đôn Ki-hô-tê, một lão quý tộc nghèo vì quá say mê truyện hiệp sĩ nên muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ. Lão lục tìm những đồ binh giáp đã han gỉ của tổ tiên để trang bị cho mình, phong cho con ngựa còm của lão là chiến mã Rô-xi-nan-tê còn bản thân lão là nhà hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê xứ Man-cha. Lão nhớ đến một phụ nữ nông dân lão thầm yêu xưa kia và ban cho chị ta cái tên là công nương Đuyn-xi-nê-a. Lão Đôn Ki-hô-tê gầy gò, cao lênh khênh trên lưng con ngựa còm ra đi làm hiệp sĩ lang thang để trừ lũ gian tà, cứu người lương thiện. Cùng đi với lão là Xan-chô Pan-xa béo lùn, được lão chọn làm giám mã, cưỡi trên lưng con lừa thấp lè tè. Sau nhiều phen thất bại ê chề, cuối cùng ốm nặng, Đôn Ki-hô-tê mới nhận ra cái tai hại của loại truyện hiệp sĩ. Lão viết di chúc và qua đời.

(1) *Giám mã* : người chăm sóc ngựa và theo hầu các hiệp sĩ.

(2) *Chiến lợi phẩm* : những thứ thu được của đối phương sau khi chiến thắng.

(3) *Phụng sự* : dốc lòng, tận tuỵ phục vụ.

(4) *Dặm* : đơn vị đo chiều dài thời xưa ở nhiều nước phương Tây, khoảng 432m.

(5) *Hiệp sĩ* : một tước hiệu thuộc dòng dõi quý phái thời xưa ở phương Tây. Với nghĩa phổ biến, *hiệp sĩ* chỉ người có sức mạnh và lòng hào hiệp, hay bênh vực kẻ yếu, cứu giúp người gặp nạn trong xã hội cũ.

(6) *Bri-a-rê-ô* : người khổng lồ trong thần thoại Hi Lạp, có một trăm cánh tay.

(7) *Pháp sư* : thầy phù thuỷ, người có khả năng làm được nhiều chuyện phi thường, theo mê tín. Để trừ bệnh điên rồ của Đôn Ki-hô-tê, những người quen và người nhà đã đốt các sách hiệp sĩ của lão và bịa chuyện lão pháp sư Phơ-re-xtôn đánh cắp cả phòng sách (thư phòng).

(8) *Thâm thù* : thù sâu sắc.

(9) *Hiệp sĩ giang hồ* : hiệp sĩ đi lang thang khắp nơi để trừ kẻ gian tà, cứu người lương thiện.

(10) *Lời hứa hẹn của chủ* : Đôn Ki-hô-tê đã hứa sẽ trao cho Xan-chô Pan-xa cai trị một vài hòn đảo mà lão sẽ chiếm được trong cuộc phiêu lưu mạo hiểm.

(11) *Liên tưởng* : nghĩ tới những sự việc khác có liên quan đến điều đang suy nghĩ.

(12) *Tình nương* (từ cổ) : chỉ người tình là phụ nữ (nếu người tình là đàn ông thì gọi là *tình lang*).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Xác định ba phần của đoạn truyện này theo trình tự diễn biến trước, trong và sau khi Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió. Liệt kê năm sự việc chủ yếu, qua đó tính cách của lão hiệp sĩ và bác giám mã được bộc lộ.

2. Qua năm sự việc ấy, phân tích những nét hay và dở trong tính cách của nhân vật Đôn Ki-hô-tê.

3. Vẫn qua các sự việc ấy, chứng minh nhân vật Xan-chô Pan-xa cũng bộc lộ cả những mặt tốt lẫn mặt xấu.

4. Đối chiếu Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa về các mặt : dáng vẻ bên ngoài, nguồn gốc xuất thân, suy nghĩ, hành động,... để thấy rõ nhà văn đã xây dựng một cặp nhân vật tương phản.

Ghi nhớ

*Sự tương phản về mọi mặt giữa Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa trong tiểu thuyết **Đôn Ki-hô-tê** của Xéc-van-tét tạo nên một cặp nhân vật bất hủ trong văn học thế giới. Đôn Ki-hô-tê thật nực cười nhưng cơ bản có những phẩm chất đáng quý ; Xan-chô Pan-xa có những mặt tốt song cũng bộc lộ nhiều điểm đáng chê trách.*

TÌNH THÁI TỪ

I – CHỨC NĂNG CỦA TÌNH THÁI TỪ

Quan sát những từ in đậm trong các ví dụ sau và trả lời câu hỏi.

a) – *Mẹ đi làm rồi **à** ?*

b) *Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo :*

*– Con nín **đi** !*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

c) *Thương **thay** cũng một kiếp người,*
*Khéo **thay** mang lấy sắc tài làm chi !*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

d) – *Em chào cô **ạ** !*

Câu hỏi :

1. Trong các ví dụ (a), (b) và (c), nếu bỏ các từ in đậm thì ý nghĩa của câu có gì thay đổi ?

2. Ở ví dụ (d), từ *ạ* biểu thị sắc thái tình cảm gì của người nói ?

Ghi nhớ

- *Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.*
- *Tình thái từ gồm một số loại đáng chú ý như sau :*

– Tình thái từ nghi vấn : ***à, ư, hả, hử, chứ, chăng,...***

– Tình thái từ cầu khiến : ***đi, nào, với,...***

– Tình thái từ cảm thán : ***thay, sao,...***

– Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm : ***ạ, nhé, cơ, mà,...***

II – SỬ DỤNG TÌNH THÁI TỪ

Các tình thái từ in đậm dưới đây được dùng trong những hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm,...) khác nhau như thế nào ?

– Bạn chưa về ***à*** *?*

– Thầy mệt ***ạ*** *?*

– Bạn giúp tôi một tay ***nhé*** *!*

– Bác giúp cháu một tay ***ạ*** *!*

Ghi nhớ

Khi nói, khi viết, cần chú ý sử dụng tình thái từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm,...).

III – LUYỆN TẬP

1. Trong các câu dưới đây, từ nào (trong các từ in đậm) là tình thái từ, từ nào không phải là tình thái từ ?

a) *Em thích trường* ***nào*** *thì thi vào trường ấy.*

b) *Nhanh lên* ***nào****, anh em ơi !*

c) *Làm như thế mới đúng* ***chứ*** *!*

d) *Tôi đã khuyên bảo nó nhiều lần rồi* **chứ** *có phải không đâu.*

e) *Cứu tôi* **với** *!*

g) *Nó đi chơi* **với** *bạn từ sáng.*

h) *Con cò đậu ở đằng* **kia***.*

i) *Nó thích hát dân ca Nghệ Tĩnh*[a] **kia***.*

2. Giải thích ý nghĩa của các tình thái từ in đậm trong những câu dưới đây :

a) *Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang :*

– Bác trai đã khá rồi **chứ** *?*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

b) *– Con chó là của cháu nó mua đấy* **chứ** *!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

c) *Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên luỵ đến hàng xóm láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn* **ư** *?*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

d) *Bỗng Thuỷ lại xịu mặt xuống :*

– Sao bố mãi không về **nhỉ** *? Như vậy là em không được chào bố trước khi đi.*

(Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê*)

e) *Cô giáo Tâm gỡ tay Thuỷ, đi lại phía bục, mở cặp lấy một quyển sổ cùng với chiếc bút máy nắp vàng đưa cho em tôi và nói :*

– Cô tặng em. Về trường mới, em cố gắng học tập **nhé** *!*

(Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê*)

g) *Em tôi sụt sịt bảo :*

– Thôi thì anh cứ chia ra **vậy***.*

(Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê*)

(a) Nghệ An và Hà Tĩnh.

h) *Ông đốc tươi cười nhẫn nại chờ chúng tôi.*

– *Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà* ***cơ mà****.*

(Thanh Tịnh, *Tôi đi học*)

3. Đặt câu với các tình thái từ *mà, đấy, chứ lị, thôi, cơ, vậy.*

4. Đặt câu hỏi có dùng các tình thái từ nghi vấn phù hợp với những quan hệ xã hội sau đây :

– Học sinh với thầy giáo hoặc cô giáo ;

– Bạn nam với bạn nữ cùng lứa tuổi ;

– Con với bố mẹ hoặc chú, bác, cô, dì.

5. Tìm một số tình thái từ trong tiếng địa phương em hoặc tiếng địa phương khác mà em biết.

LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

I – TỪ SỰ VIỆC VÀ NHÂN VẬT ĐẾN ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

Cho các sự việc và nhân vật sau :

a) Chẳng may em đánh vỡ một lọ hoa đẹp.

b) Em giúp một bà cụ qua đường vào lúc đông người và nhiều xe cộ đi lại.

c) Em nhận được một món quà bất ngờ nhân ngày sinh nhật hay ngày lễ, tết.

Hãy xây dựng một đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm. Có thể theo các bước sau :

– *Bước 1* : Lựa chọn sự việc chính. (Một trong ba sự việc trên.)

– *Bước 2* : Lựa chọn ngôi kể. (Người kể ở ngôi thứ mấy, xưng là gì ?)

– *Bước 3* : Xác định thứ tự kể. (Câu chuyện bắt đầu từ đâu, diễn ra thế nào và kết thúc ra sao ?)

– *Bước 4* : Xác định các yếu tố miêu tả và biểu cảm dùng trong đoạn văn tự sự sẽ viết. (Ví dụ, ở trường hợp (a) : Lọ hoa đẹp như thế nào (miêu tả) ? Khi làm vỡ, thái độ, tâm trạng của em ra sao (biểu cảm, suy nghĩ) ?,... Trường hợp (b) : Đó là một bà cụ như thế nào ? Cụ lúng túng, sợ sệt khi qua đường ra sao (miêu tả) ? Tình cảm và thái độ của em khi thấy cụ già như thế (biểu cảm)... Trường hợp (c) : Đó là một món quà như thế nào (miêu tả) ? Bất ngờ ra sao ? Cảm xúc của em như thế nào (biểu cảm) ?...)

– *Bước 5* : Viết thành đoạn văn kể chuyện, kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm sao cho hợp lí.

II – LUYỆN TẬP

1. Cho sự việc và nhân vật sau đây : Sau khi bán chó, lão Hạc sang báo để ông giáo biết.

Hãy đóng vai ông giáo và viết một đoạn văn kể lại giây phút lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ.

2. Tìm trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao đoạn văn kể lại giây phút trên. Sau đó so sánh với đoạn văn của mình vừa viết để rút ra nhận xét :

– Đoạn văn của Nam Cao đã kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm ở chỗ nào ?

– Những yếu tố miêu tả và biểu cảm đã giúp Nam Cao thể hiện được điều gì ?

– Đoạn văn của em đã kết hợp được các yếu tố miêu tả và biểu cảm chưa ?

ĐỌC THÊM

1. Dế Mèn kể về giây phút cuối cùng của Dế Choắt (cái chết của Dế Choắt do Dế Mèn gây ra) :

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng :

– Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này ! Tôi hối lắm ! Tôi hối hận lắm ! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ ?

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này :

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh : ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*,
trong *Ngữ văn 6*, tập hai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002)

2. Người anh kể về giây phút khi thấy mình được em gái vẽ trong tranh (người anh vốn hay ghen tị với em gái mình) :

Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi :

– Con có nhận ra con không ?

Tôi giật sững người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư ? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh : "Anh trai tôi". Vậy mà dưới mắt tôi thì...

– Con đã nhận ra con chưa ? – Mẹ vẫn hồi hộp.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng : "Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy".

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*,
trong *Ngữ văn 6*, tập hai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002)

BÀI 8

__Kết quả cần đạt__

- *Hiểu rõ **Chiếc lá cuối cùng** hấp dẫn ở nghệ thuật kể chuyện độc đáo và lòng thương yêu những người nghèo khổ.*
- *Tìm hiểu và lập được bảng kê các danh từ chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương.*
- *Biết cách tìm, lựa chọn và sắp xếp các ý trong một bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.*

VĂN BẢN

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG
(Trích)



(Xiu và Giôn-xi là hai nữ hoạ sĩ nghèo, còn trẻ, sống trong một căn hộ thuê ở gần công viên Oa-sinh-tơn. Cụ Bơ-men cũng là một hoạ sĩ nghèo thuê phòng ở tầng dưới. Bốn chục năm nay cụ mơ ước vẽ một kiệt tác nhưng chưa thực hiện được ; cụ thường ngồi làm mẫu vẽ cho các hoạ sĩ để kiếm tiền. Lúc ấy là vào mùa đông. Giôn-xi bị bệnh sưng phổi. Bệnh tật và nghèo túng khiến cô tuyệt vọng không muốn sống nữa. Cô đếm từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân bám vào bức tường gạch đối diện với cửa sổ, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi, lìa đời...)

Khi hai người lên trên gác thì Giôn-xi đang ngủ. Xiu kéo tấm mành mành xuống che kín cửa sổ và ra hiệu cho cụ Bơ-men sang buồng bên cạnh. Sang đến nơi, họ sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân[1]. Rồi họ nhìn nhau một lát, chẳng nói năng gì. Một cơn mưa lạnh lẽo, dai dẳng vẫn đang rơi, lẫn cùng với tuyết. Cụ Bơ-men mặc chiếc sơ mi cũ màu xanh, ngồi đóng vai một tay thợ mỏ già trên cái ấm đun nước lật úp giả làm tảng đá[2].

Sáng hôm sau, Xiu tỉnh dậy sau khi chợp mắt được một tiếng đồng hồ thì thấy Giôn-xi đang mở to cặp mắt thẫn thờ nhìn tấm mành mành màu xanh đã kéo xuống.

"Kéo nó lên, em muốn nhìn", cô thều thào ra lệnh.

Xiu làm theo một cách chán nản.

Nhưng, ô kìa ! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ[3].

"Đó là chiếc lá cuối cùng", Giôn-xi nói, "Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết".

"Em thân yêu, thân yêu !", Xiu nói, cúi khuôn mặt hốc hác xuống gần gối, "Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây ?".

Nhưng Giôn-xi không trả lời. Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình[4]. Khi những

dây ràng buộc cô với tình bạn và với thế gian cứ lơi lỏng dần từng sợi một, ý nghĩ kì quặc ấy hình như càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.

Ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn[5], họ vẫn có thể trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc níu vào cái cuống của nó trên tường. Thế rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bấc lại ào ào, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và rơi lộp độp xuống đất từ mái hiên thấp kiểu Hà Lan.

Khi trời vừa hửng sáng thì Giôn-xi, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo mành lên.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.

Giôn-xi nằm nhìn chiếc lá hồi lâu. Rồi cô gọi Xiu đang quấy món cháo gà trên lò hơi đốt.

"Em thật là một con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi", Giôn-xi nói, "Có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ và – khoan – đưa cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp mấy chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng".

Một tiếng đồng hồ sau, cô nói : "Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na-plơ"[6].

Buổi chiều, bác sĩ tới và khi ông ra về, Xiu kiếm cớ ra ngoài hành lang.

"Được năm phần mười rồi", bác sĩ nói và cầm lấy bàn tay mảnh dẻ run rẩy của Xiu, "Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng. Và bây giờ tôi phải xuống dưới nhà thăm một bệnh nhân khác, tên là Bơ-men, hình như là một nghệ sĩ thì phải. Cũng lại chứng sưng phổi. Ông cụ là một người già yếu, bệnh tình nguy kịch. Chẳng còn hi vọng gì, nhưng hôm nay ông cụ sẽ vào nằm bệnh viện để được chăm sóc chu đáo hơn".

Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu : "Cô ấy khỏi nguy hiểm[7] rồi, chị đã thắng. Giờ chỉ còn việc bồi dưỡng và chăm nom – thế thôi".

Và buổi chiều hôm đó, Xiu tới bên giường Giôn-xi nằm, thấy Giôn-xi đang vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len màu xanh thẫm rất vô dụng, chị ôm lấy cả người Giôn-xi lẫn những chiếc gối.

"Chị có chuyện này muốn nói với em, con chuột bạch của chị", cô nói, "Cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi hôm nay ở bệnh viện rồi. Cụ ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần của cụ ướt sũng và lạnh buốt. Chẳng ai hình dung nổi cụ đã ở đâu trong một đêm khủng khiếp như thế. Nhưng rồi người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một bảng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn với nhau, và – em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có lấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không ? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác[8] của cụ Bơ-men, – cụ vẽ nó ở đấy vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng".

(O Hen-ri[★], *Chiếc lá cuối cùng*,
theo bản dịch của Ngô Vĩnh Viễn,
trong tập truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

Chú thích

(★) O Hen-ri (1862 – 1910) là nhà văn Mĩ chuyên viết truyện ngắn. Nhiều truyện của ông đã để lại cho bạn đọc những ấn tượng sâu sắc như *Căn gác xép, Tên cảnh sát và gã lang thang, Quà tặng của các đạo sĩ,...* Các truyện của O Hen-ri thường nhẹ nhàng nhưng toát lên tinh thần nhân đạo cao cả, tình thương yêu người nghèo khổ, rất cảm động. Đoạn trích này là phần cuối truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng.*

(1) *Thường xuân* : xem chú thích 4, tr. 67.

(2) Cụ ngồi làm mẫu để cho Xiu vẽ.

(3) *Bộ* : đơn vị đo chiều dài hay dùng ở Anh và Mĩ, bằng 0,3048m.

(4) *Chuyến đi xa xôi bí ẩn* : ý nói là chết.

(5) *Ánh hoàng hôn* : ánh sáng lúc mặt trời lặn.

(6) *Vịnh Na-plơ* : vịnh đẹp nổi tiếng ở bờ biển I-ta-li-a.

(7) *Khỏi nguy hiểm* : ý nói là không còn lo chết nữa.

(8) *Kiệt tác* : tác phẩm nghệ thuật hết sức đặc sắc.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Những chi tiết nào trong văn bản nói lên tấm lòng thương yêu và hành động cao cả của cụ Bơ-men đối với Giôn-xi ? Tại sao nhà văn bỏ qua không kể sự việc cụ đã vẽ chiếc lá trên tường trong đêm mưa tuyết ? Vì sao có thể nói chiếc lá cụ vẽ là một kiệt tác ?

2. Tìm bằng chứng để khẳng định Xiu không hề được cụ Bơ-men cho biết ý định vẽ một chiếc lá thay cho chiếc lá cuối cùng rụng xuống. Nếu Xiu được biết thì truyện có kém hấp dẫn không ? Vì sao ?

3. Thử hình dung tâm trạng căng thẳng của Giôn-xi, của Xiu và của bạn đọc khi hai lần Giôn-xi ra lệnh kéo mành lên. Nguyên nhân sâu xa nào quyết định tâm trạng hồi sinh của Giôn-xi ? Tại sao nhà văn kết thúc truyện bằng lời kể của Xiu mà không để Giôn-xi phản ứng gì thêm ?

4. Chứng minh truyện *Chiếc lá cuối cùng* của O Hen-ri, qua trích đoạn này, được kết thúc trên cơ sở hai sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên hiện tượng đảo ngược tình huống hai lần, gây hứng thú cho bạn đọc.

Ghi nhớ

*Mấy trang kết thúc truyện **Chiếc lá cuối cùng** trên đây của O Hen-ri đủ chứng tỏ truyện được xây dựng theo kiểu có nhiều tình tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ khéo léo, kết cấu đảo ngược tình huống hai lần, gây hứng thú và làm cho chúng ta rung cảm trước tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ.*

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Tiếng Việt)

1. Tìm các từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương em có nghĩa tương đương với các từ ngữ toàn dân dưới đây.

(*Cách làm* : – Kẻ lại bảng vào vở, theo thứ tự, ghi rõ từ ngữ được dùng ở địa phương em. Từ ngữ đó có thể trùng với từ ngữ toàn dân hoặc khác từ ngữ toàn dân.

– Gạch dưới các từ ngữ khác với từ ngữ toàn dân.)

STT	Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ được dùng ở địa phương em
1	*cha*	
2	*mẹ*	
3	*ông nội*	
4	*bà nội*	
5	*ông ngoại*	
6	*bà ngoại*	
7	*bác* (anh trai của cha)	
8	*bác* (vợ anh trai của cha)	
9	*chú* (em trai của cha)	
10	*thím* (vợ em trai của cha)	
11	*bác* (chị gái của cha)	
12	*bác* (chồng chị gái của cha)	
13	*cô* (em gái của cha)	
14	*chú* (chồng em gái của cha)	
15	*bác* (anh trai của mẹ)	
16	*bác* (vợ anh trai của mẹ)	
17	*cậu* (em trai của mẹ)	
18	*mợ* (vợ em trai của mẹ)	
19	*bác* (chị gái của mẹ)	
20	*bác* (chồng chị gái của mẹ)	
21	*dì* (em gái của mẹ)	
22	*chú* (chồng em gái của mẹ)	
23	*anh trai*	
24	*chị dâu* (vợ của anh trai)	
25	*em trai*	
26	*em dâu* (vợ của em trai)	
27	*chị gái*	
28	*anh rể* (chồng của chị gái)	
29	*em gái*	
30	*em rể* (chồng của em gái)	
31	*con*	
32	*con dâu* (vợ của con trai)	
33	*con rể* (chồng của con gái)	
34	*cháu* (con của con)	

2. Sưu tầm một số từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương khác.

3. Sưu tầm một số thơ ca có sử dụng từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích ở địa phương em.

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

I – DÀN Ý CỦA BÀI VĂN TỰ SỰ

1. Tìm hiểu dàn ý của bài văn tự sự

Đọc bài văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

MÓN QUÀ SINH NHẬT

Nhân kỉ niệm ngày sinh năm nay của tôi, bạn bè đến chơi vui vẻ quá. Suốt cả buổi sáng, nhà tôi tấp nập kẻ ra, người vào, tiếng cười nói ríu ra ríu rít không ngớt. Hai chiếc bình cắm đầy hoa. Hoa hồng bạch, hoa hồng nhung, hoa cẩm chướng, hoa mặt trời, lại có những bông hoa cỏ nhỏ xíu màu tím nhạt mà tôi rất thích nữa. Các bạn tôi ngồi chật cả nhà, bao nhiêu ghế mượn thêm của cô Ba nhà bên cũng vẫn không đủ, có chỗ hai bạn phải ngồi chung một ghế, chật chội nhưng mà vui. Nhiều bạn còn mang cả quà đến tặng tôi nữa. Tôi nhận được nhiều thứ quá : nào cặp tóc, nào sổ, nào khăn mùi soa,... bao nhiêu thứ bày la liệt trên bàn.

Vui thì vui thật, nhưng tôi vẫn cứ bồn chồn không yên. Không hiểu sao cái Trinh, đứa bạn thân nhất của tôi, giờ này vẫn chưa đến. Chẳng lẽ nó lại quên ngày vui của tôi ? Không, con bé vốn chu đáo lắm kia mà ! Bạn bè đã bắt đầu ra về lác đác, tôi cũng bồn chồn. Tôi không trách Trinh nữa mà bắt đầu lo. Hay là... Trinh đã gặp tai nạn gì giữa đường chăng ?

Tôi đang đăm chiêu nghĩ ngợi, chợt cái Thanh reo lên :

– Kia rồi ! Chị Trinh kia rồi !

Tôi quay phắt ra cửa, nhìn thấy Trinh đang tươi cười đi vào sân. Tôi chạy ào ra, xô đổ cả ghế. Thấy Trinh bình thường, tự nhiên tôi thấy tủi thân và giận Trinh. Tôi trách :

– Sao bây giờ mới đến ? Tưởng quên người ta rồi ? Ghét !

Trinh cười lỏn lẻn, đầu hơi nghiêng nghiêng trông thật hiền lành. Nhìn nét cười ấy không thể nào mà giận cho được. Tôi phát vào lưng Trinh một phát rõ đau, rồi hỏi :

– Xe đâu không dắt vào, lại để ngoài cổng à ?

Trinh vẫn cười không ra tiếng, lắc lắc đầu hất lọn tóc nặng ra sau, nói nhỏ như người có lỗi :

– Xe sáng nay anh Toàn đi sớm.

– Thế đi bộ xuống đây à ?

Trinh không trả lời, chỉ mỉm cười gật đầu.

Tôi giận mình quá, thế mà cứ trách Trinh mãi. Đi bộ thảo nào bây giờ mới đến. Nhà Trinh mãi trên Quảng Bá, xuống đây cũng phải đến năm, sáu cây số, chứ có gần gì.

Tôi kéo Trinh vào ngồi giữa bạn bè. Trinh mở chiếc lẵng mây nhỏ, thận trọng lấy ra mấy bông hồng vàng. Tất cả đều sửng sốt reo lên. Cái Thanh vội cầm chiếc cốc đi múc nước. Mấy bạn khác cũng xúm lại trầm trồ nhìn ngắm. Trinh lại khẽ nâng lên một cành ổi. Còn nguyên cả lá và lúc lỉu đến năm, sáu quả tròn to, láng bóng. Lại những tiếng xuýt xoa bàn tán. Trinh cười quay sang tôi :

– Trang còn nhớ chùm ổi này không ? Không à ? Quả của cây ổi găng góc ao đấy thôi !

Tôi "à" lên một tiếng, mi mắt bỗng nong nóng và sống mũi cay xộc. Tôi nhớ ra rồi. Lâu lắm, từ mấy tháng trước, lúc ổi đang ra hoa, tôi có lên nhà Trinh chơi. Trinh dẫn tôi vào vườn, đến góc bờ ao, Trinh nói nhỏ, vẻ bí mật :

– Trang ! Trang ! Lại đây tớ cho xem cái này, hay lắm !

Trinh lom khom, luồn qua những cành ổi la đà gần sát mặt đất, rẽ lối cho tôi luồn theo. Đến góc ao, Trinh vít một cành ổi xa nhất, thích thú chỉ cho tôi xem một chùm hoa trắng muốt. Trinh thì thào :

– Cậu xem có thích không ? Cả một chùm mọc sát nhau nhé ! Cây ổi này là giống ổi găng ngon nhất vườn đấy. Quả to, cùi dày, ăn giòn và thơm chẳng kém gì lê. Tớ phát hiện ra chùm hoa này, tuyệt không ? Một, hai, ba... sáu, bảy, tám... phải hơn chục hoa là ít. Mà lại nở chụm vào một đầu cành mới thích chứ !

Thấy tôi chăm chú nhìn cành hoa ổi, Trinh nói tiếp :

– Tớ đang có một "âm mưu" này, Trang ạ. Rất thú vị nhé !

Tôi gặng hỏi mãi, Trinh cũng không chịu nói. Trinh bảo chưa muốn nói bây giờ vì muốn dành cho tôi một sự bất ngờ. Và bây giờ thì chùm ổi đã chín vàng trên hai bàn tay tôi. Nâng chùm ổi trên tay, giọng tôi run run :

– Cái "âm mưu" Trinh nói dạo ấy là chuyện này đây phải không ?

Trinh vẫn lặng lẽ cười, chỉ gật đầu không nói.

Cảm ơn Trinh quá. Món quà ngày sinh nhật Trinh mang đến cho mình mới quý giá làm sao ! Nó không phải là món quà mua vội vàng trên vỉa hè, trong cửa hiệu, chỉ cốt bỏ tiền ra là mua được, mà nó là cả một tấm lòng trân trọng của Trinh ; Trinh đã ấp ủ, nâng niu, hằng nghĩ đến suốt bao ngày nay. Trinh đã săn sóc chùm ổi ấy, để mắt đến nó, từ khi nó chỉ mới là những chiếc nụ nhỏ xíu, rồi nở hoa, rồi kết quả. Trinh đã mong ngày, mong đêm, tìm mọi cách giữ chùm quả ấy lại nguyên vẹn để hôm nay có được chùm quả vàng tươi thơm mát này...

(*Theo* Trần Hoài Dương, *Những ngôi sao trong mưa*)

Yêu cầu :

a) Bài văn trên có thể chia làm ba phần Mở bài, Thân bài và Kết bài. Hãy chỉ ra ba phần đó và nêu nội dung khái quát của mỗi phần.

b) Lần lượt tìm và chỉ ra các yếu tố sau :

– Bài văn kể về việc gì ? Ai là người kể chuyện (ở ngôi thứ mấy) ?

– Câu chuyện xảy ra ở đâu ? Vào lúc nào ? Trong hoàn cảnh nào ?

– Chuyện xảy ra với ai ? Có những nhân vật nào ? Ai là nhân vật chính ? Tính cách của mỗi nhân vật ra sao ?

– Câu chuyện diễn ra như thế nào ? (Mở đầu nêu vấn đề gì ? Đỉnh điểm câu chuyện ở đâu ? Kết thúc ở chỗ nào ? Điều gì đã tạo nên sự bất ngờ ?)

– Các yếu tố miêu tả, biểu cảm được kết hợp và thể hiện ở những chỗ nào trong truyện ? Nêu tác dụng của những yếu tố miêu tả và biểu cảm này.

c) Những nội dung trên (ý b) được tác giả kể theo trình tự nào ? (Tuần tự theo thời gian trước – sau hay đảo ngược từ hiện tại nhớ về quá khứ...)

2. Dàn ý của một bài văn tự sự

a) *Mở bài*

Thường giới thiệu sự việc, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện. (Cũng có khi nêu kết quả của sự việc, số phận nhân vật trước.)

b) *Thân bài*

Kể lại diễn biến câu chuyện theo một trình tự nhất định. (Trả lời các câu hỏi : Câu chuyện đã diễn ra ở đâu ? Khi nào ? Với ai ? Như thế nào ?...)

Trong khi kể, người viết thường kết hợp miêu tả sự việc, con người và thể hiện tình cảm, thái độ của mình trước sự việc và con người được miêu tả.

c) *Kết bài*

Thường nêu kết cục và cảm nghĩ của người trong cuộc (người kể chuyện hay một nhân vật nào đó).

Ghi nhớ

Dàn ý của bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm chủ yếu vẫn là dàn ý của bài văn tự sự có bố cục ba phần (Mở bài, Thân bài và Kết bài). Tuy vậy, trong từng phần, cần đưa vào các nội dung miêu tả và biểu cảm để dàn ý được hoàn chỉnh hơn.

II – LUYỆN TẬP

1. Từ văn bản *Cô bé bán diêm*, hãy lập ra một dàn ý cơ bản theo gợi ý sau :

a) *Mở bài*

Giới thiệu ai ? Trong hoàn cảnh nào ?

b) *Thân bài*

Nêu các sự việc chính xảy ra với nhân vật theo trình tự thời gian (lúc đầu, sau đó, tiếp theo) và kết quả (Mấy lần quẹt diêm ? Mỗi lần diễn ra thế nào và kết quả ra sao ?). Trong khi nêu các sự việc chính, chỉ ra các yếu tố miêu tả và biểu cảm được sử dụng trong đó.

c) *Kết bài*

Kết cục số phận của nhân vật thế nào và cảm nghĩ của người kể ra sao ?

2. Lập dàn ý cho đề bài : "Hãy kể về một kỉ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi".

BÀI 9

Kết quả cần đạt

- *Hiểu rõ hai cây phong trong văn bản này được miêu tả bằng ngòi bút đậm chất hội hoạ, với tâm hồn đầy xúc động của người kể chuyện.*
- *Hiểu được thế nào là nói quá và tác dụng của biện pháp tu từ này trong văn chương cũng như trong cuộc sống thường ngày.*
- *Biết vận dụng những kiến thức đã học để thực hành viết một bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, rèn luyện kĩ năng diễn đạt, trình bày.*

VĂN BẢN

HAI CÂY PHONG
(Trích *Người thầy đầu tiên*)

Làng Ku-ku-rêu chúng tôi nằm ven chân núi, trên một cao nguyên(1) rộng có những khe nước ào ào từ nhiều ngách đá đổ xuống. Phía dưới làng tôi là thung lũng(2) Đất vàng, là cánh thảo nguyên(3) Ca-dắc-xtan mênh mông nằm giữa các nhánh của rặng núi Đen và con đường sắt làm thành một dải thẫm màu băng qua đồng bằng(4) chạy tít đến tận chân trời phía tây.

Phía trên làng tôi, giữa một ngọn đồi, có hai cây phong(5) lớn. Tôi biết chúng từ thuở bắt đầu biết mình. Dù ai đi từ phía nào đến làng Ku-ku-rêu chúng tôi cũng đều trông thấy hai cây phong đó trước tiên, chúng luôn hiện ra trước mắt hệt như những ngọn hải đăng(6) đặt trên núi. Thậm chí tôi cũng không biết giải thích ra sao, – phải chăng người ta vẫn đặc biệt trân trọng nâng niu những ấn tượng thời thơ ấu, hay vì do có liên quan đến nghề hoạ sĩ của tôi, – nhưng cứ mỗi lần về quê, khi xuống xe lửa đi qua thảo nguyên về làng, tôi đều coi bổn phận đầu tiên là từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy.

Dù chúng có cao đến đâu chăng nữa, đứng xa thế cũng khó lòng trông thấy ngay được, nhưng tôi thì bao giờ cũng cảm biết được chúng, lúc nào cũng nhìn rõ.



Đã bao lần tôi từ những chốn xa xôi trở về Ku-ku-rêu, và lần nào tôi cũng nghĩ thầm với một nỗi buồn da diết : "Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy ? Mong sao chóng về tới làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong ! Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất".

Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn – chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thuỷ triều[7] dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão dông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.

Về sau, khi nhiều năm đã trôi qua, tôi mới hiểu được điều bí ẩn của hai cây phong. Chẳng qua chúng đứng trên đồi cao lộng gió nên đáp lại bất kì chuyển động khe khẽ nào của không khí, mỗi chiếc lá nhỏ đều nhạy bén đón lấy mọi làn gió nhẹ thoảng qua.

Nhưng việc khám phá ra chân lí giản đơn ấy vẫn không làm tôi vỡ mộng xưa, không làm tôi bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ đến tận ngày nay. Và cho đến tận ngày nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh...

Vào năm học cuối cùng, trước khi bắt đầu nghỉ hè, bọn con trai chúng tôi chạy ào lên đấy phá tổ chim. Cứ mỗi lần chúng tôi reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi là hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả đung đưa như muốn chào mời chúng tôi đến với bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền. Và chúng tôi, lũ nhóc con đi chân đất, công kênh nhau bám vào các mắt mấu và cành cây trèo lên cao làm chấn động cả vương quốc loài chim. Hàng đàn chim hoảng hốt kêu lên, chao đi chao lại[8] trên đầu. Nhưng chúng tôi vẫn chưa coi vào đâu, đến đây đã thấm gì ! Chúng tôi cứ leo lên cao nữa, cao nữa – nào xem ai can đảm và khéo léo hơn ai ! – và từ trên những cành cao ngất, cao đến ngang tầm cánh chim bay, bỗng như có một phép thần thông[9] nào vụt mở ra trước mắt chúng tôi cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng.

Đất rộng bao la làm chúng tôi sửng sốt[10]. Mỗi đứa chúng tôi đều nín thở ngồi lặng đi trên một cành cây và quên mất cả chim lẫn tổ chim. Chuồng ngựa của nông trang[11] mà chúng tôi vẫn coi là toà nhà rộng lớn nhất trên thế gian, ngồi đây chúng tôi thấy chỉ như một căn nhà xép bình thường. Phía sau làng là dải thảo nguyên hoang vu[12] mất hút trong làn sương mờ đục. Chúng tôi cố giương hết tầm mắt nhìn vào nơi xa thẳm biêng biếc của thảo nguyên và nhìn thấy không biết bao nhiêu, bao nhiêu là vùng đất mà trước đây chúng tôi chưa từng biết đến, thấy những con sông mà trước đây chúng tôi chưa từng nghe nói. Những dòng sông lấp lánh tận chân trời như những sợi chỉ bạc mỏng manh. Chúng tôi nép mình ngồi trên các cành cây suy nghĩ : đã phải đấy là nơi tận cùng thế giới chưa, hay phía sau vẫn còn có bầu trời như thế này, những đám mây, những đồng cỏ và sông ngòi như thế này ? Chúng tôi ngồi nép trên các cành cây, lắng nghe tiếng gió ảo huyền[13], và tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thầm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lẩn sau chân trời xa thẳm biêng biếc kia.

Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thảng thốt[14] và vui sướng, rồi trong tiếng xạc xào không ngớt ấy, tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia. Thuở ấy chỉ có một điều tôi chưa hề nghĩ đến : ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này ? Người vô danh[15] ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này ?

Quả đồi có hai cây phong ấy, không biết vì sao ở làng tôi họ gọi là "Trường Đuy-sen".

(Ai-ma-tốp[★], *Người thầy đầu tiên*, theo bản dịch
của Nguyễn Ngọc Bằng – Cao Xuân Hạo – Bồ Xuân Tiến,
trong *Gia-mi-li-a*, NXB Văn học, Hà Nội, 1999)

Chú thích

(★) Ai-ma-tốp (1928 – 2008) là nhà văn Cư-rơ-gư-xtan, một nước cộng hoà ở vùng Trung Á, thuộc Liên Xô trước đây. Nhiều tác phẩm của ông quen thuộc với bạn đọc Việt Nam như *Cây phong non trùm khăn đỏ, Người thầy đầu tiên, Con tàu trắng*,...

Văn bản này là phần đầu truyện *Người thầy đầu tiên*. Nhan đề *Hai cây phong* là do người biên soạn SGK đặt. Nội dung truyện được đặt vào bối cảnh vùng quê hẻo lánh của Cư-rơ-gư-xtan, vào giữa những năm 20 của thế kỉ trước. Thời đó, trình độ phát triển ở nơi đây còn thấp, tư tưởng phong kiến, gia trưởng còn nặng nề, phụ nữ bị coi thường, trẻ mồ côi bị rẻ rúng. Cô bé An-tư-nai mồ côi sống trong gia đình chú thím ở làng Ku-ku-rêu, chẳng được học hành, và phải chịu sự giám sát, sai khiến hà khắc của bà thím. Đuy-sen được Đoàn Thanh niên Cộng sản cử về làng để mở trường, đã kịp thời cứu giúp, cho em đến trường học. Bà thím ác nghiệt ép gả bán An-tư-nai làm vợ lẽ cho người ta. Một lần nữa, An-tư-nai được thầy Đuy-sen giải thoát, được lên tỉnh học, rồi đến học tiếp ở Mát-xcơ-va, sau trở thành nữ viện sĩ An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va. Còn thầy Đuy-sen, bấy giờ đã già, làm nghề đưa thư. Khi An-tư-nai còn đang học ở trường làng, có hôm Đuy-sen mang về trường hai cây phong non và bảo em : "Hai cây phong này thầy mang về cho em đây. Chúng ta sẽ cùng trồng. Và trong khi chúng lớn lên, ngày một thêm sức sống, em sẽ trưởng thành, em sẽ là một người tốt... Em bây giờ trẻ măng như một thân cây non, như đôi cây phong nhỏ này...".

(1) *Cao nguyên* : vùng đất bằng phẳng, rộng lớn và cao, xung quanh có sườn dốc rõ rệt.

(2) *Thung lũng* : dải đất trũng xuống và kéo dài, nằm giữa hai sườn núi.

(3) *Thảo nguyên* : vùng đất bằng rộng lớn, chỉ có cỏ mọc, do khí hậu khô, ít mưa.

(4) *Đồng bằng* : vùng đất thấp, tương đối bằng phẳng, cao hơn chút ít so với mực nước biển.

(5) *Phong* : một loại cây to, thân cao và thẳng, mọc ở vùng ôn đới, bắc bán cầu.

(6) *Hải đăng* : đèn biển, thường dựng ở mũi đất hoặc trên một hòn đảo để hướng dẫn tàu thuyền đi lại ngoài khơi hoặc ra vào bến cảng.

(7) *Thuỷ triều* : hiện tượng chuyển động lên – xuống có chu kì của nước biển do chịu ảnh hưởng sức hút của mặt trăng và mặt trời.

(8) *Chao đi chao lại* : nghiêng cánh bay hết bên này đến bên kia.

(9) *Phép thần thông* : phép biến hoá màu nhiệm, theo mê tín.

(10) *Sửng sốt* : hết sức ngạc nhiên vì quá bất ngờ.

(11) *Nông trang* : hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp tập thể (ở Liên Xô trước đây).

(12) *Hoang vu* : ở trạng thái hoang vắng, chưa có sự tác động của con người.

(13) *Ảo huyền* : nghĩa như *huyền ảo*, vừa như thực, vừa như hư, đầy vẻ bí ẩn.

(14) *Thảng thốt* : bàng hoàng và ngơ ngác.

(15) *Người vô danh* : ở đây muốn nói là người nào đó, không biết là ai.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào đại từ nhân xưng *(tôi, chúng tôi)* của người kể chuyện, hãy xác định hai mạch kể phân biệt lồng vào nhau trong *Hai cây phong*. Nhân vật người kể chuyện có vị trí như thế nào (nhân danh ai) ở từng mạch kể ấy ? Vì sao có thể nói mạch kể của người kể chuyện xưng "tôi" quan trọng hơn ?

2. Trong mạch kể của người kể chuyện xưng "chúng tôi", cái gì thu hút người kể chuyện cùng bọn trẻ và làm cho chúng ngây ngất ? Tại sao có thể nói người kể chuyện (một hoạ sĩ) đã miêu tả hai cây phong và quang cảnh nơi đây bằng ngòi bút đậm chất hội hoạ ?

3. Trong mạch kể của người kể chuyện xưng "tôi", nguyên nhân nào khiến hai cây phong chiếm vị trí trung tâm và gây xúc động sâu sắc cho người kể chuyện ? Tại sao có thể nói trong mạch kể xen lẫn tả này, hai cây phong được miêu tả hết sức sống động, như hai con người, và không chỉ thông qua sự quan sát của người hoạ sĩ ?

4. Tuỳ chọn trong bài một đoạn khoảng mươi dòng liên quan đến hai cây phong để học thuộc lòng.

Ghi nhớ

*Trong đoạn trích truyện **Người thầy đầu tiên** của Ai-ma-tốp, hai cây phong được miêu tả hết sức sinh động bằng ngòi bút đậm chất hội hoạ. Người kể chuyện truyền cho chúng ta tình yêu quê hương da diết và lòng xúc động đặc biệt vì đấy là hai cây phong gắn với câu chuyện về thầy Đuy-sen, người đã vun trồng ước mơ, hi vọng cho những học trò nhỏ của mình.*

NÓI QUÁ

I – NÓI QUÁ VÀ TÁC DỤNG CỦA NÓI QUÁ

Đọc các câu tục ngữ, ca dao sau và trả lời câu hỏi.

– *Đêm tháng năm **chưa nằm đã sáng***
*Ngày tháng mười **chưa cười đã tối**.*

(*Tục ngữ*)

– *Cày đồng đang buổi ban trưa,*
*Mồ hôi **thánh thót như mưa ruộng cày**.*
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

(*Ca dao*)

1. Nói *Đêm tháng năm **chưa nằm đã sáng**, Ngày tháng mười **chưa cười đã tối*** và *Mồ hôi **thánh thót như mưa ruộng cày*** có quá sự thật không ? Thực chất, mấy câu này nhằm nói điều gì ?

2. Cách nói như vậy có tác dụng gì ?

Ghi nhớ

Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

II – LUYỆN TẬP

1. Tìm biện pháp nói quá và giải thích ý nghĩa của chúng trong các ví dụ sau :

a) *Bàn tay ta làm nên tất cả*
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

(Hoàng Trung Thông, *Bài ca vỡ đất*)

b) *Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sướt da thôi. Từ giờ đến sáng em có thể đi lên đến tận trời được.*

(Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*)

c) [...] *Cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.*

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

2. Điền các thành ngữ sau đây vào chỗ trống /.../ để tạo biện pháp tu từ nói quá : *bầm gan tím ruột, chó ăn đá gà ăn sỏi, nở từng khúc ruột, ruột để ngoài da, vắt chân lên cổ.*

a) *Ở nơi* /.../ *thế này, cỏ không mọc nổi nữa là trồng rau, trồng cà.*

b) *Nhìn thấy tội ác của giặc, ai ai cũng* /.../

c) *Cô Nam tính tình xởi lởi,* /.../

d) *Lời khen của cô giáo làm cho nó* /.../

e) *Bọn giặc hoảng hồn* /.../ *mà chạy.*

3. Đặt câu với các thành ngữ dùng biện pháp nói quá sau đây : *nghiêng nước nghiêng thành, dời non lấp biển, lấp biển vá trời, mình đồng da sắt, nghĩ nát óc.*

4. Tìm năm thành ngữ so sánh có dùng biện pháp nói quá.

Mẫu : *ngáy như sấm.*

5*. Viết một đoạn văn hoặc làm một bài thơ có dùng biện pháp nói quá.

6*. (Thảo luận ở tổ hoặc ở lớp) Phân biệt biện pháp tu từ nói quá với nói khoác.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2 – VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM (làm tại lớp)

ĐỀ BÀI THAM KHẢO

Đề 1. Hãy kể về một kỉ niệm đáng nhớ đối với một con vật nuôi mà em yêu thích.

Đề 2. Kể về một lần em mắc khuyết điểm khiến thầy, cô giáo buồn.

Đề 3. Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng.

Đề 4. Nếu là người được chứng kiến cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo trong truyện ngắn của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó như thế nào ?

BÀI 10

Kết quả cần đạt

- *Củng cố, hệ thống hoá kiến thức về các văn bản truyện kí Việt Nam hiện đại đã học. Thấy được ý nghĩa bảo vệ môi trường hết sức to lớn của hành động tưởng như rất bình thường : "Một ngày không dùng bao bì ni lông".*
- *Hiểu được thế nào là nói giảm nói tránh ; biết sử dụng cách nói giảm nói tránh trong những trường hợp cần thiết.*
- *Biết kể trước tập thể một cách rõ ràng, gãy gọn, sinh động một câu chuyện có kết hợp với miêu tả và biểu cảm, qua đó ôn tập về ngôi kể.*

ÔN TẬP TRUYỆN KÍ VIỆT NAM

1. Lập bảng thống kê những văn bản truyện kí Việt Nam đã học từ đầu năm học theo mẫu sau :

Tên văn bản, tác giả (1)	**Thể loại** (2)	**Phương thức biểu đạt** (3)	**Nội dung chủ yếu** (4)	**Đặc sắc nghệ thuật** (5)

Chú ý :

– Mục (1) : nếu là văn bản trích tác phẩm thì ghi cả tên tác phẩm, năm tác phẩm ra đời và đặt trong ngoặc đơn ; ví dụ : *Tức nước vỡ bờ* (*Tắt đèn*, 1939). Sau tên tác giả, ghi năm sinh – năm mất (nếu đã mất) của tác giả đó (đặt trong ngoặc đơn) ; ví dụ : Nguyên Hồng (1918 – 1982).

– Mục (2) : ghi thể loại của văn bản (truyện ngắn, tiểu thuyết, hồi kí,...).

– Mục (3) : ghi phương thức biểu đạt của văn bản (tự sự, trữ tình hoặc tự sự xen trữ tình,...).

– Các mục (4) và (5) : dựa vào phần *Ghi nhớ* ở mỗi bài để ghi.

2. Hãy nêu những điểm giống nhau và khác nhau chủ yếu về nội dung và hình thức nghệ thuật của ba văn bản trong các bài 2, 3 và 4.

(*Gợi ý* : So sánh về mặt thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung chủ yếu, đặc sắc nghệ thuật,... Chẳng hạn, những điểm giống nhau : đều là tự sự (hiện đại), đều viết về con người và đời sống đương thời, đều có tinh thần nhân đạo, đều có lối viết chân thực, sinh động,...)

3. Trong mỗi văn bản của các bài 2, 3 và 4 kể trên, em thích nhất nhân vật hoặc đoạn văn nào ? Vì sao ?

VĂN BẢN

THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000

Ngày 22 tháng 4 hằng năm được gọi là Ngày Trái Đất do một tổ chức bảo vệ môi trường của Mĩ khởi xướng từ năm 1970. Từ đó đến nay đã có 141 nước trên thế giới tham gia tổ chức này, với quy mô và nội dung thiết thực về bảo vệ môi trường.

Ngày Trái Đất hằng năm được tổ chức theo những chủ đề liên quan đến những vấn đề môi trường nóng bỏng nhất của từng nước hoặc từng khu vực.

Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất với chủ đề "Một ngày không dùng bao bì ni lông".

Như chúng ta đã biết, việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân huỷ(1) của pla-xtic(2). Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi.

Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi(3) gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin(4) có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết(5), giảm khả năng miễn dịch(6), gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh(7) cho trẻ sơ sinh.

Vì vậy chúng ta cần phải :

– Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông, cùng nhau giảm thiểu(8) chất thải ni lông bằng cách giặt phơi khô để dùng lại.

– Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết.

– Sử dụng các túi đựng không phải bằng ni lông mà bằng giấy, lá, nhất là khi dùng để gói thực phẩm.

– Nói những hiểu biết của mình về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông cho gia đình, bè bạn, và mọi người trong cộng đồng để cùng nhau tìm ra giải pháp[9] cho vấn đề sử dụng bao bì ni lông trước khi thải bỏ bao bì ni lông bởi mức gây ô nhiễm nghiêm trọng đối với môi trường.

Mọi người hãy cùng nhau quan tâm tới Trái Đất hơn nữa !

Hãy bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta trước những nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đang gia tăng.

Hãy cùng nhau hành động :

"MỘT NGÀY KHÔNG DÙNG BAO BÌ NI LÔNG".

(Theo tài liệu của Sở Khoa học – Công nghệ Hà Nội)

Chú thích

(1) *Phân huỷ* : (hiện tượng một chất) phân chia thành những chất khác nhau, không còn mang tính chất của chất ban đầu.

(2) *Pla-xtíc* : chất dẻo.

(3) *Ca-đi-mi* : một kim loại, sản phẩm phụ của quá trình sản xuất kẽm, chì, đồng từ quặng.

(4) *Đi-ô-xin* : chất rắn, không màu, rất độc, chỉ cần nhiễm một lượng nhỏ cũng đủ nguy hiểm.

(5) *Tuyến nội tiết* : tuyến mà chất tiết ra của nó ngấm thẳng vào máu, có tác dụng bảo đảm hoạt động sinh lí bình thường của cơ thể.

(6) *Miễn dịch* : (trạng thái của cơ thể) chống lại được một bệnh nào đó.

(7) *Dị tật bẩm sinh* : hiện tượng biến đổi bất thường về hình dạng của bộ phận nào đó trong cơ thể *(dị tật)* đã có từ khi sinh ra *(bẩm sinh)*.

(8) *Giảm thiểu* : bớt đi một ít, giảm bớt.

(9) *Giải pháp* : cách giải quyết một vấn đề.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phân tích bố cục của văn bản.

2. Hãy chỉ ra nguyên nhân cơ bản khiến cho việc dùng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường và sức khoẻ con người. Ngoài nguyên nhân cơ bản, còn có những nguyên nhân nào khác ?

3. Phân tích tính thuyết phục của những kiến nghị mà văn bản đã đề xuất. Hãy chỉ ra tác dụng của từ *vì vậy* trong việc liên kết các phần của văn bản.

Ghi nhớ

*Lời kêu gọi bình thường : "Một ngày không dùng bao bì ni lông" được truyền đạt bằng một hình thức rất trang trọng : **Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000**. Điều đó cùng với sự giải thích đơn giản mà sáng tỏ về tác hại của việc dùng bao bì ni lông, về lợi ích của việc giảm bớt chất thải ni lông, đã gợi cho chúng ta những việc có thể làm ngay để cải thiện môi trường sống, để bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta.*

NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

I – NÓI GIẢM NÓI TRÁNH VÀ TÁC DỤNG CỦA NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

1. Những từ ngữ in đậm trong các đoạn trích sau đây có nghĩa là gì ? Tại sao người viết, người nói lại dùng cách diễn đạt đó ?

– *Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ **đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác**, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.*

(Hồ Chí Minh, *Di chúc*)

– *Bác đã **đi** rồi sao, Bác ơi !*
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời.

(Tố Hữu, *Bác ơi!*)

*– Lượng con ông Độ đây mà... Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ **chẳng còn**.*

(Hồ Phương, *Thư nhà*)

2. Vì sao trong câu văn sau đây, tác giả dùng từ ngữ *bầu sữa* mà không dùng một từ ngữ khác cùng nghĩa ?

*Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào **bầu sữa** nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

3. So sánh hai cách nói sau đây, cho biết cách nói nào nhẹ nhàng, tế nhị hơn đối với người nghe.

*– Con dạo này **lười lắm**.*

*– Con dạo này **không được chăm chỉ lắm**.*

Ghi nhớ

Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề ; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

II – LUYỆN TẬP

1. Điền các từ ngữ nói giảm nói tránh sau đây vào chỗ trống /.../ : *đi nghỉ, khiếm thị, chia tay nhau, có tuổi, đi bước nữa.*

a) *Khuya rồi, mời bà /.../*

b) *Cha mẹ em /.../ từ ngày em còn rất bé, em về ở với bà ngoại.*

c) *Đây là lớp học cho trẻ em /.../*

d) *Mẹ đã /.../ rồi, nên chú ý giữ gìn sức khoẻ.*

e) *Cha nó mất, mẹ nó /.../, nên chú nó rất thương nó.*

2. Trong mỗi cặp câu dưới đây, câu nào có sử dụng cách nói giảm nói tránh ?

a_1) *Anh phải hoà nhã với bạn bè !*

a_2) *Anh nên hoà nhã với bạn bè !*

b_1) *Anh ra khỏi phòng tôi ngay !*

b_2) *Anh không nên ở đây nữa !*

c_1) *Xin đừng hút thuốc trong phòng !*

c_2) *Cấm hút thuốc trong phòng !*

d_1) *Nó nói như thế là thiếu thiện chí.*

d_2) *Nó nói như thế là ác ý.*

e_1) *Hôm qua em hỗn với anh, em xin anh thứ lỗi.*

e_2) *Hôm qua em có lỗi với anh, em xin anh thứ lỗi.*

3. Khi chê trách một điều gì, để người nghe dễ tiếp nhận, người ta thường nói giảm nói tránh bằng cách phủ định điều ngược lại với nội dung đánh giá. Chẳng hạn, đáng lẽ nói "*Bài thơ của anh **dở lắm***" thì lại bảo "*Bài thơ của anh **chưa được hay lắm***". Hãy vận dụng cách nói giảm nói tránh như thế để đặt năm câu đánh giá trong những trường hợp khác nhau.

4. Việc sử dụng cách nói giảm nói tránh là tuỳ thuộc vào tình huống giao tiếp. Trong trường hợp nào thì không nên dùng cách nói giảm nói tránh ?

LUYỆN NÓI : KỂ CHUYỆN THEO NGÔI KỂ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

1. Ôn tập về ngôi kể

Hãy xem và ôn lại các nội dung nói về ngôi kể trong văn tự sự (kể chuyện) ở *Ngữ văn 6*, tập một bằng cách trả lời các câu hỏi sau :

a) Kể theo ngôi thứ nhất là kể như thế nào ? Như thế nào là kể theo ngôi thứ ba ? Nêu tác dụng của mỗi loại ngôi kể.

b) Lấy ví dụ về cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba ở một vài tác phẩm hay trích đoạn văn tự sự đã học.

c) Tại sao người ta phải thay đổi ngôi kể ?

2. Chuẩn bị luyện nói

Đọc đoạn trích sau và kể lại theo lời của chị Dậu (ngôi thứ nhất).

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn :

– Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho !

– Tha này ! Tha này !

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại :

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ !

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiến hai hàm răng :

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem !

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục anh chàng "hầu cận ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

Gợi ý :

Muốn kể lại đoạn trích trên theo ngôi thứ nhất thì phải thay đổi những gì (từ xưng hô, lời dẫn thoại, chuyển lời thoại thành lời kể, chi tiết miêu tả, lời biểu cảm) ?

II – LUYỆN NÓI TRÊN LỚP

Kể lại câu chuyện trên theo ngôi thứ nhất cho cả lớp nghe. (Trong khi kể, chú ý các yếu tố miêu tả và biểu cảm.)

BÀI 11

> ***Kết quả cần đạt***
>
> *• Củng cố kiến thức đã học ở Tiểu học về đặc điểm của câu ghép và cách nối các vế câu ghép.*
>
> *• Thông qua giờ trả bài và bài văn đã được chấm, nắm vững hơn cách làm bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm ; nhận ra được những ưu, nhược điểm của bài viết.*
>
> *• Nắm được vai trò, vị trí của văn bản thuyết minh trong đời sống của con người.*

CÂU GHÉP

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA CÂU GHÉP

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã. ***Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp.*** *Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ.* ***Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.***

(Thanh Tịnh, *Tôi đi học*)

1. Tìm các cụm C – V trong những câu in đậm.

2. Phân tích cấu tạo của những câu có hai hoặc nhiều cụm C – V.

3. Trình bày kết quả phân tích ở hai bước trên vào bảng theo mẫu sau :

<table>
<tr><th colspan="2">Kiểu cấu tạo câu</th><th>Câu cụ thể</th></tr>
<tr><td colspan="2">Câu có một cụm C – V</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Câu có hai hoặc nhiều cụm C – V</td><td>Cụm C – V nhỏ nằm trong cụm C – V lớn</td><td></td></tr>
<tr><td>Các cụm C – V không bao chứa nhau</td><td></td></tr>
</table>

4. Dựa vào những kiến thức đã học ở các lớp dưới, hãy cho biết câu nào trong những câu trên là câu đơn, câu nào là câu ghép.

> ***Ghi nhớ***
>
> *Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C – V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C – V này được gọi là một vế câu.*

II – CÁCH NỐI CÁC VẾ CÂU

1. Tìm thêm các câu ghép trong đoạn trích ở mục I.

2. Trong mỗi câu ghép, các vế câu được nối với nhau bằng cách nào ?

3. Dựa vào những kiến thức đã học ở các lớp dưới, hãy nêu thêm ví dụ về cách nối các vế câu trong câu ghép.

> ***Ghi nhớ***
>
> *Có hai cách nối các vế câu :*
>
> *– Dùng những từ có tác dụng nối. Cụ thể :*
>
> *+ Nối bằng một quan hệ từ ;*
>
> *+ Nối bằng một cặp quan hệ từ ;*
>
> *+ Nối bằng một cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng).*
>
> *– Không dùng từ nối : Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.*

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm câu ghép trong các đoạn trích dưới đây. Cho biết trong mỗi câu ghép, các vế câu được nối với nhau bằng những cách nào.

a) *– Dần buông chị ra, đi con ! Dần ngoan lắm nhỉ ! U van Dần, u lạy Dần ! Dần hãy để cho chị đi với u, đừng giữ chị nữa. Chị con có đi, u mới có tiền nộp sưu, thầy Dần mới được về với Dần chứ ! Sáng ngày người ta đánh trói thầy Dần như thế, Dần có thương không. Nếu Dần không buông chị ra, chốc nữa ông lí vào đây, ông ấy trói nốt cả u, trói nốt cả Dần nữa đấy.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

b) *Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

c) *Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chầm chậm đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất : lòng tôi càng thắt lại, khoé mắt tôi đã cay cay.*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

d) *Một hôm, tôi phàn nàn việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo :*

– Lão làm bộ đấy !

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

2. Với mỗi cặp quan hệ từ dưới đây, hãy đặt một câu ghép.

a) *vì ... nên ...* (hoặc *bởi vì ... cho nên ... ; sở dĩ ... là vì ...*).

b) *nếu ... thì ...* (hoặc *hễ ... thì ... ; giá ... thì ...*).

c) *tuy ... nhưng ...* (hoặc *mặc dù ... nhưng ...*).

d) *không những ... mà ...* (hoặc *không chỉ ... mà ... ; chẳng những ... mà ...*).

3. Chuyển những câu ghép em vừa đặt được thành những câu ghép mới bằng một trong hai cách sau :

a) Bỏ bớt một quan hệ từ.

b) Đảo lại trật tự các vế câu.

4. Đặt câu ghép với mỗi cặp từ hô ứng dưới đây :

a) ... *vừa* ... *đã* ... (hoặc ... *mới* ... *đã* ... ; ... *chưa* ... *đã* ...)

b) ... *đâu* ... *đấy* (hoặc ... *nào* ... *nấy* ; ... *sao* ... *vậy* ...)

c) ... *càng* ... *càng* ...

5. Viết một đoạn văn ngắn về một trong các đề tài sau (trong đoạn văn có sử dụng ít nhất là một câu ghép) :

a) Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông.

b) Tác dụng của việc lập dàn ý trước khi viết bài tập làm văn.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Gợi ý đánh giá bài làm :

1. Em đã kể về chuyện gì ? Kể theo ngôi thứ mấy ? Nhân vật chính là ai ? Sự việc chính là gì ?

2. Bài viết có đủ Mở bài, Thân bài và Kết bài không ? Mỗi phần em nêu những gì, có trùng lặp nhau không ?

3. Em đã kết hợp kể chuyện với miêu tả và biểu cảm ở những chỗ nào ?

4. Sửa chữa những lỗi chính tả, ngữ pháp, dùng từ và diễn đạt trong bài viết (nếu có).

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA VĂN BẢN THUYẾT MINH

1. Văn bản thuyết minh trong đời sống con người

Đọc các văn bản sau và trả lời câu hỏi.

a) **CÂY DỪA BÌNH ĐỊNH**

Cây dừa gắn bó với người dân Bình Định chặt chẽ như cây tre đối với người dân miền Bắc. Cây dừa cống hiến tất cả của cải của mình cho con người : thân cây làm máng, lá làm tranh, cọng lá chẻ nhỏ làm vách, gốc dừa già làm chõ đồ xôi, nước dừa để uống, để kho cá, kho thịt, nấu canh, làm nước mắm,... Cùi dừa ăn

sống với bánh đa, làm mứt, làm bánh kẹo, ép lấy dầu dùng để thắp, để ăn, để chải đầu, nấu xà phòng. Sọ dừa làm khuy áo, làm gáo, làm muôi. Vỏ dừa bện dây rất tốt đối với người đánh cá vì nó mềm, dẻo, dai, chịu mưa, chịu nắng. Cây dừa gắn bó với đời sống hằng ngày là như thế đấy.

Dân Bình Định có câu ca dao :

Dừa xanh sừng sững giữa trời
Đem thân mình hiến cho đời thuỷ chung.

Ở Bình Định, dừa là chủ yếu, dừa là tất cả. Dừa ở đây như rừng, dừa mọc ven sông, men bờ ruộng, leo sườn đồi, rải theo bờ biển. Trên những chặng đường dài suốt 50, 60 km chúng ta chỉ gặp cây dừa : dừa xiêm thấp lè tè, quả tròn, nước ngọt, dừa nếp lơ lửng giữa trời, quả vàng xanh mơn mởn, dừa lửa lá đỏ, vỏ hồng,...

(*Theo* Hoàng Văn Huyền, *Những mẩu chuyện địa lí*)

b) **TẠI SAO LÁ CÂY CÓ MÀU XANH LỤC ?**

Lá cây có màu xanh lục vì các tế bào của lá chứa nhiều lục lạp. Một mi-li-mét lá chứa bốn mươi vạn lục lạp. Trong các lục lạp này có chứa một chất gọi là diệp lục, tức là chất xanh của lá. Ánh sáng trắng của mặt trời gồm bảy màu : tím, chàm, lam, lục, vàng, cam, đỏ. Sở dĩ chất diệp lục có màu xanh lục vì nó hút các tia sáng có màu khác, nhất là màu đỏ và màu lam, nhưng không thu nhận màu xanh lục, và lại phản chiếu màu này, do đó mắt ta mới nhìn thấy màu xanh lục. Nếu ta chiếu chất diệp lục của lá cây bằng một nguồn sáng màu đỏ, chất này sẽ thu nhận tất cả các tia màu đỏ, nhưng vì không có tia sáng màu xanh lục để phản chiếu lại, nên kết quả ta nhìn vào lá cây chỉ thấy một màu đen sì... Như vậy lá cây có màu xanh là do chất diệp lục trong lá cây.

(*Theo* Vũ Văn Chuyên, *Hỏi đáp về thực vật*)

c) **HUẾ**

Huế là một trong những trung tâm văn hoá, nghệ thuật lớn của Việt Nam. Huế là một thành phố đẹp. Huế đẹp của thiên nhiên Việt Nam. Huế đẹp của thơ. Huế đẹp của những con người sáng tạo, anh dũng.

Huế là sự kết hợp hài hoà của núi, sông và biển. Chúng ta có thể lên núi Bạch Mã để đón gió biển. Từ đèo Hải Vân mây phủ, chúng ta nghe tiếng sóng biển rì rào.

Từ đây buổi sáng chúng ta có thể lên Trường Sơn, buổi chiều tắm biển Thuận An và ban đêm ngủ thuyền trên sông Hương.

Huế đẹp với cảnh sắc sông núi. Sông Hương đẹp như một dải lụa xanh bay lượn trong tay nghệ sĩ múa. Núi Ngự Bình như cái yên ngựa nổi bật trên nền trời trong xanh của Huế. Chiều đến, những chiếc thuyền nhỏ nhẹ nhàng lướt trên dòng nước hiền dịu của sông Hương. Những mái chèo thong thả buông, những giọng hò Huế ngọt ngào bay lượn trên mặt sóng, trên những ngọn cây thanh trà, phượng vĩ.

Huế có những công trình kiến trúc nổi tiếng được Liên hợp quốc xếp vào hàng di sản văn hoá thế giới. Huế nổi tiếng với các lăng tẩm của các vua Nguyễn, với chùa Thiên Mụ, chùa Trúc Lâm, với đài Vọng Cảnh, điện Hòn Chén, chợ Đông Ba,...

Huế được yêu vì những sản phẩm đặc biệt của mình. Huế là thành phố của những mảnh vườn xinh đẹp. Những vườn hoa, cây cảnh, những vườn chè, vườn cây ăn quả của Huế xanh mướt như những viên ngọc. Những chiếc nón Huế càng làm cho các cô gái Huế đẹp hơn, duyên dáng hơn.

Huế còn nổi tiếng với những món ăn mà chỉ riêng Huế mới có.

Huế còn là thành phố đấu tranh kiên cường. Tháng Tám năm 1945, Huế đã đứng lên cùng cả nước, chế độ phong kiến ngàn năm sụp đổ dưới chân thành Huế.

Huế đẹp và thơ đã đi vào lịch sử của những thành phố anh hùng.

(Dẫn theo *Tiếng Việt thực hành*)

Câu hỏi :

– Mỗi văn bản trên trình bày, giới thiệu, giải thích điều gì ?

– Em thường gặp các loại văn bản đó ở đâu ?

– Hãy kể thêm một vài văn bản cùng loại mà em biết.

2. Đặc điểm chung của văn bản thuyết minh

Trao đổi nhóm theo các câu hỏi sau :

a) Các văn bản trên có thể xem là văn bản tự sự (hay miêu tả, nghị luận, biểu cảm) không ? Tại sao ? Chúng khác với các văn bản ấy ở chỗ nào ?

b) Các văn bản trên có những đặc điểm chung nào làm chúng trở thành một kiểu riêng ?

c) Các văn bản trên đã thuyết minh về đối tượng bằng những phương thức nào ?

d) Ngôn ngữ của các văn bản trên có đặc điểm gì ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *• Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.*
>
> *• Tri thức trong văn bản thuyết minh đòi hỏi khách quan, xác thực, hữu ích cho con người.*
>
> *• Văn bản thuyết minh cần được trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn.*

II – LUYỆN TẬP

1. Các văn bản sau có phải là văn bản thuyết minh không ? Vì sao ?

a) **KHỞI NGHĨA NÔNG VĂN VÂN**
(1833 – 1835)

Nông Văn Vân là tù trưởng dân tộc Tày, giữ chức tri châu Bảo Lạc (Cao Bằng). Không chịu nổi sự chèn ép của triều đình nhà Nguyễn, Nông Văn Vân cùng một số tù trưởng tập hợp dân chúng nổi dậy. [...]

Cuộc khởi nghĩa lan khắp miền núi Việt Bắc và một số làng người Mường, người Việt ở trung du. Nhà Nguyễn đã hai lần cử những đạo quân lớn kéo lên đàn áp, nhưng không hiệu quả. Lần thứ ba (năm 1835), quân triều đình tấn công dữ dội từ nhiều phía và bao vây đốt rừng. Nông Văn Vân chết trong rừng. Cuộc khởi nghĩa bị dập tắt.

(*Lịch sử 7*)

b) **CON GIUN ĐẤT**

Giun đất là động vật có đốt, gồm khoảng 2500 loài, chuyên sống ở vùng đất ẩm. Đầu giun đất có cơ phát triển và trơn để đào chui trong đất. Mình giun đất có

chất nhờn để da luôn ướt, giảm ma sát khi chui trong đất. Giun đất có màu nâu khi ở trong lòng đất, có màu rêu trên lưng khi sống trong rêu. Giun đất có sức sống mạnh, dù bị chặt đứt, nó vẫn có thể tái sinh.

Giun đất có tác dụng đào bới làm xốp đất. Phân giun đất là thứ phân bón rất tốt cho thực vật. Giun đất được dùng làm phương tiện xử lí rác, làm sạch môi trường.

Giun đất dùng để chăn nuôi gia súc. Người cũng có thể ăn giun đất vì nó có 70% lượng đạm trong cơ thể. Giun đất có thể dùng làm thuốc chữa bệnh. Giun đất là giống vật có ích.

(Theo *Bách khoa tri thức thế kỉ XXI*)

2. Hãy đọc lại và cho biết *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000* thuộc loại văn bản nào. Phần nội dung thuyết minh trong văn bản này có tác dụng gì ?

3. Các văn bản khác như tự sự, nghị luận, biểu cảm, miêu tả có cần yếu tố thuyết minh không ? Vì sao ?

BÀI 12

Kết quả cần đạt

- *Xác định được quyết tâm phòng chống thuốc lá trên cơ sở nhận thức đầy đủ tác hại to lớn, nhiều mặt của thuốc lá đối với đời sống cá nhân và cộng đồng.*
- *Nắm được quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép.*
- *Nắm được các phương pháp thuyết minh thông dụng.*

VĂN BẢN

ÔN DỊCH[1], THUỐC LÁ

Dịch hạch, thổ tả, hàng vạn hàng triệu người chết, nhờ tiến bộ y học, loài người hầu như đã diệt trừ được những dịch khủng khiếp ấy. Nhưng vào cuối thế kỉ này lại xuất hiện những ôn dịch khác.

Cả thế giới đang lo âu về nạn AIDS, chưa tìm ra giải pháp, thì nhiều nhà bác học, sau mấy chục năm và hơn năm vạn công trình nghiên cứu đã lớn tiếng báo động :

Ôn dịch thuốc lá đe doạ sức khoẻ và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS.

Ngày trước Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua :

"Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu".

Hẳn rằng người hút thuốc lá không lăn đùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu.

Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể. Nạn nhân đầu tiên là những lông rung của những tế bào niêm mạc[2] ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi[3] bị chất hắc ín[4] trong khói thuốc lá làm tê liệt. Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn[5] theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi ; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ[6] lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

Trong khói thuốc lá lại có chất ô-xít các-bon, chất này thấm vào máu, bám chặt các hồng cầu không cho chúng tiếp cận[7] ô xi nữa. Không lạ gì sức khoẻ của người nghiện thuốc ngày càng sút kém.

Thấm vào các tế bào, chất hắc ín lại thường gây ra ung thư. Ta đến bệnh viện K sẽ thấy rõ : Bác sĩ viện trưởng cho biết trên 80% ung thư vòm họng và ung thư phổi là do thuốc lá.

Ta đến Viện Nghiên cứu các bệnh tim mạch, bác sĩ viện trưởng cho biết : Chất ni-cô-tin[8] của thuốc lá làm các động mạch co thắt lại, gây những bệnh nghiêm trọng như huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim. Có thấy một bệnh nhân bị tắc động mạch chân lên những cơn đau như thế nào, rồi phải cắt dần từng ngón chân đến cả bàn chân ; có thấy những người 40 – 50 tuổi đã chết đột xuất vì nhồi máu cơ tim ; có thấy những khối ung thư ghê tởm mới nhận ra tác hại ghê gớm của thuốc lá.

Không cần nhắc đến những việc nghiêm trọng như vậy, chỉ riêng bệnh viêm phế quản của hàng triệu người cũng đã làm mất bao nhiêu ngày công lao động và làm tổn hao sức khoẻ cộng đồng.

[...] Có người bảo : Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi !

Xin đáp lại : Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh. Anh uống rượu say mèm, anh làm anh chịu. Nhưng hút

thuốc thì người gần anh cũng hít phải luồng khói độc. Điều này hàng nghìn công trình nghiên cứu đã chứng minh rất rõ.

Vợ con, những người làm việc cùng phòng với những người nghiện thuốc cũng bị nhiễm độc, cũng đau tim mạch, viêm phế quản, cũng bị ung thư. Anh có quyền hút, nhưng có mặt người khác, xin mời anh ra ngoài sân, ngoài hành lang mà hút.

Tội nghiệp thay những cái thai còn nằm trong bụng mẹ, chỉ vì có người hút thuốc ngồi cạnh mẹ mà thai bị nhiễm độc, rồi mẹ đẻ non, con sinh ra đã suy yếu. Hút thuốc cạnh một người đàn bà có thai quả là một tội ác.

Bố và anh hút, chú bác hút không những đầu độc con em mà còn nêu gương xấu...

[...] Tỉ lệ thanh thiếu niên hút thuốc ở các thành phố lớn nước ta ngang với tỉ lệ các thành phố Âu – Mĩ. Chỉ có khác là với một thanh niên Mĩ, 1 đô la mua một bao thuốc lá là một khoản tiền nhỏ, còn đối với một thiếu niên Việt Nam, muốn có 15 000 đồng mua một bao 555 – vì đã hút là phải hút thuốc sang – chỉ có một cách là trộm cắp. Trộm một lần, quen tay. Từ điếu thuốc sang cốc bia rồi đến ma tuý, con đường phạm pháp thực ra đã mở đầu với điếu thuốc.

Người lớn hút thuốc trước mặt trẻ em, lấy điếu thuốc làm một cử chỉ cho biểu tượng[9] quý trọng, chính là đã đẩy con em vào con đường phạm pháp.

[...] Ngày nay, đi các nước phát triển, đâu đâu cũng nổi lên chiến dịch chống thuốc lá. Người ta cấm hút thuốc ở tất cả những nơi công cộng, phạt nặng những người vi phạm[10] (ở Bỉ, từ năm 1987, vi phạm lần thứ nhất phạt 40 đô la, tái phạm phạt 500 đô la). Khắp nơi, những tài liệu, khẩu hiệu chống thuốc lá dần dần lấn át những quảng cáo của các hãng thuốc lá. Và nhiều nước đã cấm quảng cáo thuốc lá trên báo chí, vô tuyến truyền hình. Chỉ trong vài năm, chiến dịch chống thuốc lá này đã làm giảm hẳn số người hút, và người ta đã thấy triển vọng có thể nêu lên khẩu hiệu cho những năm cuối thế kỉ XX : "Một châu Âu không còn thuốc lá". Nước ta khác với các nước châu Âu, đang còn trong tình trạng có nhiều bệnh tật do vi trùng, kí sinh trùng gây ra, nay lại theo đòi các nước phát triển, nhiễm thêm các bệnh do thuốc lá ; sốt rét, bệnh phong, lao, ỉa chảy chưa thanh toán được, lại ôm thêm ôn dịch thuốc lá này. Nghĩ đến mà kinh ! Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này.

(*Theo* Nguyễn Khắc Viện, trong *Từ thuốc lá đến ma tuý – Bệnh nghiện*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1992)

Chú thích

(1) *Ôn dịch* : chỉ chung các loại bệnh nguy hiểm, lây lan rộng làm chết người hàng loạt trong một thời gian nhất định. Từ này thường dùng làm tiếng chửi rủa, như : *Đồ ôn dịch !*

(2) *Niêm mạc* : lớp tế bào ở ngoài cùng có thể tiết chất nhầy trong một số hốc của cơ thể như mũi, miệng, cổ họng, ... ; *lông rung* (còn gọi là *lông chuyển, lông đập*) : cấu trúc hình lông trên bề mặt của niêm mạc, có tác dụng loại thải các chất hoặc vật lạ không cần thiết hay có hại đối với cơ thể.

(3) *Nang phổi* (còn gọi là *phế nang*) : chỉ những túi nhỏ li ti của phổi, bao lấy những nhánh cuối của phế quản. *Nang* : cái túi bọc, cái bao để đựng ; bộ phận có hình dạng giống như cái bao để bọc, để che chở.

(4) *Hắc ín* : chất lỏng, sánh, màu đen, là sản phẩm phụ khi chưng cất than đá hoặc dầu mỏ, thường dùng để làm lớp chống ẩm, chống mối mọt.

(5) *Vi khuẩn* : sinh vật hết sức nhỏ bé, chỉ có một tế bào, gây bệnh hoặc không gây bệnh, sinh sản chủ yếu bằng lối phân đôi.

(6) *Tích tụ* : dồn lại và dần tập trung vào một chỗ.

(7) *Tiếp cận* : đến gần, tiếp xúc với.

(8) *Ni-cô-tin* : chất độc trong thuốc lá, thuốc lào, có tác dụng gây nghiện.

(9) *Biểu tượng* : hình ảnh tượng trưng.

(10) *Vi phạm* : làm trái quy định.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phân tích ý nghĩa của việc dùng *dấu phẩy* trong đầu đề của văn bản : *Ôn dịch, thuốc lá*. Có thể sửa thành *Ôn dịch thuốc lá* hoặc *Thuốc lá là một loại ôn dịch* được không ? Vì sao ?

2. Vì sao tác giả dẫn lời Trần Hưng Đạo bàn về việc đánh giặc trước khi phân tích tác hại của thuốc lá ? Điều đó có tác dụng gì trong lập luận ?

3. Vì sao tác giả đặt giả định "Có người bảo : Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi !" trước khi nêu lên những tác hại về phương diện xã hội của thuốc lá ?

4. Vì sao tác giả đưa ra những số liệu để so sánh tình hình hút thuốc lá ở nước ta với các nước Âu – Mĩ trước khi đưa ra kiến nghị : *Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này* ?

Ghi nhớ

Giống như ôn dịch, nạn nghiện thuốc lá rất dễ lây lan và gây những tổn thất to lớn cho sức khoẻ và tính mạng con người. Song nạn nghiện thuốc lá còn nguy hiểm hơn cả ôn dịch : nó gặm nhấm sức khoẻ con người nên không dễ kịp thời nhận biết, nó gây tác hại nhiều mặt đối với cuộc sống gia đình và xã hội. Bởi vậy, muốn chống lại nó, cần phải có quyết tâm cao hơn và biện pháp triệt để hơn là phòng chống ôn dịch.

LUYỆN TẬP

1. Tìm hiểu tình trạng hút thuốc lá ở một số người thân hoặc bạn bè quen biết. Dựa vào cách lập bảng thống kê của bài đọc thêm số 1 để phân loại nguyên nhân.

2. Dùng năm dòng để ghi lại cảm nghĩ của mình sau khi đọc bản tin của báo *Sài Gòn tiếp thị* trích in ở bài đọc thêm số 2.

ĐỌC THÊM

1. Nguồn gốc sâu xa thúc đẩy tuổi trẻ đến với thuốc lá là các động cơ tâm lí đủ loại mang đặc trưng của lứa tuổi. Kết quả điều tra ở Hà Nội cho biết :

Lứa tuổi (nam)	11 – 15	16 – 20
Số đối tượng trả lời	140	350
– Vui bạn, nể bạn	60 (%)	50 (%)
– Bắt chước	16	8
– Thử, tò mò	4	6
– Ra vẻ người lớn		3
– Giải buồn		4
– Kích thích, giải trí	5	3
– Vì lịch sự, xã giao		3
– Không có ý thức	2	7
...	...	...

(Đặng Phương Kiệt, trong *Từ thuốc lá đến ma tuý – Bệnh nghiện*, Sđd)

2. Cách đây hai năm, chàng thanh niên Ra-pha-en đơ Rốt-sin, người được thừa hưởng một trong những gia tài kếch sù nhất thế giới, đã gục chết trên một vỉa hè ở Niu Oóc vì "chơi" bạch phiến[a] quá liều, năm đó Ra-pha-en mới 23 tuổi.

Cái chết của chàng tỉ phú[b] trẻ này đã làm không ít các bậc cha mẹ tỉ phú khác lo lắng : làm sao để con cái họ đừng hư đi vì số tài sản khổng lồ không do chính chúng tạo dựng.

(Báo *Sài Gòn tiếp thị*, số 15, 2002)

CÂU GHÉP (tiếp theo)

I – QUAN HỆ Ý NGHĨA GIỮA CÁC VẾ CÂU

1. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong câu ghép sau đây là quan hệ gì ? Trong mối quan hệ đó, mỗi vế câu biểu thị ý nghĩa gì ?

Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.

(Phạm Văn Đồng, *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*)

2. Dựa vào những kiến thức đã học ở các lớp dưới, hãy nêu thêm những quan hệ ý nghĩa có thể có giữa các vế câu. Cho ví dụ minh hoạ.

Ghi nhớ

- *Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là : quan hệ nguyên nhân, quan hệ điều kiện (giả thiết), quan hệ tương phản, quan hệ tăng tiến, quan hệ lựa chọn, quan hệ bổ sung, quan hệ tiếp nối, quan hệ đồng thời, quan hệ giải thích.*
- *Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp, ta phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.*

(a) *Bạch phiến* : hê-rô-in.

(b) *Tỉ phú* : người giàu, tiền có hàng tỉ (thường tính bằng đô la Mĩ).

II – LUYỆN TẬP

1. Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong những câu ghép dưới đây và cho biết mỗi vế câu biểu thị ý nghĩa gì trong mối quan hệ ấy.

a) *Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.*

(Thanh Tịnh, *Tôi đi học*)

b) *Nếu trong pho lịch sử loài người xoá các thi nhân, văn nhân và đồng thời trong tâm linh loài người xoá hết những dấu vết họ còn lưu lại thì cái cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào !*

(Hoài Thanh, *Ý nghĩa văn chương*)

c) *Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các ngươi cũng đời đời hưởng thụ ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các ngươi cũng được bách niên giai lão ; chẳng những tông miếu của ta sẽ được muôn đời tế lễ, mà tổ tông các ngươi cũng được thờ cúng quanh năm ; chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà đến các ngươi trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền ; chẳng những danh hiệu ta không bị mai một, mà tên họ các ngươi cũng sử sách lưu thơm.*

(Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ*)

d) *Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương.*

(Nguyễn Đình Thi)

e) *Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau [...]. Kết cục, anh chàng "hầu cận ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

2. Đọc các đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

– *Biển luôn thay đổi màu tuỳ theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu, giận dữ...*

(*Theo* Vũ Tú Nam, *Biển đẹp*)

– Vào mùa sương, ngày ở Hạ Long như ngắn lại. Buổi sớm, mặt trời lên ngang cột buồm, sương tan, trời mới quang. Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống mặt biển.

(Thi Sảnh)

a) Tìm câu ghép trong những đoạn trích trên.

b) Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong mỗi câu ghép.

c) Có thể tách mỗi vế câu nói trên thành một câu đơn không ? Vì sao ?

3. Trong đoạn trích dưới đây có hai câu ghép rất dài. Xét về mặt lập luận, có thể tách mỗi vế của những câu ghép ấy thành một câu đơn không ? Vì sao ? Xét về giá trị biểu hiện, những câu ghép dài như vậy có tác dụng như thế nào trong việc miêu tả lời lẽ của nhân vật (lão Hạc) ?

Lão kể nhỏ nhẻ và dài dòng thật. Nhưng đại khái có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất : lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này ; tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão ; lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến ; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai : lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào, con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được ; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt ; lão còn được hăm nhăm đồng bạc với năm đồng bạc vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi, để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả...

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

4. Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi.

Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn :

– Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u. Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được. Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u.

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

a) Quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép thứ hai là quan hệ gì ? Có nên tách mỗi vế câu thành một câu đơn không ? Vì sao ?

b) Thử tách mỗi vế trong các câu ghép thứ nhất và thứ ba thành một câu đơn. So sánh cách viết ấy với cách viết trong đoạn trích, qua mỗi cách viết, em hình dung nhân vật nói như thế nào ?

PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

I – TÌM HIỂU CÁC PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

1. Quan sát, học tập, tích luỹ tri thức để làm bài văn thuyết minh

a) Đọc lại các văn bản thuyết minh vừa học *(Cây dừa Bình Định, Tại sao lá cây có màu xanh lục, Huế, Khởi nghĩa Nông Văn Vân, Con giun đất)* và cho biết các văn bản ấy đã sử dụng các loại tri thức gì.

b) Làm thế nào để có các tri thức ấy ? Vai trò của quan sát, học tập, tích luỹ ở đây như thế nào ?

c) Bằng tưởng tượng, suy luận có thể có tri thức để làm bài văn thuyết minh được không ?

2. Phương pháp thuyết minh

Để nêu bật đặc điểm bản chất, tiêu biểu của sự vật, hiện tượng, người ta thường sử dụng các phương pháp thuyết minh sau :

a) *Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích*

Đọc các câu sau và trả lời câu hỏi.

– Huế là một trong những trung tâm văn hoá, nghệ thuật lớn của Việt Nam.

(*Huế*)

– Nông Văn Vân là tù trưởng dân tộc Tày, giữ chức tri châu Bảo Lạc (Cao Bằng).

(*Khởi nghĩa Nông Văn Vân*)

Câu hỏi :

Trong các câu văn trên, ta thường gặp từ gì ? Sau từ ấy, người ta cung cấp một kiến thức như thế nào ? Hãy nêu vai trò và đặc điểm của loại câu văn định nghĩa, giải thích trong văn bản thuyết minh.

b) *Phương pháp liệt kê*

Đọc các câu, đoạn văn sau và cho biết phương pháp liệt kê có tác dụng như thế nào đối với việc trình bày tính chất của sự vật.

– Cây dừa cống hiến tất cả của cải của mình cho con người : thân cây làm máng, lá làm tranh, cọng lá chẻ nhỏ làm vách, gốc dừa già làm chõ đồ xôi, nước dừa để uống, để kho cá, kho thịt, nấu canh, làm nước mắm,...

(*Cây dừa Bình Định*)

– Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải...

(*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*)

c) *Phương pháp nêu ví dụ*

Chỉ ra ví dụ trong đoạn văn sau và nêu tác dụng của nó đối với việc trình bày cách xử phạt những người hút thuốc lá ở nơi công cộng.

Ngày nay, đi các nước phát triển, đâu đâu cũng nổi lên chiến dịch chống thuốc lá. Người ta cấm hút thuốc ở tất cả những nơi công cộng, phạt nặng những người vi phạm (ở Bỉ, từ năm 1987, vi phạm lần thứ nhất phạt 40 đô la, tái phạm phạt 500 đô la).

(*Ôn dịch, thuốc lá*)

d) *Phương pháp dùng số liệu (con số)*

Đoạn văn sau cung cấp những số liệu nào ? Nếu không có số liệu, có thể làm sáng tỏ được vai trò của cỏ trong thành phố không ?

Các nhà khoa học cho biết trong không khí, dưỡng khí chỉ chiếm 20% thể tích, thán khí chiếm 3%. Nếu không có bổ sung thì trong vòng 500 năm con người và động vật sẽ dùng hết số dưỡng khí ấy, đồng thời số thán khí không ngừng

gia tăng. Vậy vì sao đến nay dưỡng khí vẫn còn ? Đó là nhờ thực vật. Thực vật khi quang hợp hút thán khí và nhả ra dưỡng khí. Một héc-ta cỏ mỗi ngày có khả năng hấp thụ 900 kg thán khí và nhả ra 600 kg dưỡng khí. Vì thế trồng cây xanh và thảm cỏ trong thành phố có ý nghĩa cực kì to lớn.

(*Nói về cỏ*)

e) *Phương pháp so sánh*

Đọc câu văn sau và cho biết tác dụng của phương pháp so sánh.

Biển Thái Bình Dương chiếm một diện tích lớn gần bằng ba đại dương khác cộng lại và lớn gấp 14 lần diện tích biển Bắc Băng Dương là đại dương bé nhất.

g) *Phương pháp phân loại, phân tích*

Đối với những loại sự vật đa dạng, người ta chia ra từng loại để trình bày. Đối với sự vật có nhiều bộ phận cấu tạo, có nhiều mặt, người ta chia ra từng bộ phận, từng mặt để thuyết minh.

Hãy cho biết bài *Huế* đã trình bày các đặc điểm của thành phố Huế theo những mặt nào.

Ghi nhớ

- *Muốn có tri thức để làm tốt bài văn thuyết minh, người viết phải quan sát, tìm hiểu sự vật, hiện tượng cần thuyết minh, nhất là phải nắm bắt được bản chất, đặc trưng của chúng, để tránh sa vào trình bày các biểu hiện không tiêu biểu, không quan trọng.*
- *Để bài văn thuyết minh có sức thuyết phục, dễ hiểu, sáng rõ, người ta có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp thuyết minh như : nêu định nghĩa, giải thích, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân tích, phân loại,...*

II – LUYỆN TẬP

1. Tác giả bài *Ôn dịch, thuốc lá* đã nghiên cứu, tìm hiểu rất nhiều để nêu lên yêu cầu chống nạn hút thuốc lá. Em hãy chỉ ra phạm vi tìm hiểu vấn đề thể hiện trong bài viết.

2. Bài viết đã sử dụng những phương pháp thuyết minh nào để nêu bật tác hại của việc hút thuốc lá ?

3. Đọc văn bản thuyết minh sau và trả lời câu hỏi : Thuyết minh đòi hỏi những kiến thức như thế nào ? Văn bản này đã sử dụng những phương pháp thuyết minh nào ?

NGÃ BA ĐỒNG LỘC

Ngã ba Đồng Lộc là giao điểm giữa hai đường tỉnh lộ số 8 và số 15 thuộc vùng đất đồi Hà Tĩnh. Trên một đoạn đường khoảng 20 km mà có những 44 trọng điểm đánh phá của giặc Mĩ và đã phải chịu đựng hơn 2 057 trận bom. Ở đây có một tập thể kiên cường gồm 10 cô gái tuổi đời từ 17 đến 20 làm nhiệm vụ san lấp hố bom, làm đường, đào hầm trú ẩn, bảo đảm an toàn cho xe và người qua lại. Ngày 24 – 7 – 1968, sau 18 lần giặc Mĩ cho máy bay đánh phá ác liệt vào khu vực này, cả 10 chị em vẫn trụ lại kiên cường, bất khuất, giữ vững mạch đường đến hơi thở cuối cùng.

Cũng trên mảnh đất anh hùng này đã sinh ra người anh hùng trẻ tuổi La Thị Tám, một cô gái đầy nhiệt tình cách mạng, gan dạ, mưu trí. Liên tục 116 ngày đêm làm nhiệm vụ, chị đã quan sát, đánh dấu những quả bom chưa nổ ở các trọng điểm địch đánh phá ác liệt. Ba lần bị bom nổ vùi lấp, chị vẫn kiên cường bám sát trận địa, đánh dấu đủ, rõ các hút bom, phục vụ đắc lực cho việc phá bom, đảm bảo giao thông thông suốt.

Ngày nay Ngã ba Đồng Lộc trở thành một nơi tưởng niệm những tấm gương oanh liệt của các cô gái thanh niên xung phong trong thời kháng chiến chống Mĩ.

(Báo *Quân đội nhân dân*, 1975)

4. Hãy cho biết cách phân loại sau đây của một bạn lớp trưởng đối với những bạn học yếu trong lớp có hợp lí không : "Lớp ta có nhiều bạn học chưa tốt. Trong đó có những bạn có điều kiện học tốt nhưng ham chơi, nên học yếu. Có những bạn học được nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, thường bỏ học, hoặc đi muộn nên học yếu. Lại có những bạn vốn kiến thức cơ sở yếu từ lớp dưới, tiếp thu chậm, nên học yếu. Đối với ba nhóm học sinh đó, chúng ta nên có những biện pháp khác nhau để giúp đỡ họ".

BÀI 13

Kết quả cần đạt

- *Thấy được việc hạn chế gia tăng dân số là một đòi hỏi tất yếu của sự phát triển loài người.*
- *Hiểu rõ công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm ; biết sử dụng hai loại dấu câu này.*
- *Nhận dạng được đề văn thuyết minh và biết cách làm bài văn thuyết minh.*

VĂN BẢN

BÀI TOÁN DÂN SỐ

Có người cho rằng : Bài toán dân số đã được đặt ra từ thời cổ đại. Lúc đầu tôi không tin điều này. Bởi vì vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình chỉ mới được đặt ra vài chục năm nay. Còn nói từ thời cổ đại tức là chuyện của dăm bảy ngàn năm về trước. Độ chênh về thời gian ấy, ai mà tin được ! Thế mà nghe xong câu chuyện này, qua một thoáng liên tưởng, tôi bỗng "sáng mắt ra"...

Đó là câu chuyện từ một bài toán cổ, kể về việc kén rể của nhà thông thái. Nhà thông thái nọ có một cô con gái rất đẹp. Đến tuổi cập kê[1], cô gái cần tuyển một đấng phu quân[2]. Rất nhiều chàng trai đến dự thi. Được làm rể nhà thông thái là điều vô cùng hấp dẫn, nhất là đối với con cái của những nhà giàu có. Nhà thông thái đưa ra một bàn cờ tướng gồm 64 ô. Ông yêu cầu các chàng trai thực hiện theo điều kiện sau : đặt 1 hạt thóc vào ô thứ nhất ; ô thứ hai đặt 2 hạt thóc ; và các ô tiếp theo số thóc cứ thế nhân đôi. Ai đủ số thóc theo yêu cầu của bài toán thì sẽ là chồng cô gái. Ban đầu ai cũng tưởng có gì mà không đủ. Nhưng rồi kết cục... không chàng trai nào đủ thóc để lấy được cô gái. Số thóc được tính ra theo bài toán cấp số nhân[3] ấy, nhiều đến mức có thể phủ khắp bề mặt trái đất này. Một con số kinh khủng biết nhường nào !

Bây giờ nếu ta tạm thời công nhận theo Kinh Thánh[4], khi khai thiên lập địa, trái đất này mới chỉ có hai người : một chàng A-đam và một nàng E-va ; thì đến năm 1995 dân số toàn thế giới là 5,63 tỉ người. Theo bài toán cổ kia thì loài người phát triển theo cấp số nhân, công bội là 2, đã vượt ô thứ 33. Đó là với điều kiện

mỗi gia đình chỉ có hai con, và đã trừ đi tỉ lệ tử vong (kể cả dịch bệnh hoặc chiến tranh không quá 5%).

Trong thực tế, một người phụ nữ có khả năng sinh được rất nhiều con. Theo thống kê của Hội nghị Cai-rô (Ai Cập) họp ngày 5 – 9 – 1994 thì tỉ lệ sinh con của một phụ nữ Ấn Độ là 4,5 ; Nê-pan : 6,3 ; Ru-an-đa : 8,1 ; Tan-da-ni-a : 6,7 ; Ma-đa-gát-xca : 6,6... Tính chung toàn châu Phi là 5,8. Phụ nữ Việt Nam là 3,7. Như vậy phấn đấu để mỗi gia đình có một đến hai con là một chỉ tiêu rất khó khăn. Với tỉ lệ hàng năm tăng 1,73% như mười lăm năm trước và 1,57% năm 1990 thì dân số hành tinh của chúng ta năm 2015 sẽ là hơn 7 tỉ người. Theo bài toán cổ trên, số dân ấy đã mon men sang ô thứ 34 của bàn cờ.

Đừng để cho mỗi con người trên trái đất này chỉ còn diện tích 1 hạt thóc. Muốn thế phải góp phần làm cho chặng đường đi đến ô thứ 64 càng dài lâu hơn, càng tốt. Đó là con đường "tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người.

(*Theo* Thái An, Báo *Giáo dục & Thời đại Chủ nhật*, số 28, 1995)

Chú thích

(1) *Tuổi cập kê* (từ cũ) : tuổi búi tóc cài trâm, chỉ người con gái ngày xưa đã đến tuổi có thể gả chồng.

(2) *Phu quân* : người chồng.

(3) *Cấp số nhân* : dãy số trong đó từ số thứ hai trở đi, mỗi số bằng số đứng liền trước nó nhân với một hằng số (số không đổi) gọi là *công bội*. Dãy 1, 2, 4, 8, 16,... là một cấp số nhân có công bội là 2. Dãy số này có thể viết : 1, 2, 2^2, 2^3, 2^4,... Bàn cờ có 64 ô, vậy số hạt thóc ở ô thứ 64 là 2^{63}.

(4) *Kinh Thánh* : sách giáo lí của đạo Ki-tô.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Xác định bố cục của văn bản, nêu nội dung chính của mỗi phần. Riêng về phần Thân bài, hãy chỉ ra các ý lớn (luận điểm).

2. Vấn đề chính mà tác giả muốn đặt ra trong văn bản này là gì ? Điều gì đã làm tác giả "sáng mắt ra" ?

3. Câu chuyện kén rể của nhà thông thái có vai trò và ý nghĩa như thế nào trong việc làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nói tới ?

4. Việc đưa ra những con số về tỉ lệ sinh con của phụ nữ ở một số nước theo thông báo của Hội nghị Cai-rô nhằm mục đích gì ? Trong số các nước kể tên trong văn bản, nước nào thuộc châu Phi và nước nào thuộc châu Á ? Bằng những hiểu biết của mình về hai châu lục đó, trước những con số tỉ lệ sinh con đã nêu, em có nhận xét gì về sự phát triển dân số ở hai châu lục này ? Có thể rút ra kết luận gì về mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển xã hội ?

5. Văn bản này đem lại cho em những hiểu biết gì ?

Ghi nhớ

Đất đai không sinh thêm, con người lại ngày càng nhiều lên gấp bội. Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình. Từ câu chuyện một bài toán cổ về cấp số nhân, tác giả đã đưa ra các con số buộc người đọc phải liên tưởng và suy ngẫm về sự gia tăng dân số đáng lo ngại của thế giới, nhất là ở những nước chậm phát triển.

LUYỆN TẬP

1. Liên hệ với phần *Đọc thêm* để tìm câu trả lời : Con đường nào là con đường tốt nhất để hạn chế sự gia tăng dân số ? Vì sao ?

2. Hãy nêu các lí do chính để trả lời cho câu hỏi : Vì sao sự gia tăng dân số có tầm quan trọng hết sức to lớn đối với tương lai nhân loại, nhất là đối với các dân tộc còn nghèo nàn, lạc hậu ?

3. Dựa vào số liệu về sự gia tăng dân số thế giới đã nêu trong phần *Đọc thêm*, hãy tính từ năm 2000 đến tháng 9 – 2003 xem số người trên thế giới đã tăng bao nhiêu và gấp khoảng bao nhiêu lần dân số của Việt Nam hiện nay.

ĐỌC THÊM

1. Ở khắp mọi nơi, trong mọi bối cảnh xã hội và văn hoá, đẩy mạnh giáo dục cho phụ nữ là hạ thấp tỉ lệ thụ thai cũng như tỉ lệ tử vong và tỉ lệ mắc bệnh. Điều đó cho thấy, sự lựa chọn sinh đẻ là thuộc quyền của phụ nữ. Mà cái quyền này chỉ có thể là kết quả của việc giáo dục tốt hơn. Cần có những cố gắng đặc biệt để hướng tới số đông phụ nữ. Cho tới nay có tới 29% các em gái chưa được ghi tên vào trường tiểu học ; 65% của 900 triệu người mù chữ trên thế giới là phụ nữ. Việc

đó đòi hỏi cả một loạt phương pháp huấn luyện và giảng dạy thay đổi, cũng như những phương tiện học tập thường xuyên có sẵn cho mọi người, ở mọi lứa tuổi mà không đòi hỏi ở họ những điều kiện gì. [...]

Từ quá lâu, cuộc sống của rất nhiều người đã bị lệ thuộc vào quyền lực của kẻ khác, vào cách nhìn nhận của kẻ khác, vào sự ngu dốt và áp bức. Giáo dục tức là giải phóng. Nó mở ra cánh cửa dẫn đến hoà bình, công bằng và công lí. Những người nắm giữ chìa khoá của cánh cửa này – các thầy giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ – gánh một trách nhiệm vô cùng quan trọng, bởi vì cái thế giới mà chúng ta để lại cho các thế hệ mai sau sẽ tuỳ thuộc vào những trẻ em mà chúng ta để lại cho thế giới ấy.

(Phê-đê-ri-cô May-o[a], *Giáo dục – chìa khoá của tương lai*,
Tạp chí *Người đưa tin UNESCO*[b], số 12, 1994)

2. Thống kê và dự báo sự phát triển của dân số thế giới từ năm 1950 tới năm 2050 :

Năm	Tổng dân số	Tỉ lệ tăng/năm	Dân số thay đổi/năm
1950	2 555 078 074	1,47(%)	37 783 610
1960	3 039 332 401	1,33	40 781 960
1970	3 707 610 112	2,07	77 580 647
1980	4 456 705 217	1,70	76 259 715
1990	5 283 755 345	1,56	83 182 744
2000	6 080 141 683	1,26	77 258 877
2010	6 823 634 553	1,03	70 770 206
2020	7 518 010 600	0,88	66 371 114
2030	8 140 344 240	0,70	57 189 977
2040	8 668 391 454	0,55	47 462 555
2050	9 104 205 830 (9 tỉ, 104 triệu, 205 ngàn, 830 người)		

(a) *Phê-đê-ri-cô May-o (Federico Mayor)* : nhà sinh học, người Tây Ban Nha, được bầu là Tổng Giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) từ 1987 đến 1999.

(b) *UNESCO* : viết tắt các chữ cái đầu tên Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization).

3. Theo đồng hồ dân số thế giới (popclockw), tổng số người trên trái đất tính đến 9 giờ, 37 phút, 12 giây (giờ GMT), ngày 30 – 9 – 2003 là 6 320 815 650 người.

(Dẫn theo http://www.censesus.census.gov/popclockw)

DẤU NGOẶC ĐƠN VÀ DẤU HAI CHẤM

I – DẤU NGOẶC ĐƠN

Đọc những đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a) *Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do".*

(Nguyễn Ái Quốc, *Thuế máu*)

b) *Gọi là kênh Ba Khía vì ở đó hai bên bờ tập trung toàn những con ba khía, chúng bám đặc sệt quanh các gốc cây (ba khía là một loại còng biển lai cua, càng sắc tím đỏ, làm mắm xé ra trộn tỏi ớt ăn rất ngon).*

(Theo Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)

c) *Lí Bạch (701 – 762), nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường, tự Thái Bạch, hiệu Thanh Liên cư sĩ, quê ở Cam Túc ; lúc mới năm tuổi, gia đình về định cư ở làng Thanh Liên, huyện Xương Long thuộc Miên Châu (Tứ Xuyên).*

(*Ngữ văn 7*, tập một)

Câu hỏi :

– Dấu ngoặc đơn trong những đoạn trích trên được dùng để làm gì ?

– Nếu bỏ phần trong dấu ngoặc đơn thì ý nghĩa cơ bản của những đoạn trích trên có thay đổi không ?

Ghi nhớ

Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm).

II – DẤU HAI CHẤM

Dấu hai chấm trong những đoạn trích sau dùng để làm gì ?

a) *Rồi Dế Choắt loanh quanh, băn khoăn. Tôi phải bảo :*

– Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.

Dế Choắt nhìn tôi mà rằng :

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

b) *Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất.*

Người xưa có câu : "Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng". Tre là thẳng thắn, bất khuất !

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

c) *Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.*

(Thanh Tịnh, *Tôi đi học*)

> ***Ghi nhớ***
>
> *Dấu hai chấm dùng để :*
>
> *– Đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó ;*
>
> *– Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang).*

III – LUYỆN TẬP

1. Giải thích công dụng của dấu ngoặc đơn trong những đoạn trích sau :

a) *Qua các cụm từ "tiệt nhiên" (rõ ràng, dứt khoát như thế, không thể khác), "định phận tại thiên thư" (định phận tại sách trời), "hành khan thủ bại hư" (chắc chắn sẽ nhận lấy thất bại), hãy nhận xét về giọng điệu của bài thơ.*

(*Ngữ văn 7*, tập một)

b) *Chiều dài của cầu là 2 290 m (kể cả phần cầu dẫn với chín nhịp dài và mười nhịp ngắn).*

(Thuý Lan, *Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử*)

c) *Để văn bản có tính liên kết, người viết (người nói) phải làm cho nội dung của các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau ; đồng thời, phải biết kết nối các câu, các đoạn đó bằng những phương tiện ngôn ngữ (từ, câu,...) thích hợp.*

(*Ngữ văn 7*, tập một)

2. Giải thích công dụng của dấu hai chấm trong những đoạn trích sau :

a) *Nhưng họ thách nặng quá : nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc.*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

b) *Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này :*

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh : ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

c) *Rồi một ngày mưa rào. Mưa giăng giăng bốn phía. Có quãng nắng xuyên xuống biển, óng ánh đủ màu : xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc,...*

(Vũ Tú Nam, *Biển đẹp*)

3. Có thể bỏ dấu hai chấm trong đoạn trích sau được không ? Trong đoạn trích này, tác giả dùng dấu hai chấm nhằm mục đích gì ?

Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay. Nói thế có nghĩa là nói rằng : tiếng Việt là một thứ tiếng hài hoà về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng : tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thoả mãn cho yêu cầu của đời sống văn hoá nước nhà qua các thời kì lịch sử.

(Đặng Thai Mai,
Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc)

4. Quan sát câu sau và trả lời câu hỏi.

Phong Nha gồm hai bộ phận : Động khô và Động nước.

(Trần Hoàng, *Động Phong Nha*)

– Có thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn được không ? Nếu thay thì ý nghĩa của câu có gì thay đổi ?

– Nếu viết lại là *Phong Nha gồm : Động khô và Động nước* thì có thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn được không ? Vì sao ?

5. Một học sinh chép lại đoạn văn của Thanh Tịnh như sau :

Sau khi đọc xong mấy mươi tên đã viết sẵn trên mảnh giấy lớn, ông đốc nhìn chúng tôi nói sẽ :

– Thế là các em được vào lớp năm. Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng và để thầy dạy các em được sung sướng. Các em đã nghe chưa ? (Các em đều nghe nhưng không em nào dám trả lời. Cũng may đã có một tiếng dạ ran của phụ huynh đáp lại.

Câu hỏi :

– Bạn đó chép lại dấu ngoặc đơn đúng hay sai ? Vì sao ?

– Phần được đánh dấu bằng dấu ngoặc đơn có phải là một bộ phận của câu không ?

6. Dựa vào nội dung đã học ở văn bản *Bài toán dân số*, hãy viết một đoạn văn ngắn về sự cần thiết phải hạn chế việc gia tăng dân số ; trong đoạn văn có dùng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

ĐỀ VĂN THUYẾT MINH VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN THUYẾT MINH

I – ĐỀ VĂN THUYẾT MINH VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN THUYẾT MINH

1. Đề văn thuyết minh

Đọc các đề văn thuyết minh sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

a) Giới thiệu một gương mặt trẻ của thể thao Việt Nam (ví dụ : Nguyễn Thuý Hiền, Trần Hiếu Ngân, Nguyễn Ngọc Trường Sơn,...).

b) Giới thiệu một tập truyện.

c) Giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam.

d) Giới thiệu về chiếc áo dài Việt Nam.

e) Thuyết minh về chiếc xe đạp.

g) Giới thiệu đôi dép lốp trong kháng chiến.

h) Giới thiệu một di tích, thắng cảnh nổi tiếng của quê hương (đền, chùa, hồ, kiến trúc,...).

i) Thuyết minh về một giống vật nuôi có ích.

k) Giới thiệu về hoa ngày Tết ở Việt Nam.

l) Thuyết minh về một món ăn dân tộc (bánh chưng, bánh giầy, phở, cốm,...).

m) Giới thiệu về tết Trung thu.

n) Giới thiệu một đồ chơi dân gian.

Yêu cầu :

– Nhận xét về phạm vi các đề văn nêu trên.

– Dựa vào tính chất của bài văn thuyết minh để tìm hiểu đề văn và yêu cầu về nội dung của bài văn thuyết minh.

2. Cách làm bài văn thuyết minh

Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

XE ĐẠP

Có một thời xe đạp là phương tiện giao thông cá nhân chủ yếu của người Việt Nam. Xe đạp là phương tiện giao thông giản tiện chuyển động nhờ sức người.

Xe đạp do nhiều bộ phận tạo thành, chủ yếu là hệ thống truyền động, hệ thống điều khiển và hệ thống chuyên chở. Hệ thống truyền động gồm khung xe, bàn đạp, trục giữa, ổ bi giữa, dây xích, đĩa, ổ líp, hai trục, ổ bi và hai bánh trước sau. Người đi xe đạp ngồi lên xe, chân đạp bàn đạp làm trục xe chuyển động, đĩa chuyển động kéo dây xích làm chuyển động ổ líp và bánh sau, tạo lực đẩy cho xe tiến về phía trước. Đĩa răng cưa có đường kính lớn hơn đường kính ổ líp, số răng cưa của nó nhiều gấp hơn hai lần số răng cưa của ổ líp. Khi đĩa chuyển động một vòng thì ổ líp chuyển động hơn hai vòng. Ổ líp chuyển động làm bánh xe chuyển động theo. Đường kính bánh xe thường là 650 mm hay 700 mm, gấp 10 lần

đường kính ổ líp, như vậy ổ líp quay một vòng thì bánh xe đã lăn được một quãng dài. Ổ líp quay nhanh sẽ làm xe chạy nhanh. Lúc đầu bánh xe làm bằng gỗ, khi chạy xe xóc rất dữ. Ngày nay người ta làm bánh xe bằng cao su, lốp ở ngoài, săm ở trong, khi bơm đủ hơi, có lực đàn hồi, xe chạy ít xóc hẳn.

Hệ thống điều khiển gồm ghi đông có hai tay cầm xoay được qua cổ xe có ổ bi nhằm lái cho bánh xe trước đi theo phương hướng mong muốn. Hai cái phanh lắp hai đầu tay cầm, điều khiển cho tốc độ xe khi đang chạy nhanh có thể chậm lại. Hai tay cầm ở ghi đông vừa là tay lái, vừa là chỗ nắm để giữ cho người đi xe ngồi vững trên xe. Bộ phanh gồm tay phanh, dây phanh truyền sức ép xuống càng phanh làm cho má phanh ép vào hai bên vành xe tạo thành lực ma sát làm giảm tốc độ chuyển động của bánh xe và xe chạy chậm lại hoặc đứng hẳn lại khi cần thiết. Nhờ bộ phanh mà người đi xe có thể dừng xe theo ý muốn.

Hệ thống chuyên chở gồm yên xe và dàn đèo hàng hoặc giỏ đựng. Yên xe lắp ở trên khung xe là chỗ ngồi của người đi xe. Dàn đèo hàng lắp ở phía sau yên, dựa trên trục bánh xe sau, có thể chở được khá nhiều hàng. Có khi người ta lại lắp bộ phận chở hàng ở phía trước, dựa trên trục bánh xe trước.

Ngoài các bộ phận chính như trên, xe đạp còn có cái chắn xích và hai chắn bùn lắp trên bánh sau và bánh trước, có đèn xe lấy nguồn điện từ đi-na-mô lắp ở trước càng xe, và đèn tín hiệu lắp ở phía sau, có thể có chuông lắp gần chỗ tay cầm.

Xe đạp là phương tiện giao thông rất tiện lợi trong cự li ngắn như trong làng, trong thành phố nhỏ. Xe đạp chuyển động không gây ô nhiễm. Đi xe đạp là một cách vận động cơ thể như một hoạt động thể thao.

Hiện nay xe máy quá nhiều, có cơ lấn lướt xe đạp, vừa gây ách tắc giao thông vừa gây ô nhiễm môi trường. Trong tương lai khi phương tiện giao thông công cộng phát triển, xe đạp vẫn là phương tiện giao thông cá nhân không thể thiếu, vừa sạch sẽ vừa tiện lợi.

(Bài làm của học sinh)

Câu hỏi :

a) Đối tượng thuyết minh của bài văn là gì ?

b) Chỉ ra phần Mở bài, Thân bài, Kết bài và cho biết nội dung mỗi phần.

c) Để giới thiệu về chiếc xe đạp, bài viết đã trình bày cấu tạo chiếc xe như thế nào ? (Xe gồm mấy bộ phận ? Các bộ phận đó là gì ? Các bộ phận ấy được giới thiệu theo thứ tự nào ? Có hợp lí không ? Vì sao ?)

d) Phương pháp thuyết minh trong bài là gì ?

Ghi nhớ

• Đề văn thuyết minh nêu các đối tượng để người làm bài trình bày tri thức về chúng.

• Để làm bài văn thuyết minh, cần tìm hiểu kĩ đối tượng thuyết minh, xác định rõ phạm vi tri thức về đối tượng đó ; sử dụng phương pháp thuyết minh thích hợp ; ngôn từ chính xác, dễ hiểu.

• Bố cục bài văn thuyết minh thường có ba phần :

– Mở bài : giới thiệu đối tượng thuyết minh.

– Thân bài : trình bày cấu tạo, các đặc điểm, lợi ích,... của đối tượng.

– Kết bài : bày tỏ thái độ đối với đối tượng.

II – LUYỆN TẬP

1. Lập ý và dàn ý cho đề bài : "Giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam".

2. Tham khảo gợi ý sau đây để lập dàn bài :

a) *Mở bài*

Nêu một định nghĩa về chiếc nón lá Việt Nam.

b) *Thân bài*

– Hình dáng của nón như thế nào ? Nón được làm bằng nguyên liệu gì ? Cách làm nón ra sao ? Nón thường được sản xuất ở đâu ? Vùng nào nổi tiếng về nghề làm nón ? (Ví dụ : nón Huế, nón Quảng Bình, nón Hà Tây (làng Chuông),...)

– Nón có tác dụng như thế nào trong cuộc sống của người Việt Nam ?

– Có thể dùng nón làm quà tặng nhau được không ?

– Em có biết một điệu múa tên là *Múa nón* không ?

– Em có nghĩ rằng nón đã trở thành một biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam không ?

c) *Kết bài*

Cảm nghĩ về chiếc nón lá Việt Nam.

BÀI 14

Kết quả cần đạt

• Bước đầu có ý thức tìm hiểu các tác giả văn học ở địa phương và các tác phẩm văn học viết về địa phương.

• Hiểu rõ công dụng của dấu ngoặc kép và biết sử dụng loại dấu câu này.

• Luyện kĩ năng nói (thuyết minh về một thứ đồ dùng). Bước đầu rút được một số kinh nghiệm về việc vận dụng các kiến thức về văn thuyết minh và kĩ năng làm văn thuyết minh.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Văn)

1. Lập bảng danh sách các nhà văn, nhà thơ quê ở thành phố, tỉnh (hoặc quận, huyện) nơi em đang sinh sống theo trình tự : họ tên, bút danh (nếu có), năm sinh, năm mất (nếu đã mất) và tác phẩm chính. *Chú ý* : chỉ thống kê những tác giả có sáng tác trước năm 1975.

2. Sưu tầm và chép lại một bài thơ hoặc một bài văn (khoảng vài trang, có thể là đoạn trích) viết về phong cảnh thiên nhiên, con người, sinh hoạt văn hoá, truyền thống lịch sử của quê hương em mà em thấy hay.

DẤU NGOẶC KÉP

I – CÔNG DỤNG

Dấu ngoặc kép trong những đoạn trích sau dùng để làm gì ?

a) *Thánh Găng-đi có một phương châm : "Chinh phục được mọi người ai cũng cho là khó, nhưng tạo được tình thương, lòng nhân đạo, sự thông cảm giữa con người với con người lại càng khó hơn".*

(Theo Lâm Ngữ Đường, *Tinh hoa xử thế*)

b) *Nhìn từ xa, cầu Long Biên như một dải lụa uốn lượn vắt ngang sông Hồng, nhưng thực ra "dải lụa" ấy nặng tới 17 nghìn tấn !*

(Thuý Lan, *Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử*)

c) *Tre với người như thế đã mấy nghìn năm. Một thế kỉ "văn minh", "khai hoá" của thực dân cũng không làm ra được một tấc sắt. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người.*

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

d) *Hàng loạt vở kịch như "Tay người đàn bà", "Giác ngộ", "Bên kia sông Đuống",... ra đời.*

(*Ngữ văn 7*, tập hai)

Ghi nhớ

Dấu ngoặc kép dùng để :

– Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp ;

– Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai ;

– Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn.

II – LUYỆN TẬP

1. Giải thích công dụng của dấu ngoặc kép trong những đoạn trích sau :

a) *Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng : "A ! Lão già tệ lắm ! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?".*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

b) *Kết cục, anh chàng "hầu cận ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

c) *Hai tiếng "em bé" mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn.*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

d) *Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những tên "An-nam-mít" bẩn thỉu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu*

nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do".

(Nguyễn Ái Quốc, *Thuế máu*)

e) *Nguyễn Du đã thuật lại cảnh Hồ Tôn Hiến nghe đàn :*

Nghe càng đắm, ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.

Cái thứ "mặt sắt" mà "ngây vì tình" ấy quả không lấy gì làm đẹp !

(Hoài Thanh, trong *Tập nghị luận và phê bình văn học*, tập I)

2. Hãy đặt dấu hai chấm và dấu ngoặc kép vào chỗ thích hợp (có điều chỉnh chữ viết hoa trong trường hợp cần thiết) trong những đoạn trích sau và giải thích lí do.

a) *Biển vừa treo lên, có người qua đường xem, cười bảo*

– Nhà này xưa quen bán cá ươn hay sao mà bây giờ phải đề biển là cá tươi ?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay chữ tươi đi.

(Theo *Treo biển*)

b) *Nó nhập tâm lời dạy của chú Tiến Lê cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu.*

(*Theo* Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

c) *Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo lắng gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn ; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...*

(*Theo* Nam Cao, *Lão Hạc*)

3. Vì sao hai câu sau đây có ý nghĩa giống nhau mà dùng những dấu câu khác nhau ?

a) *Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.".*

b) *Chủ tịch Hồ Chí Minh nói Người chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.*

4. Viết một đoạn văn thuyết minh ngắn có dùng dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Giải thích công dụng của các loại dấu câu này trong đoạn văn đó.

5. Tìm những trường hợp có sử dụng dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm và dấu ngoặc kép trong một bài học ở sách giáo khoa *Ngữ văn 8*, tập một và giải thích công dụng của chúng.

LUYỆN NÓI : THUYẾT MINH VỀ MỘT THỨ ĐỒ DÙNG

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Đề bài : "Thuyết minh về cái phích nước (bình thuỷ)".

1. Yêu cầu

Trình bày được công dụng, cấu tạo, nguyên lí giữ nhiệt và cách bảo quản.

2. Quan sát và tìm hiểu

– Trước hết hãy xác định phích nước là một thứ đồ dùng thường có trong mỗi gia đình và công dụng của nó.

– Xác định cái phích nước do những bộ phận nào tạo thành :

+ Bộ phận quan trọng nhất của phích nước là ruột phích được cấu tạo như thế nào để giữ nhiệt ? (*Gợi ý* : hai lớp thuỷ tinh, ở giữa là chân không làm mất khả năng truyền nhiệt ra ngoài ; phía trong lớp thuỷ tinh được tráng bạc nhằm hắt nhiệt trở lại để giữ nhiệt ; miệng bình nhỏ làm giảm khả năng truyền nhiệt ; hiệu quả giữ nhiệt : trong vòng 6 tiếng đồng hồ nước từ 100 độ còn giữ được 70 độ.

+ Bộ phận vỏ phích làm bằng gì, có tác dụng bảo quản ruột phích như thế nào ?

– Bảo quản và sử dụng phích như thế nào để khỏi vỡ, nước sôi không gây nguy hiểm cho trẻ em ?

3. Lập dàn ý

– Dàn ý đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài với các ý trong từng phần.

– Dự kiến sử dụng các phương pháp thuyết minh nào ?

II – LUYỆN NÓI TRÊN LỚP

– Luyện nói theo dàn ý đã chuẩn bị trước tổ, nhóm.

– Một số học sinh được chọn nói trước lớp.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3 – VĂN THUYẾT MINH (làm tại lớp)

ĐỀ BÀI THAM KHẢO

Đề 1. Thuyết minh về kính đeo mắt.

Đề 2. Thuyết minh về cây bút máy hoặc bút bi.

Đề 3. Giới thiệu đôi dép lốp trong kháng chiến.

Đề 4. Giới thiệu về chiếc áo dài Việt Nam.

BÀI 15

Kết quả cần đạt

• *Qua hai bài thơ **Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác** và **Đập đá ở Côn Lôn**, cảm nhận được khí phách kiên cường của các chí sĩ yêu nước đầu thế kỉ XX và sức lôi cuốn của một giọng thơ hào hùng, hình ảnh thơ mạnh mẽ, khoáng đạt.*

• *Củng cố và hệ thống hoá kiến thức về dấu câu ; nhận ra và biết cách chữa các lỗi thường gặp về dấu câu.*

• *Biết cách quan sát, thuyết minh đặc điểm của một thể loại văn học (thể thơ) đã học.*

VĂN BẢN

VÀO NHÀ NGỤC QUẢNG ĐÔNG CẢM TÁC

Vẫn là hào kiệt[1], vẫn phong lưu[2],
Chạy mỏi chân thì hãy ở tù.
Đã khách không nhà trong bốn biển[3],
Lại người có tội giữa năm châu[4].
Bủa tay[5] ôm chặt bồ kinh tế[6],
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp,
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.

(Phan Bội Châu[★], trong *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX*, NXB Văn học, Hà Nội, 1976)

Chú thích

(★) Phan Bội Châu (1867 – 1940), tên thuở nhỏ là Phan Văn San, tên hiệu chính là Sào Nam, người làng Đan Nhiệm (có tài liệu ghi là Đan Nhiễm), nay là xã Nam Hoà, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 33 tuổi, Phan Bội Châu đỗ Giải nguyên (đỗ đầu kì thi Hương). Ông là một nhà yêu nước, nhà cách mạng lớn nhất của dân tộc ta trong vòng hai mươi lăm năm đầu thế kỉ XX, từng xuất dương sang Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan để mưu đồ sự nghiệp cứu nước. Phan Bội Châu cũng là một nhà văn, nhà thơ lớn, có sự nghiệp sáng tác khá đồ sộ. Tác phẩm của ông bao gồm rất nhiều thể loại, tất cả đều thể hiện lòng yêu nước, thương dân tha thiết, khát vọng độc lập, tự do và ý chí chiến đấu bền bỉ, kiên cường : *Hải ngoại huyết thư* (thơ chữ Hán), *Sào Nam thi tập* (thơ chữ Hán và chữ Nôm), *Trùng Quang tâm sử* (tiểu thuyết chữ Hán), *Văn tế Phan Châu Trinh* (chữ Nôm), *Phan Bội Châu niên biểu* (hồi kí chữ Hán),...

Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác là một bài thơ Nôm nằm trong tác phẩm *Ngục trung thư* (Thư viết trong ngục) viết bằng chữ Hán, sáng tác vào đầu năm

1914, khi Phan Bội Châu bị bọn quân phiệt tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bắt giam. *Ngục trung thư* có thể xem là tập tự truyện đầu tiên của Phan Bội Châu, có ý nghĩa như một bức thư tuyệt mệnh. Phan Bội Châu làm bài thơ này bộc lộ cảm xúc của mình trong những ngày đầu mới vào ngục. Nhan đề bài thơ là do những NBS sách về sau đặt.

(1) *Hào kiệt* : người có tài năng, chí khí hơn hẳn người bình thường.

(2) *Phong lưu* : có dáng vẻ lịch sự, trang nhã ; còn có nghĩa là mức sống khá giả. Ở đây chỉ vẻ ung dung, đường hoàng.

(3) Ý muốn nói về cuộc đời hoạt động cách mạng xa quê hương đất nước của Phan Bội Châu.

(4) Vì hoạt động cách mạng, Phan Bội Châu đã bị trục xuất khỏi Nhật Bản, đang sống không hợp pháp ở Trung Quốc, lại đã bị thực dân Pháp kết án tử hình vắng mặt, cho nên dường như đi đến đâu ông cũng bị truy đuổi như một tội phạm.

(5) *Bủa tay* : mở rộng vòng tay để ôm lấy (có bản chép là *dang tay*, nghĩa cũng gần như vậy).

(6) *Kinh tế* : nói tắt của *kinh bang tế thế*, có nghĩa là *trị nước cứu đời* (không phải là *kinh tế* theo nghĩa hiện nay). Cả câu ý nói con người này vẫn ôm ấp hoài bão trị nước cứu đời.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phân tích cặp câu 1 – 2, tìm hiểu khí phách và phong thái của nhà chí sĩ khi rơi vào vòng tù ngục (chú ý các từ *hào kiệt, phong lưu* và quan niệm *chạy mỏi chân thì hãy ở tù*).

2. Đọc lại cặp câu 3 – 4, em thấy giọng điệu có gì thay đổi so với hai câu thơ trên ? Vì sao ? Lời tâm sự ở đây có ý nghĩa như thế nào ?

3. Em hiểu thế nào về ý nghĩa của cặp câu 5 – 6 ? Lối nói khoa trương ở đây có tác dụng gì trong việc biểu hiện hình ảnh người anh hùng, hào kiệt này ?

4. Hai câu thơ cuối là kết tinh tư tưởng của toàn bài thơ. Em cảm nhận được điều gì từ hai câu thơ ấy ?

Ghi nhớ

*Bằng giọng điệu hào hùng có sức lôi cuốn mạnh mẽ, **Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác** đã thể hiện phong thái ung dung, đường hoàng và khí phách kiên cường, bất khuất vượt lên trên cảnh tù ngục khốc liệt của nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu.*

LUYỆN TẬP

Ôn lại những kiến thức đã học về thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, em hãy nhận dạng thể thơ của bài *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* về các phương diện số câu, số chữ, cách gieo vần.

ĐỌC THÊM

Tôi biết sớm chiều gì đây, đầu tôi cũng lìa khỏi cổ, nhưng tôi vẫn lấy làm vui vẻ. Than ôi ! Bao nhiêu năm bôn tẩu, mưu tính trăm việc mà không nên một việc gì, nghĩ mình tội nặng lỗi nhiều, có vui gì sống nữa mà ham.

Song trước khi chết, không lẽ không thốt ra một vài tiếng kêu đau thương sau chót. Ai biết lòng ta chăng ? Ai bảo ta có tội chăng ? Còn một giây phút, trước khi ta phải chôn mình dưới đất, ta cũng muốn cạn lời ta nói. Chiếc bóng bơ vơ trời biển, ngọn đèn leo lét gió mưa, ta thấm giọt lệ còn lưu lại mấy chục năm nay, gom góp lịch sử một đời ta, hoà với máu mà viết ra tập sách này. Hỡi ba ngàn muôn đồng bào chí ái chí thân, dầu ai biết lòng ta chăng ? Dầu ai buộc tội ta chăng ? Khi đọc tập sách này, sẽ thấy giọt máu hầu khô mà vẫn còn đầm đìa ở trên mặt tờ giấy vậy.

(Phan Bội Châu, *Ngục trung thư*,
trong *Văn thơ Phan Bội Châu chọn lọc*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1967)

VĂN BẢN

ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn(1),
Lừng lẫy(2) làm cho lở núi non.

Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể[3] mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi[4],
Mưa nắng càng bền dạ sắt son[5].
Những kẻ vá trời[6] khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con !

(Phan Châu Trinh[★],
trong *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX*, Sđd)

Chú thích

(★) Phan Châu Trinh (1872 – 1926), hiệu là Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã, quê ở làng Tây Lộc, huyện Hà Đông (nay là thôn Tây Hồ, xã Tam Phước, thị xã Tam Kì), tỉnh Quảng Nam. Ông đỗ Phó bảng, được bổ dụng một chức quan nhỏ, nhưng chỉ một thời gian ngắn đã bỏ quan, chuyên tâm vào sự nghiệp cứu nước. Trong những năm đầu của thế kỉ XX, Phan Châu Trinh là người đề xướng dân chủ, đòi bãi bỏ chế độ quân chủ sớm nhất ở Việt Nam. Hoạt động cứu nước của ông đa dạng, phong phú và sôi nổi ở trong nước, có lúc ở Pháp, ở Nhật. Phan Châu Trinh là người giỏi biện luận và có tài văn chương. Văn chính luận của ông rất hùng biện, đanh thép, thơ văn trữ tình đều thấm đẫm tinh thần yêu nước và dân chủ. Tác phẩm chính : *Tây Hồ thi tập, Tỉnh quốc hồn ca, Xăng-tê thi tập* (các tập thơ), *Giai nhân kì ngộ* (truyện thơ dịch),...

Năm 1908, Phan Châu Trinh bị khép tội xúi giục nhân dân nổi loạn trong phong trào chống thuế ở Trung Kì nên bị bắt đày ra Côn Đảo ; đến tháng 6 năm 1910, nhờ sự can thiệp của Hội Nhân quyền (Pháp), ông mới được tha. Bài thơ này làm trong lúc ông cùng các tù nhân khác bị bắt lao động khổ sai.

(1) *Côn Lôn* : tức Côn Đảo, hòn đảo nằm ở phía đông nam nước ta, nơi thực dân Pháp lập nhà tù giam cầm những chiến sĩ yêu nước và cách mạng.

(2) *Lừng lẫy* : ở đây có nghĩa là ngạo nghễ, lẫm liệt.

(3) *Bể* (tiếng địa phương) : vỡ ; *đập bể* : đập vỡ.

(4) *Thân sành sỏi* : ý nói thân dày dạn phong trần, sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ.

(5) *Dạ sắt son* : ý nói tinh thần cứng cỏi, trung kiên, không sờn lòng, đổi chí.

(6) *Vá trời* : theo truyền thuyết Trung Quốc, bà Nữ Oa đội đá vá trời ; nói *vá trời* (hay *lấp biển*) là ngụ ý mưu đồ những công việc hết sức lớn lao.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Em hình dung công việc đập đá của người tù ở Côn Đảo là một công việc như thế nào ? (Chú ý không gian, điều kiện làm việc và tính chất công việc.)

2. Bốn câu thơ đầu có hai lớp nghĩa. Hai lớp nghĩa đó là gì ? Phân tích giá trị nghệ thuật của những câu thơ đó. Nhận xét về khẩu khí của tác giả.

3. Bốn câu thơ cuối bộc lộ trực tiếp những cảm xúc và suy nghĩ của tác giả. Em hãy tìm hiểu ý nghĩa những câu thơ này và cách thức biểu hiện cảm xúc của tác giả.

Ghi nhớ

*Bằng bút pháp lãng mạn và giọng điệu hào hùng, bài thơ **Đập đá ở Côn Lôn** giúp ta cảm nhận một hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp bước nguy nan nhưng vẫn không sờn lòng đổi chí.*

LUYỆN TẬP

1. Đọc diễn cảm bài thơ.

2. Qua cả hai bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* và *Đập đá ở Côn Lôn*, em hãy trình bày lại những cảm nhận của mình về vẻ đẹp hào hùng, lãng mạn của hình tượng nhà nho yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX.

ÔN LUYỆN VỀ DẤU CÂU

I – TỔNG KẾT VỀ DẤU CÂU

Dựa vào các bài đã học về dấu câu ở các lớp 6, 7, 8, lập bảng tổng kết về dấu câu theo mẫu dưới đây :

Dấu câu	Công dụng

II – CÁC LỖI THƯỜNG GẶP VỀ DẤU CÂU

1. Thiếu dấu ngắt câu khi câu đã kết thúc

Xét ví dụ sau và trả lời câu hỏi.

Tác phẩm "Lão Hạc" làm em vô cùng xúc động trong xã hội cũ, biết bao nhiêu người nông dân đã sống nghèo khổ cơ cực như lão Hạc.

Ví dụ trên thiếu dấu ngắt câu ở chỗ nào ? Nên dùng dấu gì để kết thúc câu ở chỗ đó ?

2. Dùng dấu ngắt câu khi câu chưa kết thúc

Xét ví dụ sau và trả lời câu hỏi.

Thời còn trẻ, học ở trường này. Ông là học sinh xuất sắc nhất.

Dùng dấu chấm sau từ *này* là đúng hay sai ? Vì sao ? Ở chỗ này nên dùng dấu gì ?

3. Thiếu dấu thích hợp để tách các bộ phận của câu khi cần thiết

Xét ví dụ dưới đây và trả lời câu hỏi.

Cam quýt bưởi xoài là đặc sản của vùng này.

Câu này thiếu dấu gì để phân biệt ranh giới giữa các thành phần đồng chức ? Hãy đặt dấu đó vào chỗ thích hợp.

4. Lẫn lộn công dụng của các dấu câu

Xét ví dụ dưới đây và trả lời câu hỏi.

Quả thật, tôi không biết nên giải quyết vấn đề này như thế nào và bắt đầu từ đâu ? Anh có thể cho tôi một lời khuyên không. Đừng bỏ mặc tôi lúc này.

Đặt dấu chấm hỏi ở cuối câu thứ nhất và dấu chấm ở cuối câu thứ hai trong đoạn văn này đã đúng chưa ? Vì sao ? Ở các vị trí đó nên dùng dấu gì ?

Ghi nhớ

Khi viết, cần tránh các lỗi sau đây về dấu câu :

– Thiếu dấu ngắt câu khi câu đã kết thúc ;

– Dùng dấu ngắt câu khi câu chưa kết thúc ;

– Thiếu dấu thích hợp để tách các bộ phận của câu khi cần thiết ;

– Lẫn lộn công dụng của các dấu câu.

III – LUYỆN TẬP

1. Chép đoạn văn dưới đây vào vở bài tập và điền dấu câu thích hợp vào chỗ có dấu ngoặc đơn.

Con chó cái nằm ở gậm phản bỗng chốc vẫy đuôi rối rít ( ) tỏ ra dáng bộ vui mừng ( )

Anh Dậu lử thử từ cổng tiến vào với cả vẻ mặt xanh ngắt và buồn rứt như kẻ sắp bị tù tội ( )

Cái Tí ( ) thằng Dần cùng vỗ tay reo ( )

( ) A ( ) Thầy đã về ( ) A ( ) Thầy đã về ( )...

Mặc kệ chúng nó ( ) anh chàng ốm yếu im lặng dựa gậy lên tấm phên cửa ( ) nặng nhọc chống tay vào gối và bước lên thềm ( ) Rồi lảo đảo đi đến cạnh phản ( ) anh ta lăn kềnh lên trên chiếc chiếu rách ( )

Ngoài đình ( ) mõ đập chan chát ( ) trống cái đánh thùng thùng ( ) tù và thổi như ếch kêu ( )

Chị Dậu ôm con vào ngồi bên phản ( ) sờ tay vào trán chồng và sẽ sàng hỏi ( )

( ) Thế nào ( ) Thầy em có mệt lắm không ( ) Sao chậm về thế ( ) Trán đã nóng lên đây mà ( )

(*Theo* Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

2. Phát hiện lỗi về dấu câu trong các đoạn sau đây và thay vào đó các dấu câu thích hợp (có điều chỉnh chữ viết hoa trong trường hợp cần thiết).

a) *Sao mãi tới giờ anh mới về, mẹ ở nhà chờ anh mãi. Mẹ dặn là : "Anh phải làm xong bài tập trong chiều nay.".*

b) *Từ xưa trong cuộc sống lao động và sản xuất nhân dân ta có truyền thống thương yêu nhau giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khó khăn gian khổ. Vì vậy có câu tục ngữ lá lành đùm lá rách.*

c) *Mặc dù đã qua bao nhiêu năm tháng. Nhưng tôi vẫn không quên được những kỉ niệm êm đềm thời học sinh.*

THUYẾT MINH VỀ MỘT THỂ LOẠI VĂN HỌC

I – TỪ QUAN SÁT ĐẾN MÔ TẢ, THUYẾT MINH ĐẶC ĐIỂM MỘT THỂ LOẠI VĂN HỌC

Đề bài : "Thuyết minh đặc điểm thể thơ thất ngôn bát cú".

1. Quan sát

Đọc kĩ hai bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* và *Đập đá ở Côn Lôn* rồi trả lời các câu hỏi :

a) Mỗi bài thơ có mấy dòng, mỗi dòng có mấy chữ (tiếng) ? Số dòng, số chữ ấy có bắt buộc không ? Có thể tuỳ ý thêm bớt được không ?

b) Tiếng có thanh huyền và thanh ngang gọi là *tiếng bằng*, kí hiệu là B, các tiếng có thanh hỏi, ngã, sắc, nặng gọi là *tiếng trắc*, kí hiệu là T. Hãy ghi kí hiệu *bằng, trắc* cho từng tiếng trong hai bài thơ đó.

c) Nhận xét quan hệ bằng trắc giữa các dòng với nhau, biết rằng nếu dòng trên tiếng bằng ứng với dòng dưới tiếng trắc thì gọi là "đối" nhau, nếu dòng trên tiếng bằng ứng với dòng dưới cũng tiếng bằng thì gọi là "niêm" với nhau (dính nhau). Dựa vào kết quả quan sát, hãy nêu mối quan hệ bằng trắc giữa các dòng.

d) *Vần* là bộ phận của tiếng không kể dấu thanh và phụ âm đầu (nếu có). Những tiếng có bộ phận vần giống nhau, ví dụ : *an, than, can, man,...* là những tiếng hiệp vần với nhau. Vần có thanh huyền hoặc thanh ngang gọi là *vần bằng*, vần có các thanh hỏi, ngã, sắc, nặng gọi là *vần trắc*. Hãy cho biết mỗi bài thơ có những tiếng nào hiệp vần với nhau, nằm ở vị trí nào trong dòng thơ và đó là vần bằng hay trắc.

e) Thơ muốn nhịp nhàng thì phải *ngắt nhịp*, chỗ ngắt nhịp đọc hơi ngừng lại một chút trước khi đọc tiếp đến hết dòng. Chỗ ngắt nhịp cũng đánh dấu một chỗ ngừng có nghĩa. Hãy cho biết câu thơ bảy tiếng trong bài ngắt nhịp như thế nào.

2. Lập dàn bài

a) *Mở bài*

Nêu một định nghĩa chung về thể thơ thất ngôn bát cú.

b) *Thân bài*

Nêu các đặc điểm của thể thơ :

– Số câu, số chữ trong mỗi bài ;

– Quy luật bằng trắc của thể thơ ;

– Cách gieo vần của thể thơ ;

– Cách ngắt nhịp phổ biến của mỗi dòng thơ.

c) *Kết bài*

Cảm nhận của em về vẻ đẹp, nhạc điệu của thể thơ.

Ghi nhớ

• *Muốn thuyết minh đặc điểm một thể loại văn học (thể thơ hay văn bản cụ thể), trước hết phải quan sát, nhận xét, sau đó khái quát thành những đặc điểm.*

• *Khi nêu các đặc điểm, cần lựa chọn những đặc điểm tiêu biểu, quan trọng và cần có những ví dụ cụ thể để làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.*

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy thuyết minh đặc điểm chính của truyện ngắn trên cơ sở các truyện ngắn đã học : *Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng.*

2. Đọc phần trích sau để tìm thấy những gợi ý cần thiết cho việc lập dàn bài và viết bài.

TRUYỆN NGẮN

Truyện ngắn là hình thức tự sự loại nhỏ. Truyện ngắn khác với truyện vừa ở dung lượng nhỏ, tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống : một biến cố, một hành động, một trạng thái nào đó trong cuộc đời nhân vật, thể hiện một khía cạnh của tính cách hay một mặt nào đó của đời sống xã hội. Do đó truyện ngắn thường ít nhân vật và sự kiện.

Cốt truyện của truyện ngắn thường diễn ra trong một không gian, thời gian hạn chế. Nó không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến một đời người mà chọn lấy những khoảnh khắc, những "lát cắt" của cuộc sống để thể hiện. Kết cấu của truyện ngắn thường là sự sắp đặt những đối chiếu, tương phản để làm bật ra chủ đề. Do đó mà truyện ngắn thường là ngắn.

Truyện ngắn tuy ngắn nhưng có thể đề cập tới những vấn đề lớn của cuộc đời. Tác phẩm của nhiều bậc thầy trong thể loại này đã cho ta biết điều đó.

(Theo *Từ điển văn học*)

BÀI 16

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được hồn thơ lãng mạn của Tản Đà và sức hấp dẫn nghệ thuật mới mẻ trong hình thức thể loại truyền thống của bài thơ* ***Muốn làm thằng Cuội****.*
- *Nắm vững và biết vận dụng những kiến thức đã học về Tiếng Việt vào hoạt động giao tiếp.*
- *Tự đánh giá được ưu, nhược điểm của bài làm theo yêu cầu của bài văn thuyết minh.*

VĂN BẢN

MUỐN LÀM THẰNG CUỘI

Đêm thu buồn lắm chị Hằng(1) ơi !
Trần thế (2) em nay chán nửa rồi,
Cung quế (3) đã ai ngồi đó chửa ?
Cành đa(4) xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn can chi tủi,
Cùng gió, cùng mây thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian(5) cười.

(Tản Đà(★), *Thơ Tản Đà*, NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

Chú thích

(★) Tản Đà (1889 – 1939) tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu, quê ở làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Ba Vì, Hà Nội). Tản Đà xuất thân là nhà nho, từng hai phen lều chõng đi thi nhưng không đỗ. Sau đó ông

đã chuyển sang sáng tác văn chương quốc ngữ và sớm nổi tiếng, đặc biệt là vào những năm 20 của thế kỉ XX. Thơ ông tràn đầy cảm xúc lãng mạn, lại rất đậm đà bản sắc dân tộc và có những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ. Có thể xem thơ Tản Đà như một gạch nối giữa thơ cổ điển và thơ hiện đại Việt Nam. Ngoài thơ, Tản Đà còn viết văn xuôi và cũng nổi tiếng với những bài tản văn, tuỳ bút, tự truyện, những thiên du kí viễn tưởng đặc sắc. Tác phẩm chính : *Khối tình con I, II* (thơ, 1917), *Giấc mộng con I* (tiểu thuyết, 1917), *Thề non nước* (tiểu thuyết, 1920), *Giấc mộng con II* (du kí, 1932), *Giấc mộng lớn* (tự truyện, 1932).

Bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* nằm trong quyển *Khối tình con I*, xuất bản năm 1917. (*Thằng Cuội* : nhân vật ở trên cung trăng, theo truyền thuyết dân gian.)

(1) *Chị Hằng* : tức Hằng Nga, chỉ mặt trăng.

(2) *Trần thế* (có bản chép *trần giới*) : cõi đời.

(3) *Cung quế* : theo thần thoại Trung Quốc, trên cung trăng có cây quế, do đó trăng còn được gọi là cung quế.

(4) *Cành đa* : theo thần thoại Trung Quốc và Việt Nam, trên mặt trăng có cây đa và thằng Cuội ngồi dưới gốc cây đa đó.

(5) *Thế gian* (cũng giống như *trần gian*) : cõi đời, nơi người đời ở ; người đời.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu thơ đầu là tiếng than và lời tâm sự của Tản Đà với chị Hằng. Theo em, vì sao Tản Đà có tâm trạng *chán trần thế* ?

2. Nhiều người đã nhận xét một cách xác đáng rằng, Tản Đà là một hồn thơ "ngông". Em hiểu "ngông" nghĩa là gì (bộc lộ một thái độ như thế nào đối với cuộc sống) ? Hãy phân tích cái "ngông" của Tản Đà trong ước muốn được làm thằng Cuội (chú ý các câu 3 – 4, 5 – 6).

3. Phân tích hình ảnh cuối bài thơ : *Tựa nhau trông xuống thế gian cười.* Em hiểu cái cười ở đây có ý nghĩa gì ?

4. Theo em, những yếu tố nghệ thuật nào đã tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Bài thơ **Muốn làm thằng Cuội** của Tản Đà là tâm sự của một con người bất hoà sâu sắc với thực tại tầm thường, xấu xa, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng. Sức hấp dẫn của bài thơ là ở hồn thơ lãng mạn pha chút ngông nghênh đáng yêu và ở những tìm tòi đổi mới thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật cổ điển.*

LUYỆN TẬP

1. Nhận xét về phép đối trong hai câu 3 – 4 và 5 – 6 của bài thơ.

2. So sánh ngôn ngữ và giọng điệu ở bài thơ này với bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan (đã học ở lớp 7).

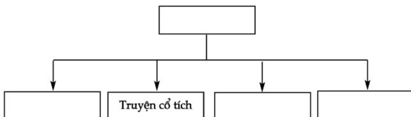
ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA PHẦN TIẾNG VIỆT

I – TỪ VỰNG

1. Lí thuyết : cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ ; trường từ vựng ; từ tượng hình, từ tượng thanh ; từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội ; các biện pháp tu từ từ vựng (nói quá, nói giảm nói tránh).

2. Thực hành :

a) Dựa vào kiến thức về văn học dân gian và về cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ, hãy điền từ ngữ thích hợp vào những ô trống theo sơ đồ sau :



Giải thích những từ ngữ có nghĩa hẹp trong sơ đồ trên. Cho biết trong những câu giải thích ấy có từ ngữ nào chung.

b) Tìm trong ca dao Việt Nam hai ví dụ về biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm nói tránh.

c) Viết hai câu, trong đó một câu có dùng từ tượng hình, một câu có dùng từ tượng thanh.

II – NGỮ PHÁP

1. Lí thuyết : trợ từ, thán từ ; tình thái từ ; câu ghép.

2. Thực hành :

a) Viết hai câu, trong đó một câu có dùng trợ từ và tình thái từ, một câu có dùng trợ từ và thán từ.

b) Đọc đoạn trích sau :

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

Hãy xác định câu ghép trong đoạn trích trên. Nếu tách câu ghép đã xác định thành các câu đơn thì có được không ? Nếu được thì việc tách đó có làm thay đổi ý cần diễn đạt hay không ?

c) Xác định câu ghép và cách nối các vế câu trong đoạn trích sau :

Chúng ta không thể nói tiếng ta đẹp như thế nào cũng như ta không thể nào phân tích cái đẹp của ánh sáng, của thiên nhiên. Nhưng đối với chúng ta là người Việt Nam, chúng ta cảm thấy và thưởng thức một cách tự nhiên cái đẹp của tiếng nước ta, tiếng nói của quần chúng nhân dân trong ca dao và dân ca, lời văn của các nhà văn lớn. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.

(Phạm Văn Đồng, *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*)

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

Gợi ý đánh giá bài làm :

1. Bài làm có theo một bố cục nhất định không ? Các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài có phân biệt rõ rệt không, có xuống dòng không ?

2. Mở bài có nêu được định nghĩa chung, xác đáng về đồ dùng có ích đối với con người không ?

3. Thân bài đã nêu được chính xác các đặc điểm về cấu tạo, nguyên lí hoạt động của đồ dùng ấy chưa ? Đồ dùng ấy có ích cho con người ở những điểm nào ?

4. Kết bài đã nêu cách bảo quản đồ dùng ấy như thế nào ?

5. Bài thuyết minh đã vận dụng những phương pháp nào ?

6. Câu văn có chính xác, sinh động, hấp dẫn không ?

7. Sửa các lỗi chính tả, ngữ pháp và dùng từ (nếu có).

BÀI 17

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được tâm sự yêu nước của Trần Tuấn Khải và giọng điệu trữ tình thống thiết của đoạn trích bài thơ* ***Hai chữ nước nhà****.*
- *Biết nhận dạng và làm được câu thơ bảy chữ.*
- *Vận dụng được các kiến thức đã học để làm tốt bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I theo tinh thần tích hợp.*

VĂN BẢN

HAI CHỮ NƯỚC NHÀ
(Trích)

Chốn ải Bắc(1) mây sầu ảm đạm,
Cõi giời Nam gió thảm đìu hiu,
Bốn bề hổ thét chim kêu,
Đoái nom(2) phong cảnh như khêu bất bình.

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,
Chút thân tàn lần bước dặm khơi,
Trông con tầm tã châu rơi,
Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên.
Giống Hồng Lạc hoàng thiên[3] đã định,
Mấy ngàn năm suy thịnh[4] đổi thay,
Giời Nam riêng một cõi này,
Anh hùng hiệp nữ [5] xưa nay kém gì !
Than vận nước gặp khi biến đổi,
Để quân Minh thừa hội[6] xâm lăng,
Bốn phương khói lửa bừng bừng,
Xiết bao thảm hoạ xương rừng máu sông !
Nơi đô thị thành tung quách vỡ,
Chốn nhân gian bỏ vợ lìa con,
Làm cho xiêu tán hao mòn,
Lạ gì khác giống dễ còn thương đâu !
Thảm vong quốc[7] kể sao xiết kể,
Trông cơ đồ[8] nhường xé tâm can,
Ngậm ngùi đất khóc giời than,
Thương tâm nòi giống lầm than nỗi này !
Khói Nùng Lĩnh[9] như xây khối uất,
Sông Hồng Giang nhường vật cơn sầu,
Con ơi ! Càng nói càng đau,
Lấy ai tế độ[10] đàn sau[11] đó mà ?
Cha xót phận tuổi già sức yếu,
Lỡ sa cơ đành chịu bó tay,
Thân lươn bao quản vũng lầy,
Giang sơn gánh vác sau này cậy con.

Con nên nhớ tổ tông khi trước,
Đã từng phen vì nước gian lao,
Bắc Nam bờ cõi phân mao,[12]
Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây...

(Trần Tuấn Khải(★), *Thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

Chú thích

(★) Trần Tuấn Khải (1895 – 1983), bút hiệu Á Nam, quê ở làng Quang Xán, xã Mĩ Hà, huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định. Ông thường mượn những đề tài lịch sử hoặc những biểu tượng nghệ thuật bóng gió để bộc lộ nỗi đau mất nước, nỗi căm giận bọn cướp nước và bè lũ tay sai, nhằm khích lệ tinh thần yêu nước của đồng bào và bày tỏ khát vọng độc lập, tự do của mình. Thơ Trần Tuấn Khải vào những năm 20 của thế kỉ XX được truyền tụng rộng rãi, nổi tiếng nhất là những bài hát theo các làn điệu dân ca và những bài thơ theo các thể loại cổ truyền của dân tộc như lục bát, song thất lục bát. Tác phẩm chính : các tập thơ *Duyên nợ phù sinh I, II* (1921 và 1923), *Bút quan hoài I, II* (1924 và 1927), *Với sơn hà I, II* (1936 và 1949),...

Hai chữ nước nhà là bài thơ mở đầu tập *Bút quan hoài I* (1924), lấy đề tài lịch sử thời quân Minh xâm lược nước ta : Nguyễn Phi Khanh (cha Nguyễn Trãi) bị giặc bắt đem sang Trung Quốc, Nguyễn Trãi đi theo, nhưng tới biên giới phía Bắc, Nguyễn Phi Khanh đã khuyên con nên quay trở về để lo tính việc trả thù nhà, đền nợ nước. Á Nam đã mượn lời người cha dặn dò con để gửi gắm tâm sự yêu nước của mình. Đoạn trích trên đây là phần mở đầu của bài thơ.

(1) *Ải Bắc* : biên giới phía Bắc giữa nước ta và Trung Quốc thời đó, nằm ở tỉnh Lạng Sơn.

(2) *Đoái nom :* ngoảnh lại mà trông.

(3) *Hoàng thiên* : trời, cách gọi trang trọng.

(4) *Suy thịnh* : suy yếu, thịnh vượng ; ý nói trong quá trình lịch sử, đất nước có lúc hùng mạnh, có lúc suy yếu.

(5) *Hiệp nữ* : người phụ nữ làm việc nghĩa hiệp. Có bản chép là *liệt nữ,* nghĩa là những người phụ nữ dám hi sinh vì nghĩa lớn.

(6) *Thừa hội* : lợi dụng cơ hội.

(7) *Vong quốc* : mất nước.

(8) *Cơ đồ* : cơ nghiệp lớn lao và vững chắc. Ở đây chỉ đất nước do cha ông gây dựng bao đời.

(9) *Nùng Lĩnh* : núi Nùng, còn gọi là Long Đỗ (rốn rồng). Tương truyền vua Lí Thái Tổ đã dựng chính điện trên núi này, hiện chỉ còn vết tích, nằm giữa thành cổ Hà Nội (không phải quả núi đất trong vườn Bách Thảo mà lâu nay vẫn gọi nhầm là núi Nùng). Núi này cùng với sông Hồng (còn gọi là sông Nhị) vẫn được xem là biểu tượng của Thăng Long, của đất nước ta xưa.

(10) *Tế độ* : cứu vớt chúng sinh ra khỏi bể khổ (theo giáo lí của đạo Phật).

(11) *Đàn sau* : thế hệ sau.

(12) *Phân mao* : chia ngọn cỏ. Sách xưa chép, những nơi giáp giới nước ta với Trung Quốc thì ngọn cỏ ngả ra hai bên, nghĩa là nửa đường bên kia thì ngọn cỏ ngả về Trung Quốc, mà bên này thì ngọn cỏ ngả về ta, cho nên gọi là *phân mao.*

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc diễn cảm đoạn thơ. Em có nhận xét gì về giọng điệu của đoạn thơ này ? Thể thơ truyền thống song thất lục bát (mà em đã làm quen qua đoạn trích tác phẩm *Chinh phụ ngâm khúc* học ở lớp 7) đã góp phần vào việc thể hiện giọng điệu đó như thế nào ?

2. Đoạn thơ có thể chia làm ba phần : 8 câu đầu, 20 câu tiếp theo và 8 câu cuối. Em hãy tìm hiểu ý chính từng phần.

3. Ở 8 câu thơ đầu, hãy tìm và phân tích những chi tiết nghệ thuật biểu hiện :

– Bối cảnh không gian.

– Hoàn cảnh éo le và tâm trạng của hai nhân vật cha và con.

Trong bối cảnh không gian và tâm trạng ấy, lời khuyên của người cha có ý nghĩa như thế nào ?

4. Phân tích đoạn thơ thứ hai.

– Tâm sự yêu nước của tác giả thể hiện qua những tình cảm nào ?

– Tìm hiểu sức gợi cảm của đoạn thơ (chú ý cách biểu hiện cảm xúc của tác giả và cả bối cảnh tâm trạng của người đương thời vào đầu những năm 20 của thế kỉ XX).

5. Trong phần cuối đoạn thơ, người cha nói đến cái thế bất lực của mình và sự nghiệp của tổ tông là để nhằm mục đích gì ?

Ghi nhớ

Qua đoạn trích bài thơ ***Hai chữ nước nhà,*** *Á Nam Trần Tuấn Khải đã mượn một câu chuyện lịch sử có sức gợi cảm lớn để bộc lộ cảm xúc của mình và khích lệ lòng yêu nước, ý chí cứu nước của đồng bào. Tình cảm sâu đậm, mãnh liệt đối với nước nhà, sự lựa chọn thể thơ thích hợp và giọng điệu trữ tình thống thiết của tác giả đã tạo nên giá trị đoạn thơ trích.*

LUYỆN TẬP

Người ta nói thơ Trần Tuấn Khải vẫn sử dụng nhiều hình ảnh, từ ngữ có tính chất ước lệ, sáo mòn. Hãy tìm trong đoạn thơ này một số hình ảnh, từ ngữ như thế và cho biết tại sao nó vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ.

ĐỌC THÊM

CHIÊU HỒN NƯỚC[a]

(Trích)

Cũng nhà cửa, cũng giang san[b],
Thế mà nước mất nhà tan hỡi trời !
Nghĩ lắm lúc đang cười hoá khóc,
Muốn ra tay ngang dọc, dọc ngang.
Vạch trời thét một tiếng vang,
Cho thân tan với giang san nước nhà !...

(a) *Chiêu hồn nước* : gọi hồn đất nước, mà hồn đất nước ở đây có nghĩa là chủ quyền độc lập đã mất. Bài thơ được viết năm 1926, là tâm sự yêu nước nung nấu của tác giả, nó đã được truyền tụng rộng rãi và có sức lay động mạnh mẽ, đặc biệt là trong giới thanh niên, học sinh khi đó.

(b) *Giang san (giang sơn)* : sông núi, ngụ ý non sông đất nước.

... Non sông vẫn non sông gấm vóc,
Cỏ cây xem vẫn mọc tốt tươi.
Người xem cũng dáng con người,
Cũng tai cũng mắt như đời khác chi.
Cảnh như thế, tình thì như thế,
Sống mà chi, sống để mà chi ?
Đời người đến thế còn gì !
Nước non đến thế còn gì nước non !
Nghĩ thân thế héo hon tấc dạ,
Trông non sông lã chã dòng châu[a].
Một mình cảnh vắng đêm thâu
Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san...

(Phạm Tất Đắc[b], trong *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX*, Sđd)

HOẠT ĐỘNG NGỮ VĂN : LÀM THƠ BẢY CHỮ

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

1. Khái niệm và phạm vi luyện tập

Thơ bảy chữ là hình thức thơ lấy câu thơ bảy chữ (tiếng) làm đơn vị nhịp điệu, bao gồm thơ bảy chữ cổ thể, thơ Đường luật tám câu bảy chữ và bốn câu bảy chữ (tứ tuyệt), thơ hiện đại nhiều khổ với câu thơ bảy chữ,... Phạm vi luyện tập ở đây là thơ bốn câu bảy chữ (tứ tuyệt hay một khổ bốn câu làm theo đúng luật thơ Đường trong các thể thơ khác), giới hạn ở cách ngắt nhịp, gieo đúng vần, đúng luật bằng trắc giữa các câu.

2. Xem lại bài thuyết minh thể thơ đã học (bài 15).

(a) *Dòng châu* : dòng nước mắt.

(b) Phạm Tất Đắc (1910 – 1935), người làng Dũng Kim, phủ Lí Nhân (nay là huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam. Là một thanh niên yêu nước, Phạm Tất Đắc hăng hái tham gia các phong trào ái quốc đương thời, đã từng bị thực dân Pháp bắt giam vì viết bài thơ *Chiêu hồn nước*.

3. Đọc kĩ các bài và khổ thơ sau, nhận xét về số câu, số chữ, cách ngắt nhịp, gieo vần và phần nào luật bằng trắc trong câu. Về bố cục, nhìn chung trong một bài thơ bốn câu bảy chữ hoàn chỉnh, hai câu đầu thường tả sự vật, sự việc, câu thứ ba chuyển mạch, câu thứ tư biểu thị tư tưởng. Một khổ thơ bốn câu bảy chữ trong bài thơ nhiều khổ thì không nhất thiết theo bố cục trên.

a) **BÁNH TRÔI NƯỚC**

Thân em vừa trắng lại vừa tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(Hồ Xuân Hương)

b)

Đi, bạn ơi, đi ! Sống đủ đầy.
Sống trào sinh lực, bốc men say
Sống tung sóng gió thanh cao mới
Sống mạnh, dù trong một phút giây.

(Tố Hữu, *Đi*)

c)

Bà tôi ở một túp lều tre,
Có một hàng cau chạy trước hè.
Một mảnh vườn bên rào giậu nứa,
Xuân về hoa cải nở vàng hoe.

(Anh Thơ, *Tết quê bà*)

4. Sưu tầm một số bài thơ bảy chữ, chép vào vở bài tập.

5. Tập làm một bài thơ bốn câu bảy chữ, đề tài tự chọn. Lưu ý không được chép bài có sẵn của người khác.

II – HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Nhận diện luật thơ

a) Hãy đọc, gạch nhịp và chỉ ra các tiếng gieo vần cũng như mối quan hệ bằng trắc của hai câu thơ kề nhau trong bài thơ sau :

CHIỀU

Chiều hôm thằng bé cưỡi trâu về,
Nó ngẩng đầu lên hớn hở nghe.

Tiếng sáo diều cao vòi vọi rót,
Vòm trời trong vắt ánh pha lê.

(Đoàn Văn Cừ)

b) Bài thơ sau của Đoàn Văn Cừ đã bị chép sai. Hãy chỉ ra chỗ sai, nói lí do và thử tìm cách sửa lại cho đúng.

TỐI

Trong túp lều tranh cánh liếp che,
Ngọn đèn mờ, toả ánh xanh xanh,
Tiếng chày nhịp một trong đêm vắng,
Như bước thời gian đếm quãng khuya.

2. Tập làm thơ

a) Hãy làm tiếp hai câu cuối theo ý mình trong bài thơ của Tú Xương mà người biên soạn đã giấu đi.

Tôi thấy người ta có bảo rằng :
Bảo rằng thằng Cuội ở cung trăng !
...
...

b) Làm tiếp bài thơ dang dở dưới đây cho trọn vẹn theo ý của mình.

Vui sao ngày đã chuyển sang hè,
Phượng đỏ sân trường rộn tiếng ve.
...
...

c) Một số học sinh đọc bài thơ bốn câu bảy chữ đã làm ở nhà để cả lớp bình.

ĐỌC THÊM

CHIẾC RỔ MAY

Thuở bé nhiều hôm tôi bỏ chơi,
Cảm thương đứng ngó mẹ tôi ngồi.
Và bên chiếc rổ mùi thơm cũ,
Như tấm lòng thơm của mẹ tôi.

Lơ thơ chỉ rối sợi con con
Những cái kim hư, hột nút mòn
Tiện tặn để dành trong lọ nhỏ :
Vải lành gói ghém mấy khoanh tròn.

Lặng lẽ bàn tay lặng lẽ đưa
Đắp từng miếng vá ấm con thơ :
Những mong đời mẹ, đời con mãi
Gần gũi nhau cùng mối chỉ thưa...

Mẹ ơi ! Chiếc áo con đã rách.
Con biết làm sao trở lại nhà
Để mẹ vá giùm ? Con thấy lạnh
Gió lùa nỗi nhớ thấm vào da.

(Tế Hanh)

CUỐI THU

Cuối thu, trời biếc, lúa vàng bông,
Cỏ nhạt màu xanh, lá úa hồng.
Hôm tối chân trời sương tím phủ,
Gió đưa hương lúa bốc thơm lừng.

(Đoàn Văn Cừ)

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I

I – NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN CHÚ Ý

1. Về phần Đọc – hiểu văn bản

Trọng tâm chương trình Ngữ văn lớp 8, học kì I là đọc – hiểu tác phẩm tự sự, văn bản nhật dụng và một số tác phẩm trữ tình. Khi ôn tập, cần chú ý một số nội dung cơ bản sau đây :

a) Nắm được nội dung cụ thể và vẻ đẹp của các tác phẩm tự sự đã học trong chương trình : nội dung cốt truyện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu, ngôn ngữ kể chuyện ; vẻ đẹp của các hình tượng, các nhân vật điển hình,...

b) Nắm được nội dung cụ thể và vẻ đẹp của các tác phẩm trữ tình đã học trong chương trình : nội dung trữ tình, cách thức trữ tình, vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, vai trò và tác dụng của các biện pháp tu từ trong các tác phẩm trữ tình,...

c) Nắm được nội dung và ý nghĩa của một số văn bản nhật dụng.

2. Về phần Tiếng Việt

a) Lí thuyết :

– Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ ;

– Trường từ vựng ;

– Từ tượng hình, từ tượng thanh ; từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội ; trợ từ, thán từ ; tình thái từ ;

– Các biện pháp tu từ từ vựng : đặc điểm và tác dụng của các biện pháp nói quá, nói giảm nói tránh ;

– Câu ghép ;

– Hệ thống dấu câu : đặc điểm và công dụng của dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm.

b) Thực hành :

Biết vận dụng những kiến thức trên vào thực tế (viết bài tập làm văn và đọc – hiểu các văn bản chung học ở phần Văn ; nói, viết trong giao tiếp hằng ngày).

3. Về phần Tập làm văn

Phần Tập làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 8, học kì I tập trung vào các nội dung chính sau đây :

a) Nắm được đặc điểm của văn bản tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm ;

Biết cách làm một bài văn, đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

b) Nắm được đặc điểm, yêu cầu và phương pháp làm văn bản thuyết minh ;

Biết cách làm một bài văn thuyết minh.

II – HƯỚNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Chương trình Ngữ văn được xây dựng theo tinh thần tích hợp, vì thế khi ôn tập chuẩn bị cho bài kiểm tra, đánh giá cuối học kì I, cần chú ý :

1. Các kiến thức về Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn đều dựa vào cùng một hệ thống văn bản chung để khai thác và hình thành. Khi học ôn, cần liên hệ và gắn các kiến thức của mỗi phần với các văn bản chung có trong sách giáo khoa.

2. Do yêu cầu đổi mới đánh giá, bài kiểm tra áp dụng một phần hình thức thi trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Phần trắc nghiệm sẽ kiểm tra một cách tổng hợp trên một diện khá rộng các kiến thức đã học, vì thế không nên học "tủ", học lệch mà phải ôn tập toàn diện, đầy đủ.

3. Cấu trúc một bài kiểm tra thường gồm hai phần : phần trắc nghiệm chiếm từ 30% đến 40% số điểm (khoảng 12 đến 16 câu) nhằm kiểm tra các kiến thức về đọc – hiểu văn bản, về tiếng Việt (văn bản dùng kiểm tra trắc nghiệm có thể là văn bản đã học, cũng có thể là văn bản chưa được học nhưng cùng thể loại và tính chất với các văn bản đã học) ; phần tự luận chiếm từ 60% đến 70% số điểm, nhằm kiểm tra kiến thức và kĩ năng tập làm văn qua một bài văn ngắn.

4. Có thể tham khảo đề kiểm tra sau đây :

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN NGỮ VĂN LỚP 8

Thời gian làm bài : 90 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ BÀI (gồm 2 phần)

Phần I : **Trắc nghiệm** (12 câu, mỗi câu đúng được 0,25 điểm, tổng 3 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất.

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay :

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

– Cụ bán rồi ?

– Bán rồi. Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện :

– Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

(*Ngữ văn 8*, tập một)

1. Tác giả đoạn trích trên là ai ?

A – Nguyên Hồng

B – Thanh Tịnh

C – Ngô Tất Tố

D – Nam Cao

2. Trong đoạn trích trên, tác giả đã kết hợp những phương thức biểu đạt nào ?

A – Miêu tả + biểu cảm

B – Tự sự + miêu tả

C – Biểu cảm + tự sự

D – Nghị luận + biểu cảm

3. Người xưng "tôi" trong đoạn trích là ai ?

A – Binh Tư

B – Vợ ông giáo

C – Ông giáo

D – Lão Hạc

4. Dòng nào thể hiện rõ nhất nội dung chính của đoạn trích ?

A – Tái hiện tâm trạng đau khổ và ân hận của lão Hạc

B – Lão Hạc kể lại chuyện bán chó

C – Lòng xót xa thông cảm của ông giáo đối với lão Hạc

D – Cả ba nội dung trên

5. Điền vào mục D từ có phạm vi nghĩa bao hàm được nghĩa của các từ ở A, B và C.

A – *Miệng*

B – *Mắt*

C – *Mũi*

D – ...

6. Từ *lão* trong đoạn trích trên tương đương với từ *lão* nào trong các dòng sau :

A – Ông lão

B – Lão thầy bói

C – Lão nghệ nhân

D – Bệnh lão hoá

7. Từ nào thay thế được từ *đi đời* trong câu "*Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !*" ?

A – *Bỏ mạng*

B – *Hi sinh*

C – *Chết*

D – *Hết đời*

8. Trong các từ sau, từ nào là từ tượng thanh ?

A – *Vui vẻ*

B – *Hu hu*

C – *Ầng ậng*

D – *Móm mém*

9. Trong các từ sau, từ nào là từ tượng hình ?

A – *Xót xa*

B – *Ái ngại*

C – *Móm mém*

D – *Vui vẻ*

10. Trong đoạn trích trên, có mấy tình thái từ ?

A – Một

B – Ba

C – Hai

D – Bốn

11. Trong các câu sau, câu nào là câu ghép ?

A – *Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra.*

B – *Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa.*

C – *Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít.*

D – *Mặt lão đột nhiên co rúm lại.*

12. Trong các văn bản sau, văn bản nào là văn bản nhật dụng ?

A – *Lão Hạc*

B – *Chiếc lá cuối cùng*

C – *Muốn làm thằng Cuội*

D – *Ôn dịch, thuốc lá*

Phần II : **Tự luận** (7,0 điểm). Học sinh chọn một trong hai đề sau :

Đề 1. Câu chuyện về một con vật nuôi có nghĩa, có tình.

Đề 2. Thuyết minh về một loài hoa mà em yêu thích.

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập lần đầu : **KIM CHUNG – NGỌC KHANH – HIỀN TRANG**
Biên tập tái bản : **NGUYỄN THỊ LAN**
Biên tập kĩ thuật : **NGUYỄN THANH THUÝ**
Trình bày bìa và minh hoạ : **TRẦN TIỂU LÂM**
Sửa bản in : **NGUYỄN THỊ HOA DUNG**
Chế bản : **CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC**

NGỮ VĂN 8 – TẬP MỘT

Mã số : 2H811T1

In .... cuốn, khổ 17 × 24 cm.
In tại ....
Số in : .... Số xuất bản : 01-2011/CXB/78-1235/GD
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 2011.